

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết

Đông Hà là tỉnh lỵ - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Quảng Trị, có tổng diện tích tự nhiên 72,96 km², dân số trung bình năm 2010 có 83.191 người. Tháng 12 năm 2005, Đông Hà được nâng cấp lên đô thị loại III và ngày 11 tháng 8 năm 2009 theo Nghị quyết số 33/NQ-CP của Chính phủ, Đông Hà được lập thành Thành phố - đánh dấu bước trưởng thành và mở ra chặng đường phát triển mới nhanh và bền vững hơn.

Thành phố Đông Hà có tiềm năng về phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp ven đô. Sau khi được nâng cấp lên đô thị loại III và trở thành Thành phố, Đông Hà đã và đang được Nhà nước và Tỉnh quan tâm đầu tư, cơ sở hạ tầng đô thị được cải thiện thêm một bước; các khu, cụm công nghiệp, khu thương mại, du lịch tiếp tục thu hút đầu tư và đang phát huy hiệu quả. Những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố đạt khá cao, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế chung toàn tỉnh. Mức sống dân cư trên địa bàn không ngừng tăng lên, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đó là những nền tảng cơ bản tạo đà cho Đông Hà phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Tuy nhiên, Đông Hà là đô thị trẻ, mới được nâng cấp, hạ tầng đô thị chưa hoàn thiện, tiềm lực kinh tế còn hạn chế, tốc độ tăng trưởng chưa cao so với yêu cầu phát triển mới. Thu nhập của dân cư trên địa bàn chưa tương xứng với mức bình quân của một số đô thị phát triển trong khu vực miền Trung và cả nước.

Bên cạnh đó, tình hình phát triển kinh tế-xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng đã và đang có những thay đổi đáng kể. Nhiều yếu tố mới xuất hiện, đặc biệt khi Việt Nam đã là thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Hành lang kinh tế Đông-Tây được thông tuyến, tạo ra nhiều cơ hội thuận lợi tác động mạnh tới phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và thành phố. Tuy nhiên, ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới đang đặt ra không ít khó khăn và thách thức đối với thành phố trẻ Đông Hà trong quá trình phát triển. Để đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân và nâng cao vị thế, vai trò của Đông Hà xứng tầm là đô thị trung tâm tỉnh lỵ trong giai đoạn phát triển mới, việc lập Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Đông Hà đến năm 2020 là rất cần thiết.

Thực hiện Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội và Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về việc bổ sung và điều chỉnh Nghị định 92, được phép của UBND tỉnh Quảng Trị, UBND thành phố Đông Hà phối hợp với Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội thành phố Đông Hà đến năm 2020.

2. Mục tiêu

Mục tiêu của Dự án là rà soát, đánh giá lại các nguồn lực phát triển; tổng

kết quả trình phát triển kinh tế-xã hội trong thời gian qua; xác định những thế mạnh cần phát huy và những hạn chế cần khắc phục. Trên cơ sở đó xây dựng những định hướng phát triển dài hạn 10-15 năm cho các ngành và lĩnh vực trên địa bàn thành phố; cung cấp những cơ sở khoa học cho việc hoạch định và xây dựng các kế hoạch 5 năm và hàng năm; làm cơ sở để xây dựng các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư có trọng điểm; đề ra các giải pháp thực hiện nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội thành phố trong giai đoạn đến năm 2020.

3. Căn cứ để lập quy hoạch

1) Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2010.

2) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung đến năm 2020 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Dải ven biển miền Trung đến năm 2020.

3) Nghị quyết số 33/NQ-CP của Chính phủ ngày 11 tháng 8 năm 2009 về việc thành lập Thành phố Đông Hà.

4) Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và các Nghị quyết của Đảng bộ Tỉnh v.v.

5) Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

6) Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

7) Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI và các Nghị quyết của Đảng bộ thành phố.

8) Các Quyết định của UBND thành phố về phát triển các ngành, lĩnh vực.

9) Các đề án phát triển ngành và lĩnh vực đến năm 2015, 2020.

10) Quy hoạch chung xây dựng thành phố đến năm 2015.

11) Kế hoạch kinh tế-xã hội năm 2010 và kế hoạch 5 năm 2011-2015.

12) Số liệu thống kê tỉnh Quảng Trị và các tài liệu, số liệu của phòng Thống kê, phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố v.v.

4. Nội dung

Báo cáo tổng hợp "Qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội thành phố Đông Hà đến năm 2020" được chia thành 3 phần chính:

Phần thứ nhất: Đánh giá các yếu tố nguồn lực và thực trạng phát triển kinh tế-xã hội thành phố Đông Hà.

Phần thứ hai: Định hướng qui hoạch phát triển kinh tế-xã hội thành phố Đông Hà đến năm 2020.

Phần thứ ba: Các giải pháp cơ bản thực hiện quy hoạch. Kết luận và những kiến nghị.

Sau đây là nội dung chi tiết báo cáo Qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội thành phố Đông Hà đến năm 2020.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ NGUỒN LỰC VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN

1. Đặc điểm tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý.

Thành phố Đông Hà là tỉnh lỵ- trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Quảng Trị, nằm ở tọa độ 16⁰07'53'' - 16⁰52'22'' vĩ độ Bắc, 107⁰04'24'' - 107⁰07'24'' kinh độ Đông.

- Phía Bắc giáp huyện Gio Linh và Cam Lộ,
- Phía Nam giáp huyện Triệu Phong,
- Phía Đông giáp huyện Gio Linh và Triệu Phong,
- Phía Tây giáp huyện Cam Lộ.

Tổng diện tích tự nhiên là 72,96 km², dân số trung bình năm 2010 có 83.191 người, chiếm 1,54% diện tích và 13,8% dân số toàn tỉnh. Mật độ dân số 1.134 người/km². Thành phố Đông Hà được chia thành 9 phường bao gồm: phường 1, 2, 3, 4, 5, Đông Giang, Đông Thanh, Đông Lương và Đông Lễ.

Thành phố Đông Hà nằm trên giao điểm quốc lộ 1A với đường 9 xuyên Á (Hành lang Đông-Tây) nối với Lào, Thái Lan, Myanmar và các nước trong khu vực; cách không xa các đô thị phát triển và tiềm năng như thành phố Huế (70 km), thành phố Đồng Hới (93 km); cách cảng Cửa Việt 16 km, sân bay Phú Bài (Huế) 84 km, cách cửa khẩu quốc tế Lao Bảo 83 km.

Từ khi được nâng cấp lên đô thị loại III và thành lập thành phố Đông Hà trực thuộc tỉnh, tăng trưởng kinh tế của thành phố có xu hướng phát triển nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, hạ tầng đô thị tiếp tục được đầu tư chỉnh trang, hoàn thiện. Bộ mặt kinh tế-xã hội thành phố có những nét khởi sắc mới, tạo đà cho những bước phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

1.2. Địa hình

Địa hình thành phố Đông Hà gồm 2 dạng cơ bản là địa hình gò đồi bát úp và địa hình đồng bằng, thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế và xây dựng các công trình đô thị quy mô, vững chắc.

- Địa hình gò đồi bát úp ở phía Tây và Tây Nam có diện tích 3.191 ha, chiếm 43,7% diện tích tự nhiên; có độ cao trung bình 10 m so với mặt nước biển, nghiêng dần về phía Đông với độ dốc trung bình 5-10⁰. Mặt đất được phủ trên nền phiến thạch và sa phiến, có ưu thế cho việc xây dựng nền móng tốt cho

các công trình; trồng cây lương thực, cây ăn quả, phát triển lâm nghiệp. Địa hình đồi bát úp nối tiếp có thể tạo nên không gian kiến trúc đô thị thoáng đẹp, đa dạng, vững chắc và không bị ngập lụt.

- Địa hình đồng bằng có độ cao trung bình 3 m so với mực nước biển, chiếm 56,3% diện tích tự nhiên, tập trung ở các phường II, phường III, Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ và Đông Lương. Mặt đất được phủ lớp phù sa thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, sản xuất lúa nước, nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên có nhiều nơi thấp trũng nên hàng năm thường hay bị ngập lụt, không thuận lợi cho xây dựng hạ tầng, các công trình đô thị

1.3. Khí hậu.

Thành phố Đông Hà nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng lại chịu ảnh hưởng của gió Tây-Tây Nam nên tạo thành một tiểu vùng khí hậu khô, nóng. Khí hậu chia thành 2 mùa rõ rệt:

Mùa mưa. Tập trung vào tháng 8 đến tháng 11 và kéo dài đến tháng 3 năm sau. Mùa mưa trùng vào mùa gió mùa Đông Bắc nên kèm theo rét lạnh kéo dài, độ ẩm không khí rất cao.

Mùa khô nóng. Kéo dài từ tháng 4 đến tháng 7, gần như liên tục nắng nóng kèm theo gió Tây-Tây Nam khô nóng. Do hiệu ứng “Phon” (fonth) đã đem đến cho Đông Hà một loại hình thời tiết đặc trưng nắng nóng và khô hạn kéo dài. Có những ngày gió Tây-Tây Nam thổi mạnh, sức gió cấp 6, cấp 7 và do cấu tạo địa hình của phía triền dốc Đông Trường Sơn nên khi gió qua đèo Lao Bảo về Đông Hà tạo thành những cơn bão nhỏ, khô nóng có khi kéo dài trong nhiều tháng làm thời tiết thêm oi bức.

Nhiệt độ. Đông Hà có nền nhiệt độ tương đối cao, trung bình năm $24,4^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ tối cao 42°C , thường xảy ra trong tháng 6,7; nhiệt độ tối thấp 11°C , thường xảy ra trong khoảng tháng 12, tháng 1. Trong mùa hạ, từ tháng 5 đến tháng 7 khi xuất hiện gió mùa Tây Nam (thường gọi là gió Lào) mang đặc trưng nắng nóng và khô hạn kéo dài, đó cũng là thời gian nóng nhất trong năm.

Lượng mưa. Đây là khu vực có lượng mưa tương đối lớn, bình quân năm 2.700 mm nhưng phân bố không đều theo các tháng trong năm. Mưa tập trung chủ yếu vào tháng 9, 10, 11, cao nhất vào tháng 9 thường gây nên lũ lụt. Nước lũ tràn về đồng ruộng tạo nên lớp phù sa mới, bồi đắp độ màu mỡ cho đất nhưng nước lớn làm ngập lụt xóm làng gây ra nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

Độ ẩm. Độ ẩm trung bình năm đạt 84%, độ ẩm trung bình tháng cao nhất 94% (tháng 9,11), tháng thấp nhất là 75% (tháng 1 và 2).

Nắng. Khu vực Đông Hà có số giờ nắng cao nhưng phân bố không đều giữa các tháng trong năm. Thời kỳ nắng nhiều là những tháng mùa khô từ tháng 4 đến tháng 8, số giờ nắng đều lớn hơn 200 giờ. Tháng có giờ nắng cực đại là

tháng 7, đạt 239 giờ. Thời kỳ ít nắng là những tháng mùa đông từ tháng 11 đến tháng 3, số giờ nắng dưới 120 giờ. Tháng ít nắng nhất là tháng 12, đạt 80,5 giờ.

Gió. Đông Hà chịu ảnh hưởng sâu sắc của 2 loại gió mùa: gió mùa Đông Bắc hoạt động từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Gió mùa Tây Nam hoạt động khá mạnh mẽ từ tháng 4 đến tháng 9. Tốc độ gió trung bình trong các tháng từ 2,5 - 3,5 m/s. Tốc độ gió mạnh thường xảy ra trong cơn dông, hoặc khi có bão đổ bộ, tốc độ gió lớn nhất quan trắc được 35m/s.

Bão. Mùa bão thường xảy ra từ tháng 5 đến tháng 11, tập trung nhất vào các tháng 9 đến 11. Các cơn bão đổ bộ vào đất liền thường kèm theo mưa to kết hợp nước biển dâng cao và lượng mưa từ trên nguồn đổ xuống gây lũ lụt và ngập úng trên diện rộng làm thiệt hại đến cơ sở hạ tầng, phá hoại mùa màng, gây nhiều tổn thất về kinh tế, xã hội và môi trường.

1.4. Thủy văn.

Chế độ thủy văn của thành phố Đông Hà chịu ảnh hưởng của hệ thống sông ngòi và thủy triều từ biển vào thông qua Cửa Việt. Hệ thống sông ngòi của thành phố gồm 3 sông chính:

Sông Hiếu. Là hệ thống sông lớn nhất chảy qua phía Bắc thành phố, bắt nguồn từ sườn Đông dãy Trường Sơn, huyện Hướng Hóa, từ độ cao trên 1000 m chảy theo hướng Tây Bắc-Đông Nam qua địa phận huyện Cam Lộ đi về Đông Hà và nhập vào sông Thạch Hãn ở ngã 3 Gia Độ. Sông Hiếu có chiều dài 70 km, diện tích lưu vực 465 km². Đoạn đi qua thành phố Đông Hà dài 8 km, chiều rộng trung bình 150 - 200 m. Khu vực hạ lưu sông Hiếu chịu sự chi phối của thủy triều từ biển vào nên có chế độ dòng chảy khá phức tạp. Về mùa khô dòng chảy ở thượng lưu nhỏ nên mặn xâm nhập sâu, biên độ mặn lớn, mùa lũ nước thường dâng cao gây ngập lụt. Sông Hiếu là nguồn phù sa bồi đắp màu mỡ cho các cánh đồng ven hai bên sông; cung cấp nước ngọt dồi dào cho sản xuất và sinh hoạt, đồng thời còn là nguồn điều hoà chế độ nhiệt ẩm cho thành phố, nhất là vào mùa hè. Sông Hiếu còn là đường thủy rất thuận lợi nối Đông Hà-Cam Lộ, Đông Hà-Cửa Việt và là nguồn khai thác cát sạn dồi dào cho ngành xây dựng.

Sông Thạch Hãn. Bắt nguồn từ Ba Lòng, sông có chiều dài 145 km, đoạn chảy ven phía Đông thành phố dài 5 km là ranh giới giữa Đông Hà và huyện Triệu Phong.

Sông Vĩnh Phước. Bắt nguồn từ vùng đồi cao 300 - 400 mét thuộc huyện Cam Lộ chảy qua phía Nam thành phố đổ vào sông Thạch Hãn, có chiều dài 45 km, chiều rộng trung bình 50-70m, diện tích lưu vực 183 km²; lưu lượng trung bình 9,56m³/s, mùa kiệt 1,79m³/s. Đây là con sông cung cấp nguồn nước sinh hoạt chính cho địa bàn thành phố.

Mạng lưới các hồ đập. Ngoài hệ thống các sông chính, Đông Hà còn có

mạng lưới các hồ đập phân bố đều khắp trên địa bàn thành phố như hồ Trung Chi, hồ Khe Mây, hồ Đại An, hồ Khe Sắn, hồ Km 6 v.v.

Nhìn chung mạng lưới sông suối, hồ ao là nguồn nước dồi dào cung cấp cho sinh hoạt dân cư, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển các ngành kinh tế, có tác dụng điều hòa khí hậu, môi trường sinh thái trên địa bàn thành phố.

2. Các nguồn tài nguyên

2.1. Tài nguyên đất.

2.1.1. *Đặc điểm thổ nhưỡng.* Theo kết quả điều tra nông hoá thổ nhưỡng cho thấy đất đai của thành phố Đông Hà bao gồm các loại đất chủ yếu sau: đất Feralit trên sa phiến, đất phù sa bồi, phù sa không được bồi, đất phù sa glây, đất cát..., trong đó chiếm tỉ lệ lớn và có ý nghĩa kinh tế bao gồm các loại sau:

- Đất Feralit nâu vàng phát triển trên phiến sét (Fs): Phân bố tập trung ở khu vực Tây và Tây Nam thành phố. Diện tích đất này chiếm khoảng 3.500 ha, chủ yếu thích hợp trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả, phát triển đồng cỏ chăn nuôi.

- Đất phù sa được bồi hàng năm (Pb): Phân bố chủ yếu ở các vùng khu vực triền sông Hiếu, sông Vĩnh Phước, diện tích khoảng 500 ha, đây là loại đất thích hợp cho việc trồng cây lương thực, cây ăn quả và cây công nghiệp.

- Đất phù sa Glây(Pg): Phân bố rải rác ở các khu vực trồng lúa (thuộc các phường Đông Lễ, Đông Lương, Đông Giang, Đông Thanh) có diện tích 200 ha.

Đặc điểm chung của các loại đất trên là bị chua phèn, độ PH dao động từ 4,5 - 6,5 nên độ phì thấp.

2.1.2. Tài nguyên đất phân theo mục đích sử dụng.

Theo số liệu thống kê thành phố năm 2010, tổng diện tích tự nhiên toàn thành phố là 7295,87 ha, được phân theo các loại đất chính: đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng.

a) *Đất nông nghiệp.* Diện tích **3.939,48 ha, chiếm 54,55%** tổng diện tích tự nhiên, bao gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất mặt nước nuôi trồng thủy sản.

- Đất sản xuất nông nghiệp. Có diện tích 1.568,51 ha, trong đó đất trồng cây hàng năm 1.385,12 ha, chiếm phần lớn diện tích 87,95% đất sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là trồng lúa, màu 1.125,69 ha và trồng các loại cây thực phẩm như đậu, đỗ, rau, quả, ớt... Đất trồng cây lâu năm có diện tích 174,82 ha chiếm 9,0% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, chủ yếu trồng cây ăn quả các loại.

- Đất lâm nghiệp. Có diện tích 2.370,97 ha, chiếm 32,5% diện tích tự nhiên, phần lớn là rừng trồng sản xuất, rừng bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản. Diện tích 186,62 ha, chiếm 4,6% diện tích đất nông nghiệp, bao gồm các hồ, đầm nuôi cá, tôm, thủy sản.

b) *Đất phi nông nghiệp*. Diện tích 2.492,93 ha, chiếm 34,17% diện tích tự nhiên, bao gồm các loại đất:

- Đất ở. Có diện tích 782,01 ha, chiếm 31,37% đất phi nông nghiệp. Đông Hà là một đô thị không có xã ngoại thị nên toàn bộ đất ở của thành phố là đất ở đô thị, không có đất ở nông thôn. Bình quân đất ở đô thị/người là 92,5 m²/người.

- *Đất chuyên dùng*. Diện tích 962,04 ha, chủ yếu là đất giao thông, xây dựng, thủy lợi, dẫn truyền năng lượng v.v.

- *Các loại đất phi nông nghiệp khác*. Diện tích 748,88 ha, bao gồm đất tôn giáo tín ngưỡng, đất nghĩa trang, nghĩa địa, sông suối và mặt nước chuyên dùng.

c) *Đất chưa sử dụng*. Diện tích còn 571,22 ha, chiếm 7,83% tổng diện tích tự nhiên, chủ yếu là đất bằng và đất đồi núi chưa sử dụng. Hầu hết các phường đều còn diện tích đất chưa sử dụng. Thời gian tới, cần triệt để khai thác sử dụng quỹ đất này phục vụ phát triển các ngành kinh tế-xã hội trên địa bàn thành phố.

2.2. Tài nguyên nước.

Nguồn nước mặt. Thành phố Đông Hà có nguồn nước mặt khá dồi dào do 3 sông chính cung cấp là sông Hiếu, sông Thạch Hãn và sông Vĩnh Phước. Ngoài ra còn hàng chục khe suối và một số hồ chứa, phân bố khá đều trên địa bàn thành phố. Lượng mưa bình quân hàng năm 2.700 mm là nguồn bổ sung đáng kể vào nguồn nước các sông hồ trên địa bàn thành phố.

Nguồn nước ngầm. Theo tài liệu đánh giá của Sở Khoa học và Công nghệ thì nước ngầm vùng trung tâm thành phố và khu vực đất đồi tầng ngầm nghèo. Nguồn nước ngầm mạch nông tồn tại ở vùng đất trũng thuộc khu vực tràm tích phù sa. Không có nguồn nước ngầm mạch sâu ở thành phố nhưng có thể khai thác nguồn nước ngầm mạch sâu cách thành phố 12 km về phía Đông Bắc (huyện Gio Linh) với công suất 15.000m³/ngày, lưu lượng giếng khoan từ 15-19 l/s, tổng độ khoáng hóa 80-280 mg/l. Nhìn chung nguồn nước mặt và nước ngầm đảm bảo được chất lượng và đáp ứng đủ nhu cầu phát triển các ngành kinh tế và phục vụ dân sinh trên địa bàn thành phố.

2.3. Tài nguyên rừng.

Hiện nay, thành phố Đông Hà có 2.255,69 ha rừng, trong đó toàn bộ là đất rừng trồng. Rừng tự nhiên bị chiến tranh hủy diệt và một phần do con người chặt phá nên không còn diện tích. Rừng trồng đã đến tuổi khai thác có khoảng 1.000 ha, mật độ thưa, năng suất và trữ lượng thấp. Ước tính trữ lượng gỗ củi có khoảng 15.000m³ gỗ củi. Cần duy trì và mở rộng diện tích đất rừng sản xuất, trồng rừng cảnh quan gắn phát triển lâm nghiệp với phát triển du lịch và bảo vệ

môi trường sinh thái.

2.4. Tài nguyên khoáng sản

Nhìn chung, nguồn khoáng sản ở Đông Hà rất nghèo, chỉ có đất sét làm gạch ngói, trữ lượng không lớn, phân bố rải rác ở các phường Đông Giang, Đông Thanh, phường II và Đông Lương. Các đợt thăm dò địa chất trước đây cho biết, Đông Hà có quặng sắt ở đồi Quai Vạc (km 6 và km 7) ở đường 9 gần trung tâm thành phố, tuy nhiên trữ lượng chưa được xác định.

2.5. Tài nguyên du lịch, nhân văn

Đông Hà có địa hình, địa thế đa dạng với nhiều sông hồ, vùng gò đồi, rừng cây, tạo nên nhiều cảnh quan đẹp: có sông Hiếu chảy qua thành phố, sông Vĩnh Phước bao bọc phía Nam và sông Thạch Hãn phía Đông; có các hồ Khe Mây, Trung Chi, hồ Km6, Đại An, Khe Sấn; vùng gò đồi phía Tây còn nhiều tiềm năng phát triển lâm sinh thái, rừng cây. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển hình thành các khu du lịch sinh thái lâm viên cây xanh, khu công viên vui chơi, giải trí hấp dẫn.

Trên địa bàn thành phố có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng lưu giữ những giá trị truyền thống tốt đẹp, tự hào của vùng đất và con người Đông Hà qua các thời đại, trong đó có 20 di tích đã được xếp hạng (2 di tích cấp quốc gia, 18 di tích cấp tỉnh). Các công trình văn hóa tiêu biểu như Đình làng Nghĩa An và các giếng Chăm, Đình làng Lập Thạch, Đình làng Điều Ngao, đặc biệt Đình làng Trung Chi được đánh giá là một công trình kiến trúc nghệ thuật đặc biệt, điển hình của tỉnh Quảng Trị. Các di tích lịch sử cách mạng tiêu biểu như Cảng quân sự Đông Hà, Nhà ga-Lô cốt Đông Hà, Nghĩa trang liệt sỹ quốc gia đường 9, Động Bồ Chao v.v. Ngoài ra còn nhiều đình, chùa, miếu (miếu Phủ ông làng Thượng Nghĩa), nhà các Đảng viên, Chiến sỹ cách mạng v.v. Đây là nguồn tiềm năng có thể khai thác phát triển du lịch văn hóa, lịch sử.

Thành phố Đông Hà với vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh Quảng Trị, có lợi thế nằm trên điểm giao cắt của tuyến hành lang kinh tế Đông-Tây và quốc lộ 1A, nằm gần các di tích lịch sử cách mạng nổi tiếng, nằm trên "con đường di sản" kết nối các di sản thế giới tại miền Trung, do đó Đông Hà hội tụ các điều kiện tương đối thuận lợi để trở thành điểm dừng chân lý tưởng, là cơ hội để phát triển mạnh các loại hình du lịch như: du lịch hoài niệm, thăm chiến trường xưa, du lịch DMZ, du lịch sinh thái, du lịch mua sắm, du lịch lữ hành trong nước và quốc tế.

Với các thuận lợi về vị trí địa lý và các tiềm năng du lịch nêu trên có thể phát triển Đông Hà thành một trọng điểm du lịch của tỉnh- là trung tâm điều hành các hoạt động du lịch của tỉnh.

2.6. Cảnh quan và môi trường

Vùng đất Đông Hà có cảnh quan thiên nhiên đa dạng: sông hồ, đồi núi, rừng cây v.v. tạo nên nhiều phong cảnh đẹp, hữu tình. Đây là điều kiện thuận lợi để xây dựng Đông Hà thành một đô thị mang nét đặc trưng riêng với truyền thống văn hoá của một vùng đất có bề dày lịch sử, trong sự hòa quyện với thiên nhiên theo hướng bền vững và mang tính hiện đại theo xu thế hội nhập, hợp tác phát triển với cả nước, khu vực và quốc tế.

Hiện tại môi trường ở Đông Hà cơ bản vẫn giữ được trong lành, chưa bị ô nhiễm đe dọa đến sức khoẻ cộng đồng. Tuy nhiên, cùng với tốc độ đô thị hoá nhanh, hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển, vấn đề rác thải, nước thải gây nên tình trạng ô nhiễm cục bộ ở một số nơi. Mưa lũ, thiên tai, việc khai thác không hợp lý đất đai, nguồn nước... gây nguy cơ làm cho các nguồn tài nguyên, môi trường bị ô nhiễm, thoái hoá. Diện tích trồng cây xanh trong nội thị còn thấp, độ che phủ của rừng chưa cao v.v.

2.7. Đặc điểm dân số, lao động và truyền thống văn hóa

Dân số. Năm 2010 dân số trung bình toàn thành phố có 83.191 người, trong đó nam chiếm 48,9%, nữ 51,1%. Theo cách tính quy mô dân số trong phân loại đô thị (bao gồm cả dân số thường trú và tạm trú quy đổi) thì quy mô dân số Đông Hà hiện nay khoảng 92.000-93.000 người. Trên địa bàn dân cư phân bố không đều, tập trung đông ở các phường nội thị. Phường I tập trung đông dân nhất, có mật độ 9.023 người/km², phường III có mật độ thấp nhất 292 người/m².

Lao động. Trên địa bàn thành phố có 51.831 người trong độ tuổi lao động, chiếm 62,3% tổng dân số, bình quân mỗi năm tăng thêm khoảng 1.100-1.200 người. Bên cạnh sự gia tăng nguồn nhân lực từ số dân bước vào tuổi lao động, thành phố còn là địa bàn hấp dẫn, thu hút lao động từ các địa phương trong tỉnh đến làm việc và sinh sống, trung bình mỗi năm có khoảng 400-500 người. Đây là nguồn nhân lực bổ sung cho nền kinh tế, nhưng đồng thời cũng là áp lực đối với vấn đề tạo việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội.

Lao động xã hội tham gia trong nền kinh tế quốc dân khoảng 35.000 người. Trong cơ cấu lao động xã hội, ngành công nghiệp-xây dựng thu hút khoảng 25,04%; lao động dịch vụ 60,33%; lao động nông nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ khoảng 14,63%. Lao động được đào tạo nghề đạt khoảng 40-41%. Nhìn chung nguồn lao động trên địa bàn thành phố dồi dào, cơ cấu trẻ khoẻ, tuy nhiên chất lượng chưa cao, trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề còn hạn chế, lực lượng lao động khoa học kỹ thuật còn thiếu v.v.

Truyền thống văn hóa. Người dân Đông Hà cần cù, đoàn kết, thân thiện, trung kiên, anh dũng, có truyền thống văn hoá đậm đà bản sắc. Trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, nhân dân Đông Hà cùng nhiều chiến sỹ cả nước đã anh dũng chiến đấu, hy sinh bảo vệ Tổ quốc, quê

hương. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, người dân Đông Hà tiếp tục phát huy đức tính cần cù, chịu khó, năng động sáng tạo, tiếp thu nhanh khoa học kỹ thuật, nhạy bén với kinh tế thị trường, không ngừng khắc phục khó khăn, vươn lên đi đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Đây là thế mạnh - nguồn nội lực quan trọng đưa thành phố Đông Hà phát triển đi lên trong tương lai.

II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI

1. Đánh giá tổng quát về quá trình phát triển

Thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền và toàn thể nhân dân thành phố Đông Hà cùng nỗ lực phấn đấu lao động, sáng tạo, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa trên mọi lĩnh vực. Vượt qua nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế thế giới, sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của thành phố đã đạt được những thành tựu quan trọng: giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế, hoàn thành nhiều chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tiềm lực kinh tế được củng cố, phát triển, cơ sở hạ tầng được cải thiện đáng kể, diện mạo đô thị có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, đang tạo những tiền đề và nhân tố mới cho quá trình phát triển tiếp theo.

1.1. Tăng trưởng kinh tế (tính theo giá trị gia tăng-giá so sánh 1994)

Qua quá trình phát triển từ khi trở thành trung tâm tỉnh lỵ đến nay, kinh tế của thành phố Đông Hà luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, thời kỳ sau cao hơn thời kỳ trước, luôn dẫn đầu trong toàn tỉnh.

Qui mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế (Tính theo giá trị gia tăng- VA, giá CĐ 1994)

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tăng bq %/năm	
							2006-2010	NQ 2006-2010
I. Tổng GTGT (VA) (Giá SS 1994 - Tỉ đ)	663,7	763,2	879,3	1003,7	1148,7	1323,0	-	-
II. Tốc độ tăng (%) ⁽¹⁾	-	15,0	15,2	14,2	14,4	15,2	14,8	15-16
- Công nghiệp- xây dựng	-	20,3	17,2	16,8	21,9	25,0	20,2	20
- Dịch vụ	-	13,0	14,6	13,5	11,0	10,0	12,4	13-14
- Nông, lâm, ngư nghiệp	-	7,7	7,0	6,1	3,0	3,06	4,2	4
III. B/q (VA)/người (Triệu đ- giá hiện hành)	14,3	14,6	17,8	22,7	27,6	32,3	30-32	31

Thời kỳ 2001-2005. Tăng trưởng kinh tế chung (tính theo VA-giá SS 1994) của thành phố khá cao, đạt 14,2%/năm, trong đó công nghiệp-xây dựng

tăng 20,8%, dịch vụ tăng 12,4%, nông nghiệp tăng 5,0%. Tổng GDP năm 2005 đạt 663,7 tỷ đồng. Thu nhập VA/người (giá hiện hành) đạt 14,3 triệu đồng/năm.

Thời kỳ 2006-2010. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và tình hình thiên tai, dịch bệnh v.v. song kinh tế của thành phố vẫn tăng trưởng cao, GDP bình quân tăng 14,8%/năm, trong đó công nghiệp-xây dựng tăng 20,2%, dịch vụ tăng 12,4%, khu vực nông nghiệp tăng 4,2%.

Riêng năm 2010, kinh tế của thành phố vẫn đạt mức tăng trưởng 15,2%, trong đó công nghiệp-XD tăng nhanh, đạt 25%, dịch vụ tăng 10%, nông nghiệp tăng 3,06%; GDP bình quân/người đạt 32,3 triệu đồng (tương đương 1.830 USD), tăng gần 2,3 lần so với năm 2005.

1.2. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế

a) Cơ cấu theo các ngành kinh tế quốc dân. Cùng với tốc độ tăng trưởng nhanh của ngành công nghiệp, cơ cấu kinh tế của thành phố có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp-xây dựng từ 26,8% năm 2005, lên 30,5% năm 2010; khu vực dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, chiếm 66,6%; tỷ trọng nông nghiệp giảm đáng kể, từ 3,6% năm 2005 xuống còn 2,9%. Đây là cơ cấu kinh tế khá tiên bộ, phù hợp với kinh tế đô thị, khu vực phi nông nghiệp chiếm ưu thế tuyệt đối. Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch cơ cấu diễn ra chậm, công nghiệp-xây dựng chưa thể hiện vai trò động lực trong nền kinh tế.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế (Theo giá trị gia tăng -VA, giá hiện hành)

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009	2010
I. Tổng giá trị gia tăng- (Tỷ đồng)	992,3	1.161,3	1.440,0	1.857,7	2.284,9	2688
- Công nghiệp, xây dựng	266,0	325,2	390,2	499,7	664,9	820
- Khu vực dịch vụ	690,8	795,5	992,2	1.291,1	1.549,2	1790
- Nông, lâm, thủy sản	35,5	40,6	57,6	66,9	70,8	78
II. Cơ cấu các ngành kinh tế (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
- Công nghiệp, xây dựng	26,8	28,0	27,1	26,9	29,1	30,5
- Khu vực dịch vụ	69,6	68,5	68,9	69,5	67,8	66,6
- Nông, lâm, thủy sản	3,6	3,5	4,0	3,6	3,1	2,9

b) Cơ cấu nội bộ các ngành. Trong từng khu vực kinh tế, cơ cấu cũng chuyển dịch theo hướng ưu tiên phát triển những ngành phát huy tiềm năng, lợi thế của thành phố và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Trong công nghiệp. Thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp có ưu

thế về nguồn nguyên liệu, lao động, thị trường, tạo sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường như chế biến nông sản, thực phẩm; chế biến gỗ, mộc mỹ nghệ; luyện, cán thép, cơ khí, dệt may v.v.

Trong nông nghiệp. Cơ cấu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phát triển thâm canh, chuyên canh các vùng sản xuất rau đậu thực phẩm, trồng rừng, cây ăn quả v.v. Kinh tế trang trại và một số mô hình kinh tế khác phát triển khá, bước đầu đem lại hiệu quả.

Trong lĩnh vực dịch vụ. Chú trọng phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, đặc biệt là các loại hình dịch vụ chất lượng, có hàm lượng chất xám và công nghệ, kỹ thuật cao như tài chính-ngân hàng, bưu chính-viễn thông, dịch vụ khoa học- kỹ thuật, thương mại điện tử, ứng dụng-chuyển giao công nghệ phục vụ nông nghiệp, dịch vụ du lịch, vận tải hàng hóa và hành khách v.v.

1.3. Đầu tư xã hội.

Được sự quan tâm của Tỉnh và các ngành, thành phố đã được tập trung ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, hạ tầng kinh tế và phúc lợi xã hội. Tổng đầu tư xã hội trên địa bàn thành phố thời kỳ 2001-2005 đạt 879,3 tỷ đồng; trong 5 năm 2006-2010 đạt 2.590 tỷ đồng, tăng gần 3 lần so với thời kỳ 2001-2005, tăng bình quân mỗi năm 31%, trong đó ngân sách Trung ương và Tỉnh là 761 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 29,4%, còn lại là vốn đầu tư của Thành phố chiếm 31,0% và vốn đầu tư của doanh nghiệp và dân cư, chiếm 39,6%. Nhìn chung nguồn vốn đầu tư xã hội phát triển khá nhanh trong những năm gần đây. Thành phố đã ưu tiên đầu tư cho các công trình trọng điểm và tập trung vốn đối ứng cho các dự án kêu gọi đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước. Nhiều công trình, dự án về hạ tầng đô thị và kinh tế đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, phát huy được hiệu quả đầu tư và làm thay đổi bộ mặt đô thị. Bước đầu thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa trên một số lĩnh vực giáo dục, văn hóa, vệ sinh môi trường. Công tác quản lý đô thị từng bước đi vào nề nếp, kỷ cương, diện mạo đô thị ngày một khởi sắc.

1.4. Thu-chi ngân sách.

Thu ngân sách. Trong 5 năm 2006-2010, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 586,7 tỷ đồng, bình quân hàng năm tăng 16,5%/năm. Nguồn thu chủ yếu từ thuế và phí chiếm trên 80%. Riêng năm 2010, thu ngân sách trên địa bàn đạt 114,7 tỷ đồng, tăng 15,43% so năm 2009, ngân sách cấp trên trợ cấp 41,6 tỷ đồng. Tỷ lệ thu ngân sách trên địa bàn so với tổng GTSX (HH) là 1,7%. Nhìn chung thu ngân sách phát triển theo hướng tích cực, khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu.

Chi ngân sách. Tổng chi ngân sách nhà nước trong 5 năm 2006-2010 đạt 566,5 tỷ đồng, tăng bình quân 19%/năm, trong đó chi cho sự nghiệp kinh tế và đầu tư phát triển chiếm 34%, chi thường xuyên chiếm 46%, chi ngân sách

phường và chi khác chiếm 20%. Năm 2010, tổng chi ngân sách thành phố đạt 172,9 tỷ đồng, đảm bảo kinh phí kịp thời thực hiện nhiệm vụ. Chi ngân sách đã chú trọng hơn cho các mục tiêu đầu tư phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế v.v.

1.5. Vị thế của thành phố Đông Hà trong nền kinh tế tỉnh Quảng Trị.

Thành phố Đông Hà là trung tâm tỉnh lỵ, đóng vai trò quan trọng- là địa bàn động lực trong phát triển kinh tế của tỉnh. Thời gian qua, Đông Hà luôn dẫn đầu trong phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, liên tục đạt mức tăng trưởng cao 14-15% qua các thời kỳ. Tổng giá trị gia tăng sản xuất (VA-GDP) của thành phố chiếm 44% toàn tỉnh, đặc biệt lĩnh vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao, chiếm tỷ trọng lớn (72,2%) trong tổng giá trị gia tăng (VA) của ngành trên toàn tỉnh. Hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị, du lịch đang từng bước hình thành và đi vào hoạt động. Đông Hà là đầu mối giao thương hàng hóa của cả tỉnh, là điểm mua sắm hấp dẫn thu hút du khách qua lại trên tuyến quốc lộ 1A nối Bắc-Nam. Đông Hà còn là địa bàn thu hút dân cư và lao động từ các địa phương trong tỉnh đến học tập, làm việc.

Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế của thành phố Đông Hà so với toàn tỉnh Quảng Trị (Số liệu thực hiện năm 2010)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Toàn tỉnh	TP. Đông Hà	% so toàn tỉnh
1. Diện tích tự nhiên	Km ²	4.739,82	72,96	1,54
2. Dân số trung bình	10 ³ Người	600,4	83,2	13,8
3. Tổng GDP-VA (giá CĐ 1994)	tỉ đồng	3.008	1323,0	44,0
- Công nghiệp-Xây dựng	„	1195	510,1	42,7
- Nông, lâm, thủy sản	„	802,3	30,4	3,8
- Dịch vụ	„	1013	782,5	72,2
4. Tốc độ tăng GTGT (VA)⁽¹⁾	%	10,6	15,2	4,6
- Công nghiệp-Xây dựng	„	17,4	25,0	7,6
- Nông, lâm, thủy sản	„	3,3	3,06	-2,4
- Dịch vụ	„	9,3	10,0	7,0
5. GTSX Công nghiệp (giá CĐ 1994)	tỉ đồng	1.650,9	640,0	38,8
7. Thu ngân sách trên ĐB⁽²⁾	Tỷ đồng	1136	114,7	17,6
8. Vốn đầu tư xã hội (Tỷ đồng)	„	4.742	872	18,4
9. Thu nhập (GDP-VA)/người	Triệu đ	15,9	32,3	2,16 lần
10. Tỷ lệ hộ nghèo	%	12,5	4,2	- 8,3

(1) Năm 2010/2009; tăng trưởng của thành phố so với tỉnh tính theo chênh lệch điểm %

(2) Không kể thuế X-N khẩu

Ngành công nghiệp đang tạo động lực phát triển kinh tế không chỉ riêng cho Đông Hà mà cho toàn tỉnh. Khu công nghiệp Nam Đông Hà là địa bàn công nghiệp đã thu hút được một số dự án quan trọng vào đầu tư phát triển sản xuất. Hạ tầng đô thị được cải thiện, nâng cấp, bộ mặt đô thị có nhiều khởi sắc. Thành phố đóng góp 17,6% trong tổng thu ngân sách nội địa của tỉnh.

Với cơ chế chính sách thông thoáng của tỉnh, thành phố Đông Hà đang trở thành điểm hấp dẫn thu hút đầu tư, các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước, tích cực phát huy vai trò đầu tàu, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và vùng Bắc Trung Bộ. Ngày 11/8/2009 theo Nghị quyết số 33/NQ-CP của Chính phủ, Đông Hà được lập thành Thành phố. Đây là những dấu ấn quan trọng ghi nhận bước trưởng thành và những đóng góp quan trọng của Đông Hà trong nền kinh tế tỉnh Quảng Trị.

2. Đánh giá hiện trạng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu

2.1. Lĩnh vực dịch vụ

Thời gian qua, các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển khá toàn diện, phát huy được những lợi thế trên địa bàn, giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế của thành phố, đóng góp phần lớn trong nguồn thu ngân sách và thu hút lao động, đáp ứng được nhu cầu hàng hóa phục vụ đời sống và phát triển kinh tế. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng thời kỳ 2006-2010 đạt 12,4%, riêng năm 2010, giá trị gia tăng (VA) của ngành đạt 782,5 tỷ đồng, tăng 10,0% so năm 2009, chiếm tỉ trọng 64,2% toàn ngành trong tỉnh. Lĩnh vực dịch vụ thu hút ngày càng nhiều lao động, khoảng 21 nghìn lao động.

- *Thương mại, dịch vụ.* Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển khá, cơ sở hạ tầng được củng cố và tăng cường đầu tư mở rộng, phương thức kinh doanh đa dạng, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá. Khối lượng hàng hóa bán lẻ và bán buôn đều tăng. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ năm 2010 thực hiện 5.800 tỷ đồng, tăng 21,3% so với năm trước.

Năm 2010, toàn thành phố hiện có 7.694 cơ sở kinh doanh thương mại, du lịch, khách sạn, nhà hàng, trong đó có 594 doanh nghiệp và 7.101 cơ sở cá thể. Hoạt động kinh doanh tại các chợ, siêu thị và trên các trục phố trung tâm ngày càng đi vào nề nếp, hàng hoá đa dạng, phong phú. Thương mại ngoài quốc doanh phát triển với tốc độ khá nhanh với mạng lưới các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, cổ phần và các hộ kinh doanh cá thể v.v ngày càng có quy mô lớn về vốn, trình độ công nghệ và khả năng quản lý, kinh doanh v.v.

Trên địa bàn thành phố có 15 chợ (trong đó 5 chợ được xây dựng kiên cố), với khoảng 3.240 hộ kinh doanh. Đông Hà là trung tâm thương mại lớn nhất của tỉnh, Chợ Đông Hà là chợ lớn nhất của tỉnh với quy mô 2.258 lô quầy hàng. Hoạt động kinh doanh ở chợ Đông Hà và các chợ đầu mối ngày càng phát triển,

thu hút nhiều doanh nghiệp, tiểu thương vào buôn bán. Đã hình thành một số trục phố kinh doanh tương đối sầm uất. Trên địa bàn hiện có 5 siêu thị đang hoạt động, doanh thu bán hàng tăng khoảng 15-16%. Đông Hà đã và đang phát huy vai trò trung tâm thương mại lớn của tỉnh và khu vực.

- Các ngành dịch vụ phát triển với tốc độ khá nhanh, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ. Trên địa bàn hiện có 3 trung tâm lễ hành, 8 đơn vị kinh doanh dịch vụ vận chuyển. Số lượng các hãng taxi hiện có 4 hãng với hơn 170 đầu xe các loại, tăng 40 xe so với năm 2008. Ngoài ra còn có nhiều dịch vụ cho thuê xe ô tô của tư nhân v.v. Hoạt động tín dụng, ngân hàng, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, vận tải, nhà hàng, vui chơi giải trí v.v. ngày càng phát triển và hoạt động đem lại hiệu quả. Đã xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới như điện tử, internet, bảo hiểm, chuyên giao kỹ thuật, công nghệ v.v. đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất-kinh doanh và đời sống của nhân dân.

- *Du lịch.* Trên địa bàn thành phố có 47 khách sạn và nhà nghỉ, trong đó trong đó có 2 khách sạn 3 sao. Riêng năm 2009 đã đưa vào hoạt động 5 khách sạn mới. Hàng năm ngành du lịch thu hút hàng vạn lượt khách nội địa và quốc tế đến nghỉ ngơi, tham quan các di tích lịch sử cách mạng và các danh lam thắng cảnh ở các vùng lân cận thành phố như Cồn Tiên, Dốc Miếu, Gio Linh, Nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn, khu nghỉ mát Cửa Việt, Cửa Tùng, địa đạo Vĩnh Mốc, du lịch DMZ v.v. Dịch vụ vận chuyển lễ hành phát triển nhanh, đặc biệt là vận tải đưa đón khách bằng taxi và dịch vụ khai thác các tour "Du lịch hoài niệm chiến trường xưa và đồng đội", vận chuyển liên vận Việt-Nam- Lào khai thác Hành lang Đông- Tây.

Hạn chế. Chất lượng, hiệu quả kinh doanh một số loại hình thương mại, dịch vụ còn thấp. Các loại hình dịch vụ chất lượng cao như siêu thị, trung tâm thương mại chưa phát triển. Các dịch vụ có tiềm năng như vận tải, kho tàng, bến bãi, công nghệ thông tin, tư vấn pháp luật, khoa học công nghệ, vui chơi giải trí chậm phát triển; dịch vụ du lịch còn thiếu tính chuyên nghiệp, chất lượng phục vụ chưa cao. Công tác quản lý hoạt động kinh doanh một số ngành dịch vụ chưa chặt chẽ, chưa đồng bộ nên vẫn còn tình trạng trốn thuế, gian lận thương mại...

2.2. Công nghiệp-TTCN

Sản xuất công nghiệp-TTCN trên địa bàn thành phố vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Năm 2010, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 640 tỷ đồng, tăng 18,0% so năm 2009. Trên toàn thành phố có 5 doanh nghiệp nhà nước, 42 doanh nghiệp ngoài nhà nước và 968 hộ sản xuất cá thể. Các doanh nghiệp ngoài nhà nước và cơ sở sản xuất cá thể đang tiếp tục phát triển và hoạt động có hiệu quả. Ngành công nghiệp-TTCN thu hút, tạo việc làm cho khoảng 4.500-5.000 lao động.

Cơ cấu các ngành công nghiệp có bước chuyển dịch đáng kể. Các ngành có tốc độ tăng trưởng khá, chiếm tỷ trọng ngày càng cao như sửa chữa ô tô, chế biến gỗ, mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, hàng nhôm kính. Một số sản phẩm công nghiệp như hàng nhựa, sản xuất bao bì, các sản phẩm nội thất từ MDF v.v. từng bước được thị trường chấp nhận.

Trên địa bàn thành phố hiện có Khu công nghiệp Nam Đông Hà là trọng điểm công nghiệp của tỉnh, hiện có 25 dự án đăng ký đầu tư, với tổng số vốn đăng ký là 1.475 tỷ đồng, tỷ lệ thuê đất công nghiệp đạt 64,7% (40,48/62,6 ha), trong đó có 10 dự án đã đi vào hoạt động, thu hút gần 2.000 lao động.

Tình hình đầu tư tại Cụm công nghiệp Đông Lễ có nhiều khởi sắc. Đến nay đã có 17 dự án đăng ký đầu tư và được giao đất tại thực địa, tỷ lệ lấp đầy đạt 100% diện tích đất bố trí sản xuất, với tổng vốn đăng ký đầu tư gần 88,7 tỷ đồng. Trong đó có 08 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất, thu hút 356 lao động. Đang tiếp tục hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp quốc lộ 9D diện tích 33,4 ha. Thành phố đã tích cực tranh thủ nguồn vốn khuyến công và ngành nghề của tỉnh hỗ trợ chuyển giao công nghệ, du nhập nghề mới, di dời các cơ sở sản xuất vào cụm công nghiệp. Nhìn chung, sản xuất công nghiệp-TTCN đã có những chuyển biến tích cực, đóng góp ngày càng quan trọng vào tăng trưởng kinh tế chung của thành phố, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

Tuy nhiên sản xuất công nghiệp vẫn chưa có sự bứt phá mạnh, nhất là chưa thu hút được các dự án công nghiệp quan trọng mang tính động lực. Năng lực sản xuất, trình độ công nghệ, trình độ quản lý, tay nghề lao động còn hạn chế; chưa tạo được sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Thực hiện liên doanh, liên kết thu hút đầu tư bên ngoài chưa đem lại hiệu quả cao.

2.3. Nông, lâm, ngư nghiệp

Kinh tế nông nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu kinh tế nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm, rau xanh cho thành phố và tạo được một số sản phẩm hàng hóa. Những năm gần đây do quá trình đô thị hóa tăng nhanh, đất nông nghiệp bị thu hẹp nên nông nghiệp thành phố tăng chậm. Năm 2010, giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ước đạt 47,3 tỷ đồng, tăng 3,03% so năm 2009. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng các ngành dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp có xu hướng tăng; phát triển kinh tế nông nghiệp chú trọng đi vào chiều sâu, tăng hiệu quả sản xuất v.v.

- *Nông nghiệp*. Năm 2010, sản lượng lương thực có hạt đạt 9.254 tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 9.220 tấn; diện tích cây thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày 415 ha; vùng trồng rau an toàn, hoa cây cảnh được quan tâm

đầu tư, đem lại hiệu quả, chất lượng cao. Một số mô hình chuyên canh cây trồng được được quan tâm đầu tư như vùng sản xuất rau an toàn, hoa cây cảnh, mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung, phát triển trang trại tổng hợp v.v.. Chăn nuôi được chú trọng phát triển, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu nông nghiệp. Đã thực hiện các chương trình hỗ trợ đầu tư phát triển đàn bò, cải tạo chất lượng giống gia súc, gia cầm, trồng cỏ chăn nuôi nên số lượng gia súc ngày càng tăng. Đàn trâu, bò phát triển ổn định (trâu 889 con, bò 1.077 con, lợn 9.662 con, gia cầm 45.400 con). Các hình thức chăn nuôi tập trung theo hộ gia đình, trang trại, sử dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến được khuyến khích phát triển.

- *Lâm nghiệp*. Trong 5 năm 2006-2010 trồng được 420 ha rừng tập trung và gần 1,6 triệu cây phân tán các loại. Riêng năm 2010 đã trồng mới được 130 ha rừng và 58.428 cây phân tán, 1.450 cây bóng mát các loại. Độ che phủ rừng từ 23,75% năm 2000 lên 31,74% năm 2009. Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng từng bước đi vào nề nếp, bình quân hàng năm chăm sóc 350-380 ha rừng. Đã chú trọng trồng rừng lâm viên tạo cảnh quan du lịch v.v. Lâm nghiệp đã góp một phần vào phát triển kinh tế chung và cải thiện môi trường đô thị.

- *Thủy sản*. Thành phố khuyến khích chuyển đổi cơ cấu đất đai ở một số vùng để phát triển nuôi trồng thủy sản. Diện tích nuôi thủy sản đạt 86 ha, trong đó, nuôi tôm các loại 45 ha, năng suất bình quân 2,13 tấn/ha, sản lượng 96 tấn; nuôi cá 41 ha, sản lượng 120 tấn. Thủy sản là một hướng có khả năng phát triển mạnh trên địa bàn thành phố.

Nhìn chung, kinh tế nông nghiệp đang đi theo xu hướng phát triển chiều sâu, hình thành vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa. Bước đầu quy hoạch, đầu tư hình thành các vùng sản xuất chuyên canh lúa, cây thực phẩm, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được chú trọng đầu tư. Kinh tế nông nghiệp đã góp phần quan trọng trong việc ổn định đời sống dân cư.

Hạn chế. Đất nông nghiệp hàng năm bị thu hẹp hạn chế khả năng mở rộng quy mô sản xuất. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn chuyển dịch chậm. Sự hình thành các vùng chuyên canh chưa rõ nét. Kinh tế hợp tác xã hoạt động còn gặp khó khăn, mô hình sản xuất nông nghiệp mới chưa phát triển. Năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp chưa cao v.v.

2.4. Cơ sở hạ tầng

2.4.1. *Giao thông*. Thời gian qua, hệ thống giao thông trên địa bàn thành phố đã được đầu tư xây dựng tương đối hoàn chỉnh, nhiều tuyến được nâng cấp, mở rộng và quy hoạch mới. Nhiều tuyến đường chính đã được trải nhựa, bê tông hóa và bo, lát vỉa hè.

a) *Đường bộ.*

- *Quốc lộ.* Các tuyến quốc lộ chạy qua trên địa bàn thành phố bao gồm:

+ Quốc lộ 1A chạy qua thành phố với chiều dài 7,5 km là các tuyến giao thông huyết mạch gắn kết thành phố thông suốt Bắc Nam;

+ Quốc lộ 9 đoạn chạy qua trung tâm thành phố, được xây dựng tương đối hoàn chỉnh có mặt cắt 26-33 m.

+ Quốc lộ 9D chạy qua phía Tây thành phố, được xây dựng hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn đường cấp III- là các tuyến trục quan trọng gắn với đường liên vận quốc tế xuyên Á nối Việt Nam với Lào và các nước trong Khu vực;

+ Tuyến Cam Lộ- Cửa Việt: nối Đông Hà với thị trấn Cửa Việt và vùng ven biển, là tuyến đường tác động tới phát triển của thành phố về kinh tế cũng như an ninh quốc phòng.

- *Giao thông đô thị.* Trên địa bàn thành phố có khoảng 400 km đường đô thị, trong đó tính quản lý 33 tuyến/44 km, thành phố và phường quản lý 90 tuyến/87,4 km, còn lại là các đường khu vực, ngõ phố do nhân dân tự quản. Mật độ đường đạt 5,5 km/km², phân bố tương đối đều từ khu trung tâm ra ven đô. Những năm gần đây, một số tuyến đường đô thị mới được xây dựng, chất lượng đường được cải thiện đáng kể. Hầu hết các tuyến đường chính nội thị được trải nhựa, có hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và có mốc chỉ giới. Đã có 115 đường phố được đặt tên và cấp số nhà. Tuy nhiên, các tuyến đường vùng ven đô đa phần nhỏ hẹp, chưa có vỉa hè, thiếu hệ thống điện chiếu sáng và cây xanh; nhiều tuyến đường vào các ngõ xóm vẫn còn là đường đất.

b) *Đường sắt.* Tuyến đường sắt Bắc-Nam chạy xuyên qua trung tâm thành phố với chiều dài 7 km. Ga đường sắt Đông Hà nằm ở phía Nam thành phố với diện tích 6,9 ha, đã được đầu tư nâng cấp đạt tiêu chuẩn ga cấp 1, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa và hành khách.

c) *Đường thủy.* Chủ yếu hoạt động trên sông Hiếu. Cảng sông Đông Hà nằm ở vị trí hạ lưu sông Hiếu, phía thượng lưu cầu Đông Hà, gồm 1 bến đứng có chiều dài 100 m, 1 bên nghiêng dài 90 m; khả năng hàng hóa thông qua cảng 50.000 tấn/năm, cho tàu 200-250 tấn cập bến; có bãi chứa hàng rộng 4.000 m², kho chứa hàng rộng 900 m². Tuy nhiên hiện tại, bến đứng của cảng Đông Hà không sử dụng được do bị sập, hư hỏng nặng. Ngoài cảng hàng hóa, trên khu vực chợ mới có bến thuyền khách dài 200 m.

2.4.2. *Cấp điện và chiếu sáng đô thị.*

Thành phố Đông Hà được cung cấp điện từ điện lưới quốc gia thông qua trạm giảm áp chính khu vực Đông Hà 110/35/10KV-16 MVA và 110/22/10 KV-25 MVA, cung cấp cho thành phố khoảng 1.000 KW, tối đa có thể đạt tới 2.000 KW với lượng điện năng hàng năm là 100 triệu KWh. Mạng lưới điện phân phối

đang vận hành song song các cấp điện áp là 35 KV, 22 KV, 10 KV và 0,4 KV. Điện sinh hoạt đạt bình quân 118 KWh/hộ/tháng.

Điện chiếu sáng đô thị đã xây dựng 18 tuyến đường phố được chiếu sáng với tổng chiều dài 19,3 km, đạt 65% tổng đường được quy hoạch chiếu sáng. Ngoài ra, các công viên, vườn hoa đã được bố trí hệ thống đèn trang trí và cảnh quan. Nhìn chung, hiện tại lượng điện cung cấp đáp ứng đủ cho nhu cầu sinh hoạt và phục vụ sản xuất của các ngành kinh tế trên địa bàn thành phố.

2.4.3. Bưu chính viễn thông. Mạng lưới bưu chính viễn thông đã được phủ sóng trên toàn địa bàn thành phố và phát triển khá nhanh. Thành phố có 2 bưu cục có tổng đài: 1 của Tỉnh và 1 của Thành phố, phục vụ cho toàn thành phố cả về mạng cố định và mạng di động. Máy điện thoại cố định bình quân đạt khoảng 30 máy/100 dân.

Trên địa bàn thành phố có đầy đủ hệ thống internet với tốc độ truyền dẫn cao. Thành phố đã đưa vào sử dụng mạng máy tính diện rộng kết nối từ tỉnh đến thành phố. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ internet đang ngày càng phát triển đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.

2.4.4. Hệ thống cấp-thoát nước và vệ sinh môi trường.

Cấp nước. Thành phố Đông Hà được cấp nước từ 2 nguồn chính là:

- Hệ thống cấp nước từ nhà máy nước sông Vĩnh Phước cách trung tâm thành phố 5 km về phía Tây, công suất 15.000 m³/ngày đêm.

- Hệ thống nước ngầm chuyển tải về từ nhà máy nước Gio Linh công suất 15.000 m³/ngày đêm. Nước sạch được bơm về thành phố Đông Hà qua trạm bơm tăng áp công suất 15.000 m³/ngày đêm xây dựng tại ngã tư Sông. Hệ thống phân phối nước có tổng chiều dài 35.930 m đến hầu hết các địa bàn trên thành phố. Hiện nay đã có 97% số hộ được sử dụng nước máy. Tuy nhiên một số khu vực vẫn còn tình trạng thiếu nước máy nên người dân phải dùng thêm giếng khoan. Chỉ tiêu cấp nước đạt 100 lít/người/ngày đêm.

Thoát nước. Hệ thống thoát nước của thành phố là thoát chung cả nước mưa và nước thải với tổng chiều dài các tuyến cống là 22 km, tập trung chủ yếu ở các phường nội thị. Các đoạn trục chính đều có hệ thống thoát nước ngầm nhưng các đoạn trong khu dân cư, các ngõ nhỏ vẫn còn tình trạng thoát nước thải trên mặt đất. Lưu vực thoát nước chủ yếu ra Sông Hiếu (80%), khu vực các phường phía Nam thành phố thoát ra sông Thạch Hãn và sông Vĩnh Phước. Lượng nước thải hầu hết không qua xử lý nên một số khu vực xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

Vấn đề môi trường. thành phố bước đầu đã chú trọng quan tâm đầu tư cải thiện vệ sinh môi trường đô thị. Chất thải rắn sinh hoạt được tổ chức thu gom,

vận chuyển và xử lý tại bãi chôn lấp rác. Đã triển khai thực hiện dự án Cải thiện môi trường đô thị Miền trung (vốn ADB), đầu tư xây dựng bãi chôn lấp rác phía Tây thành phố với diện tích 22 ha; xây dựng hệ thống thoát nước chính 9 km; hệ thống thoát nước trong các tuyến phố 9,8 km; 12 điểm tập kết rác tạm thời; xây dựng 2 tuyến đê bao chống ngập lụt thuộc đường Bùi Thị Xuân đường Bà Triệu v.v. góp phần đáng kể cải thiện môi trường đô thị. Tuy nhiên, thành phố chưa có công trình xử lý chất thải, rác thải có công nghệ hiện đại. Thiếu các công trình xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt và hệ thống cống thoát nước chưa đồng bộ. Mật độ cây xanh đô thị còn thấp v.v.

2.4.5. Quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị.

Thời gian qua, thành phố đã thực hiện tốt công tác qui hoạch và quản lý qui hoạch được duyệt, tổ chức điều chỉnh quy hoạch chung, điều chỉnh bổ sung quy hoạch hệ thống giao thông và phân khu chức năng các phường vùng ven, lập quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới. Đã tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị. Nhiều công trình, dự án đã được hoàn thành xây dựng góp phần cải thiện hạ tầng đô thị như dự án cải tạo nâng cấp lưới điện, nhựa hoá các tuyến đường giao thông, xây dựng cầu cống, cấp nước-thoát nước, buru chính viễn thông, vệ sinh môi trường, xây dựng khu đô thị mới, trụ sở các cơ quan, công viên văn hóa-TDĐT. Hệ thống các khách sạn, nhà hàng, nhà ở của nhân dân được quan tâm đầu tư xây dựng, chỉnh trang. Một số công trình mang nét kiến trúc mới được hình thành như Trung tâm Buu điện, nhà Bảo tàng, Trung tâm thương mại Đông Hà v.v. Cảnh quan đô thị từng bước đổi mới, khang trang hơn, trật tự đô thị có những chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng đô thị còn tương đối chắp vá, manh mún, thiếu đồng bộ. Hệ thống vỉa hè, điện chiếu sáng, cây xanh đường phố chưa hoàn chỉnh. Kiến trúc đô thị còn nhiều hạn chế, chưa có nhiều công trình kiến trúc đặc sắc, ấn tượng, tạo điểm nhấn đô thị. Công tác quản lý đô thị còn yếu, việc phân cấp quản lý đô thị vẫn chưa cụ thể hoá dẫn đến tình trạng chùng chèo. Phát triển đô thị chưa khai thác được lợi thế về địa hình sông nước, đồi núi đa dạng để xây dựng một đô thị hiện đại, hài hòa với cảnh quan môi trường sinh thái.

2.5. Dân số và các vấn đề xã hội

2.5.1. Dân số, việc làm và đời sống dân cư

Năm 2010 dân số trung bình trên địa bàn thành phố có 83.191 người. Công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình được thường xuyên quan tâm nên tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân mỗi năm giảm 0,4-0,5‰, năm 2010 giảm xuống còn 1,19%.

Thông qua các kênh giới thiệu việc làm, cho vay vốn theo gói kích cầu của Chính phủ và trên cơ sở kết hợp nhiều nguồn vốn mở rộng sản xuất kinh

doanh của các thành phần kinh tế, hàng năm thành phố giải quyết được việc làm cho khoảng 1.300-1.400 lao động. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp trên địa bàn vẫn còn khoảng 5,4%.

Cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội, thu nhập và mức sống dân cư trên địa bàn thành phố không ngừng được nâng cao. Thu nhập (VA- giá hiện hành) bình quân đầu người tăng từ 14,3 triệu đồng năm 2005 và lên 27,6 triệu đồng năm 2009, năm 2010 đạt 32,3 triệu đồng. Tỷ lệ số hộ nghèo giảm dần qua các năm, từ 8,5% năm 2006 xuống còn 4,2% năm 2010 theo tiêu chí cũ 2006-2010, theo tiêu chí mới còn 8,95%. Thành phố thực hiện tốt công tác chính sách đối với người có công, quan tâm xây dựng, sửa chữa nhà ở cho đối tượng chính sách khó khăn. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, kêu gọi các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm hỗ trợ người nghèo, trợ giúp trẻ em lang thang, khuyết tật, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

5.2.2. Giáo dục-đào tạo.

Sự nghiệp giáo dục-đào tạo của thành phố có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng phát triển. Quy mô giáo dục không ngừng được mở rộng, chất lượng giáo dục toàn diện ở các ngành học, bậc học ngày càng được khẳng định. Các trường lớp từng bước được kiên cố hóa, cơ sở vật chất được tăng cường. Đến nay toàn thành phố đã có 20 trường thuộc các bậc học đạt chuẩn quốc gia về giáo dục, đạt 44% so tổng số trường. Chất lượng giáo viên ngày càng được nâng lên, có 100% giáo viên trung học cơ sở, 98,6% giáo viên tiểu học và trên 90% giáo viên mầm non đạt và vượt chuẩn. các loại hình trường lớp phát triển đa dạng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em trên địa bàn. Công tác xã hội hóa giáo dục đạt được những kết quả nhất định.

a) *Giáo dục phổ thông.* Năm học 2009-2010, trên địa bàn thành phố có:

- Giáo dục mầm non: Tổng số có 17 trường, trong đó có 3 trường công lập, 14 trường bán công, tư thục; có 56% số trường, lớp được kiên cố hóa. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 99,6%. Có 4 trường đạt chuẩn quốc gia.

- Giáo dục tiểu học: Gồm 15 trường, trong đó 14 trường công lập và 1 trường bán công. Có 13/15 trường đạt chuẩn quốc gia, 93,3% trường học được kiên cố hóa. Cùng cố, duy trì vững chắc phổ cập bậc tiểu học đúng độ tuổi.

- Giáo dục trung học cơ sở: Có 9 trường, trong đó có 88,8% trường học được kiên cố hóa, 5/9 trường đạt tiêu chuẩn quốc gia (đạt 44,4%).

- Giáo dục trung học phổ thông: Có 7 trường, trong đó có 3 trường công lập (1 trường chuyên) và 1 trường bán công. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hàng năm đạt 90% trở lên, tỷ lệ thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng đạt trên 35%.

b) *Đào tạo chuyên nghiệp, dạy nghề.* Trên địa bàn thành phố có trường

Cao đẳng sư phạm, Phân hiệu đại học Huế, trường chính trị Lê Duẩn, trường Trung cấp y tế, Trường công nhân nghiệp vụ và xây dựng giao thông, trường Kỹ nghệ Mai Lĩnh; Trường dạy nghề đa ngành, 2 trung tâm giáo dục thường xuyên, 2 trung tâm kỹ thuật-hướng nghiệp. Ngoài ra trên địa bàn thành phố còn có một số trung tâm tin học và ngoại ngữ v.v.

Tuy vậy, giáo dục-đào tạo thành phố Đông Hà vẫn còn những hạn chế, khó khăn: chất lượng phổ cập giáo dục chưa bền vững; giáo dục mầm non chưa đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ, đặc biệt là khu vực ven đô; quỹ đất dành cho phát triển các cơ sở giáo dục chưa đảm bảo để xây dựng các thiết chế của trường chuẩn; cơ sở vật chất các cơ sở đào tạo, dạy nghề còn hạn chế, ngành nghề đào tạo chưa đa dạng. Điều đó gây ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.

2.5.3. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Trên địa bàn thành phố có 23 cơ sở y tế công lập, trong đó có 2 bệnh viện: Bệnh viện đa khoa tỉnh quy mô 300 giường và Bệnh viện thành phố quy mô 50 giường; 9 trạm y tế phường; có 1 phòng Quản lý sức khỏe cán bộ, 1 Trung tâm phòng chống bệnh xã hội, 1 Trung tâm giám định y khoa do Tỉnh quản lý và Trung tâm y tế của thành phố v.v. Đặc biệt đang xây dựng mới Bệnh viện đa khoa tỉnh 500 giường và Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi. Ngoài ra còn có các phòng khám chuyên khoa, đa khoa tư nhân. Năm 2010, đã có 100% trạm y tế phường có bác sỹ, 100% trạm y tế đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế. Bình quân trên 1 vạn dân có 27,4 bác sỹ, 77 giường (kể cả y tế tuyến tỉnh và tuyến thành phố). Số trẻ dưới 1 tuổi uống đủ 6 loại vắc xin đạt 99,7%, tiêm ngừa uốn ván cho phụ nữ có thai đạt 99,6%. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm còn 11,2%.

Các bệnh viện và cơ sở y tế đều được tăng cường thêm trang thiết bị, cơ sở vật chất, kỹ thuật. Chất lượng khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh ngày càng tốt hơn. Đã thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia về tiêm chủng mở rộng, chăm sóc bà mẹ, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường. Bên cạnh đó, công tác y tế vẫn còn một số mặt hạn chế: cơ sở vật chất các trạm y tế còn thiếu và chưa hiện đại; quản lý hoạt động khám chữa bệnh và dược tư nhân còn yếu; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm chưa thường xuyên; vấn đề vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, rác thải còn nhiều bất cập; năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ y tế còn yếu v.v.

2.5.4. Văn hóa- Thông tin- Thể thao

Văn hóa. Hoạt động văn hoá-văn nghệ được phát triển rộng khắp trên địa bàn thành phố. Hàng năm tổ chức được nhiều cuộc thi, hội diễn văn nghệ quần chúng với chất lượng ngày càng tăng. Việc bảo tồn và phát huy các truyền thống văn hóa dân tộc được quan tâm hơn. Công tác thông tin có nhiều chuyển biến

tích cực góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nếp sống văn minh, gia đình văn hóa ngày càng phát triển sâu rộng. Đến nay đã có 87,5% gia đình, 85,5% khu phố, 88,2% cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa. Các thiết chế văn hóa đang được quan tâm đầu tư, đã có 7/9 phường có thiết chế văn hóa, 67/83 khu phố có nhà văn hóa, trong đó 34 nhà văn hóa đạt tiêu chuẩn. Tuy nhiên chất lượng các hoạt động văn hóa chưa cao, chất lượng thông tin tuyên truyền chưa hấp dẫn. Việc phòng chống, ngăn chặn các tệ nạn xã hội, các tập tục lạc hậu còn hạn chế.

Thể thao. Phong trào thể dục thể thao quần chúng có bước phát triển khá. Nhiều phường đã tổ chức Hội khoẻ Phù đổng, đại hội thể dục thể thao cơ sở. Số người tham gia luyện tập TDTT ngày càng đông. Đã có 100% các trường trên địa bàn thành phố thực hiện tốt công tác giáo dục thể chất, đưa vào hoạt động chính khóa. Thể thao thành tích cao được chú trọng và có bước phát triển khá.

2.6. Tình hình quốc phòng-an ninh và trật tự an toàn xã hội

Nhiệm vụ quốc phòng- an ninh được tăng cường lãnh đạo, đạt kết quả tốt trên nhiều mặt. Quốc phòng được quan tâm, củng cố vững chắc, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, ngày càng phát huy khả năng sẵn sàng chiến đấu, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Lực lượng quân sự, công an được xây dựng vững mạnh đáp ứng cơ bản yêu cầu chiến đấu trong tình hình mới. Tuy nhiên, nền quốc phòng thành phố chưa toàn diện, an ninh chính trị còn tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định. Trật tự an toàn xã hội, tai nạn giao thông, các tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp. Quản lý Nhà nước về trên một số lĩnh vực an ninh trật tự ở một số đơn vị, địa phương còn nhiều thiếu sót, hạn chế.

2.7. Nhận định về những thành tựu đạt được. Nguyên nhân thành công và bài học kinh nghiệm

1) Thành tựu đạt được.

Trong điều kiện kinh tế thế giới và cả nước chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, thành phố đã tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh và Trung ương nên vẫn duy trì được phát triển kinh tế-xã hội và đạt được những thành tựu rất cơ bản:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra; cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Công nghiệp phát triển khá nhanh, các cụm công nghiệp được hình thành, một số dự án đã và đang được đầu tư sẽ làm tăng năng lực của ngành.

- Thương mại, dịch vụ phát triển khá và vượt kế hoạch đề ra, đã xây dựng

được một số cơ sở hạ tầng của ngành thương mại - dịch vụ tạo đà cho sự phát triển giai đoạn tới, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Nông nghiệp có bước chuyển tích cực sang sản xuất hàng hóa, góp phần quan trọng trong xóa đói giảm nghèo và ổn định đời sống nhân dân.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội được nâng cấp góp phần cải thiện điều kiện sản xuất, kinh doanh, xây dựng đô thị, thu hút đầu tư và phục vụ tốt hơn đời sống của nhân dân.

- Thu ngân sách đạt khá, huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng cao đã góp phần quan trọng trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và tăng năng lực sản xuất, kinh doanh của các ngành kinh tế.

- Một số lĩnh vực xã hội có nhiều tiến bộ, công tác xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm và thực hiện có hiệu quả, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên.

- Công tác cải cách hành chính có những chuyển biến tích cực; quan hệ hợp tác, tranh thủ nguồn vốn đầu tư ngày càng được mở rộng.

- Đã phát huy tốt sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. An ninh chính trị ổn định, quốc phòng được củng cố, giữ vững.

2) Nguyên nhân thành công và bài học kinh nghiệm

- Vai trò lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, chính quyền là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi.

- Khai thác, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế của đô thị tỉnh lỵ; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tạo được sự đồng thuận, hưởng ứng của nhân dân là động lực để phát triển kinh tế-xã hội.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thường xuyên rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

- Chú trọng công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ thực hiện đúng quy trình, công khai, minh bạch để xây dựng được đội ngũ lãnh đạo có năng lực, bản lĩnh, đạo đức, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, điều hành sáng suốt, năng động quá trình phát triển kinh tế-xã hội.

III. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT NHỮNG TIỀM NĂNG, LỢI THẾ VÀ HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN

1. Tiềm năng, lợi thế

1) Thành phố Đông Hà có lợi thế về vị trí địa lý-kinh tế. Thành phố Đông Hà là đầu mối giao thông- nơi gặp gỡ của các tuyến giao thông quốc gia quan trọng như quốc lộ 1A xuyên Việt, tuyến đường sắt Bắc-Nam; nằm ở vị trí điểm đầu của quốc lộ 9- nơi giao nhau của hai tuyến đường quan trọng là quốc lộ 1A nối với đường xuyên Á nối Việt Nam với Lào, Thái Lan và Myanmar; gần

đường biển, cảng biển Cửa Việt. Đây là điểm hội tụ nhiều thuận lợi cho Đông Hà mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa với các tỉnh/thành phố trong cả nước và với các nước trong khu vực và quốc tế.

2) *Có lợi thế về địa hình, địa thế tự nhiên đa dạng.* Đông Hà có địa hình đa dạng, địa chất ổn định, có lợi thế phong cảnh sông nước, gò đồi đẹp cho phép xây dựng đô thị theo hướng hiện đại và tạo nên những cảnh quan kiến trúc sông nước đặc trưng, mang nét văn hóa riêng của thành phố (văn hoá bến-chợ, giao thương trên bến-dưới thuyền...).

3) *Có lợi thế là trung tâm tỉnh lý- một trọng điểm kinh tế lớn của tỉnh và vùng,* có điều kiện thuận lợi thu hút sự quan tâm, hỗ trợ của Tỉnh và Trung ương. Thành phố Đông Hà là trung tâm chính trị-kinh tế, văn hóa-xã hội, khoa học-kỹ thuật của tỉnh- nơi tập trung các cơ quan đầu não của tỉnh, các cơ quan Trung ương, văn phòng các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp đóng trên địa bàn; được tỉnh xác định là một địa bàn kinh tế động lực của tỉnh, có các công trình quan trọng như khu công nghiệp Nam Đông Hà, khu trung tâm thương mại chợ Đông Hà và các cơ sở dịch vụ, du lịch v.v. Trong định hướng chiến lược phát triển vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung thì Đông Hà được xác định nằm trong chuỗi đô thị ven biển của vùng; được định hướng phát triển thành trung tâm thương mại-dịch vụ lớn trong khu vực miền Trung và trên Hành lang kinh tế Đông-Tây.

4) *Có lợi thế về cơ sở hạ tầng.* Là trung tâm tỉnh lý, cơ sở hạ tầng thành phố Đông Hà được tập trung đầu tư nên tương đối hoàn thiện hơn so với các địa phương khác trong tỉnh. Mạng lưới giao thông, bưu chính viễn thông, tài chính ngân hàng được chú trọng mở rộng, hiện đại hóa; hệ thống điện, cấp thoát nước được nâng cấp cải tạo, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển sản xuất và thu hút đầu tư. Đông Hà còn là nơi tập trung các công trình hạ tầng xã hội mang ý nghĩa toàn tỉnh như Nhà văn hóa trung tâm tỉnh, Bảo tàng, các khu Công viên văn hóa, thể thao, du lịch v.v.

5) *Lợi thế về nguồn nhân lực.* Địa bàn thành phố là nơi tập trung đông đội ngũ lao động khoa học kỹ thuật của tỉnh; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40,8%, cao hơn so với các huyện thị khác trong tỉnh. Hàng năm lực lượng lao động được bổ sung, thu hút thêm khoảng 2.500-3.000 người, trong đó chủ yếu là lao động trẻ, được đào tạo kiến thức và nhiệt huyết. Đây chính là nguồn nội lực quan trọng góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn thành phố.

2. Hạn chế, khó khăn

1) *Sự phát triển kinh tế của thành phố chưa tương xứng với tiềm năng và vị trí, vai trò của một trung tâm tỉnh lý.* Quy mô kinh tế còn nhỏ, tốc độ tăng trưởng khá cao nhưng chưa ổn định, sức cạnh tranh thấp. Thương mại, dịch vụ

chưa khai thác được tiềm năng, thế mạnh trên tuyến hành lang kinh tế Đông-Tây. Các loại hình thương mại, dịch vụ, du lịch chất lượng cao chậm phát triển. Hợp tác, liên kết trong nước, khả năng hội nhập, giao lưu với khu vực và quốc tế còn hạn chế. Sản xuất công nghiệp-TTCN còn gặp nhiều khó khăn, kỹ thuật-công nghệ chậm đổi mới, năng suất, chất lượng thấp. Trong nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu còn chậm, tính bền vững chưa cao. Hoạt động khoa học và ứng dụng tiến kỹ thuật-công nghệ mới vào sản xuất và đời sống còn hạn chế.

2) *Đông Hà nằm xa các trung tâm kinh tế trọng điểm của vùng, điều kiện hạ tầng về sân bay, bến cảng chưa có...* nên ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển và giao thương kinh tế. Chưa xuất hiện các doanh nghiệp đầu đàn cùng song hành với Chính quyền địa phương trong việc đảm nhận các công trình, dự án lớn về đầu tư sản xuất kinh doanh và xây dựng đô thị.

3) *Cơ sở hạ tầng đô thị chưa tương xứng với chức năng của đô thị trung tâm tỉnh lỵ.* Hệ thống giao thông phát triển chưa đồng bộ, cấp thoát nước, điện chiếu sáng, vệ sinh môi trường, kiến trúc đô thị v.v. còn nhiều hạn chế. Chất lượng công tác quy hoạch còn hạn chế, chưa đủ tầm nhìn xa, định hướng phát triển dài hạn. Công tác lý quy hoạch xây dựng đô thị, quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường còn nhiều bất cập. Môi trường thu hút đầu tư chưa thực sự hấp dẫn. Nếp sống văn minh đô thị chuyển biến chưa rõ nét.

4) *Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế.* Mặc dù thành phố là nơi tập trung đông đội ngũ lao động khoa học kỹ thuật của tỉnh, nhưng tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn kỹ thuật, đào tạo nghề còn thấp, chưa hình thành được lực lượng lao động chất lượng cao. Thiếu đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật; năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong tình hình mới.

5) *Cơ chế chính sách về ngân sách, về cấp kế hoạch vẫn chỉ tương đương như cấp huyện.* Chính sách ưu đãi về tài chính, đầu tư đối với thành phố Đông Hà chưa có. Hiện đang tồn tại mâu thuẫn giữa yêu cầu và khả năng phát triển; giữa vị trí, vai trò đầu tàu cần phát triển nhanh và chủ trương ưu tiên đầu tư có trọng điểm.

IV. ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ BÊN NGOÀI TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

1.1. Xu thế phát triển kinh tế thế giới.

- Xu thế toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế đang tiếp tục diễn ra mạnh mẽ và cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão tác động sâu rộng đến sự phát triển của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Kinh tế tri thức đã bắt

đầu mang tính phổ biến, đang trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển, sẽ tạo sự chuyển biến sâu sắc kinh tế thế giới trong giai đoạn tới.

- Khu vực châu Á-Thái Bình Dương vẫn được đánh giá sẽ là khu vực năng động về kinh tế, có mức tăng trưởng nhanh, tăng bình quân khoảng 5,5%/năm, các nước ASEAN tăng 6,4%. Việt Nam nằm trong khu vực năng động này sẽ có cơ hội hợp tác, liên kết và hội nhập nhanh để phát triển. Việc gia nhập AFTA và WTO tạo nhiều cơ hội cho Việt Nam thu hút các luồng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào từ các nước ASEAN và thế giới.

- Bên cạnh những tác động tích cực của xu thế thời đại, thế giới vẫn đang phải đối mặt với những vấn đề về môi trường, gia tăng dân số, thảm họa thiên tai, dịch bệnh, chủ nghĩa khủng bố, các cuộc chiến tranh xung đột, v.v.

1.2. Tác động của hội nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO)

Việc gia nhập WTO mở ra cho cả nước nói chung và các địa phương nói riêng nhiều cơ hội mới, song cũng đặt ra không ít thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu. Tỉnh Quảng Trị, trong đó thành phố Đông Hà không nằm ngoài bối cảnh đó, cần nắm bắt cơ hội và vượt qua thách thức để đạt được những bước phát triển mới.

a) Những cơ hội và thuận lợi do WTO đem đến. Việt Nam được tiếp cận thị trường hàng hoá và dịch vụ ở tất cả các nước thành viên với mức thuế nhập khẩu đã được cắt giảm. Môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện, qua đó chúng ta phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế trong nước, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài, tiếp nhận công nghệ sản xuất và quản lý tiên tiến v.v. Nước ta có được vị thế bình đẳng như các thành viên khác để bảo vệ lợi ích của đất nước, của doanh nghiệp. Thúc đẩy tiến trình cải cách trong nước. Nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

b) Những khó khăn, thách thức khi gia nhập WTO. Cạnh tranh sẽ diễn ra gay gắt hơn, đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải năng động, sáng tạo, đổi mới v.v. để có thể đứng vững trên thị trường nội địa. Sự biến động của thị trường thế giới và thị trường nước ngoài sẽ tác động mạnh đến thị trường trong nước (giá dầu, lương thực, khủng hoảng tài chính v.v.). Hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra những vấn đề mới trong việc bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh toàn cầu, bảo vệ an ninh quốc phòng, giữ gìn bản sắc văn hoá v.v.

1.3. Tác động của lộ trình thực hiện AFTA

Ngay sau khi gia nhập ASEAN (năm 1995), chúng ta đã cam kết thực hiện lộ trình giảm thuế nhập khẩu đối với hàng hoá của các nước trong khu vực. Theo đó, từ năm 1996, Việt Nam bắt đầu cắt giảm thuế nhập khẩu và trong vòng 10 năm, tức là đến năm 2006 sẽ giảm dần thuế nhập khẩu từ các nước trong khu vực xuống chủ yếu còn từ 0% - 5%. Trong giai đoạn này, Chính phủ, các bộ,

ngành và cộng đồng doanh nghiệp (DN) đã có sự chuẩn bị tích cực để “làm quen” với việc không còn ranh giới về thuế giữa hàng sản xuất trong nước và hàng sản xuất tại các nước ASEAN.

Theo Quyết định 36/2008/QĐ-BTC về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện CEPT/AFTA giai đoạn 2008-2013, trong năm 2010, Việt Nam áp dụng mức thuế nhập khẩu 0-5% đối với 99% dòng thuế nhập khẩu từ ASEAN, trong đó 57% số dòng thuế chỉ có thuế nhập khẩu là 0%. Tuy nhiên, ngay từ năm 2006, Việt Nam đã cắt giảm hầu hết các dòng thuế nhập khẩu từ các nước ASEAN, trong đó, số dòng thuế có mức thuế suất từ 0% - 5% chiếm đa số, nên hiện chỉ còn một số mặt hàng tương đối nhạy cảm như xăng dầu, ô tô, mô tô phân khối lớn, thuốc lá... chưa được áp mức thuế 0-5%.

Năm 2010, 6 nước ASEAN cũ gồm Brunei, Indonesia, Thái Lan, Philippines, Malaysia và Singapore cắt giảm toàn bộ thuế nhập khẩu từ các nước ASEAN xuống còn 0%, đây là điều kiện để các DN trong nước đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường ASEAN.

Tuy nhiên, để tiếp cận vào các thị trường này, các doanh nghiệp trong nước cần phải lưu ý một số điểm:

1) Thứ nhất, cần phải nắm rõ thị hiếu, sở thích, phong tục, tập quán và văn hoá, thói quen tiêu dùng của người dân từng quốc gia.

2) Mặc dù họ mở cửa hoàn toàn, nhưng nước nào cũng có hàng rào kỹ thuật để bảo vệ sản xuất trong nước. Vì vậy, doanh nghiệp Việt Nam cần phải nghiên cứu thật kỹ khi thâm nhập vào thị trường từng nước.

Trong tương lai gần ASEAN sẽ trở thành thị trường thống nhất, cơ hội từ hội nhập cũng nhiều. Nhưng thách thức cũng không ít. Muốn tận dụng được cơ hội, vượt qua được các thách thức, các doanh nghiệp trong nước cần nâng cao khả năng cạnh tranh mình.

1.4. Tác động của Hành lang kinh tế Đông- Tây (đường 9-đường xuyên Á).

Hành lang kinh tế Đông-Tây nối liền 13 tỉnh của 4 quốc gia là Việt Nam, Lào, Thái Lan và Myanmar. Đây là tuyến đường thuận lợi nhất trong hệ thống đường ngang nối miền Trung với nước bạn Lào và các nước trong Khu vực; là hành lang liên kết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội giữa các quốc gia nói chung và các địa phương trên tuyến nói riêng trong sự gắn kết vùng ven biển miền Trung với các lãnh thổ nội địa các nước Lào, Thái Lan, Myanmar. Tiềm năng, triển vọng thông thương, hợp tác phát triển của tuyến hành lang này sẽ đem lại những lợi ích thiết thực đối với các địa phương trên tuyến, đặc biệt đối với một đô thị điểm đầu trên tuyến như thành phố Đông Hà.

- Hành lang Đông-Tây sẽ thúc đẩy tăng cường kết cấu hạ tầng và phát triển giao thông vận tải. Khi Hành lang Đông-Tây hoàn chỉnh và đi vào hoạt

động thì các phương tiện, hàng hóa và hành khách từ các nước EWEC tới các cảng miền Trung Việt Nam để xuất đi các nước khác trong khu vực và trên thế giới sẽ có xu hướng ngày một tăng. Quá trình đó thúc đẩy tăng cường cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cấp hệ thống giao thông, xây dựng cảng tập kết hàng hóa v.v. Đón bắt nhu cầu và xu thế phát triển đó, Đông Hà phối hợp cùng tỉnh Quảng Trị định hướng nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, hệ thống kho bãi tập kết, lưu chứa hàng hoá, vận tải trung chuyển quốc tế v.v. nhằm đáp ứng tốt các hoạt động trên tuyến.

- *Thúc đẩy mở rộng phát triển thương mại, dịch vụ.* Qua hành lang Đông-Tây, tỉnh Quảng Trị, trong đó có thành phố Đông Hà có thể mở rộng giao thương với thị trường rộng lớn của 19 tỉnh trong khu vực với khoảng 20 triệu dân, xuất khẩu các sản phẩm xuất khẩu thế mạnh là hải sản, nông sản thực phẩm, hàng tiêu dùng. Chúng ta có thể nhập các nguyên liệu như gỗ, lâm sản, thạch cao v.v. từ Lào; thu hút hàng hóa từ các nước Thái Lan, Campuchia; phát triển mạnh các dịch vụ tài chính- ngân hàng, bưu chính- viễn thông, công nghệ thông tin v.v.

- *Thúc đẩy phát triển du lịch.* Miền Trung là nơi hội tụ nhiều di sản văn hoá, thiên nhiên thế giới như Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình), Hội An, Mỹ Sơn (Quảng Nam), Cố đô Huế và có nhiều lễ hội đặc sắc v.v. Riêng trên đất Quảng Trị có nhiều di tích lịch sử cách mạng như thành cổ Quảng Trị, địa đạo Vịnh Mốc, di tích Hiền Lương, đường Hồ Chí Minh huyền thoại cùng các danh thắng tự nhiên nổi tiếng như Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông, bãi tắm Cửa Tùng, Mỹ Thủy, Rú Lịnh, trầm Trà Lộc v.v. Đó là điểm du lịch hấp dẫn, có khả năng thu hút du khách thập phương đến với miền Trung, đến với Đông Hà, Quảng Trị, thúc đẩy hợp tác phát triển du lịch giữa các địa phương trên tuyến Hành lang kinh tế Đông-Tây.

- *Tạo môi trường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và mở rộng đầu tư sang các nước trong khu vực.* Hành lang kinh tế Đông-Tây tạo điều kiện thu hút FDI của Thái Lan sang các tỉnh miền Trung; tạo điều kiện để các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sang Lào, Campuchia. Đây cũng là địa bàn hấp dẫn đối với các công ty xuyên quốc gia đầu tư vào tiểu vùng Mê Kông mở rộng, lấy các cảng biển miền Trung làm điểm đầu để vào lãnh thổ nội địa các nước trong khu vực.

Nhận định chung. Thành phố Đông Hà là đầu mối quan trọng nằm trực tiếp trên Hành lang kinh tế Đông-Tây là con đường quan trọng để thực hiện các quan hệ hợp tác, liên kết phát triển kinh tế và đối ngoại với Lào và Thái Lan. Nếu phát huy được tác dụng của Hành lang đường 9 thì thành phố Đông Hà sẽ trở thành trung tâm thương mại lớn phân phối các luồng hàng hóa toả ra hai đầu của đất nước; sẽ có nhiều cơ hội thu hút các nguồn vốn đầu tư bên ngoài, mở rộng hợp tác kinh tế, giao thương với các nước trong khu vực và quốc tế. Đông

Hà cần phát huy những lợi thế đang có và cả những "lợi thế động", "lợi thế tiềm năng" (được dự báo dài hạn trong 10-15 năm và xa hơn) để đón đầu phát triển những lĩnh vực có hàm lượng chất xám, công nghệ cao; những dịch vụ cao cấp, hiện đại như tài chính-ngân hàng, công nghệ thông tin, viễn thông v.v.

Tuy nhiên, là địa bàn nằm ở vị trí quan trọng trên tuyến Hành lang kinh tế Đông-Tây nên Đông Hà cũng chịu tác động cạnh tranh trực tiếp và mạnh mẽ của quá trình hội nhập khu vực, quốc tế; sẽ phải đối mặt với những vấn đề như ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, các vấn đề xã hội bất cập v.v. Cần có những giải pháp chiến lược để nắm bắt cơ hội và hạn chế những tác động tiêu cực do quá trình hội nhập đem đến.

2. Tác động của định hướng phát triển đất nước và khu vực miền Trung

2.1. Định hướng phát triển đất nước.

Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội đất nước đến năm 2020 được định hướng với những nội dung chủ yếu sau: duy trì tăng trưởng kinh tế cao, tạo các động lực phát triển và phát triển theo hướng bền vững; xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; phát triển nguồn nhân lực; phát triển nhanh kết cấu hạ tầng; phát triển kinh tế đối ngoại và xây dựng quan hệ đối tác chiến lược; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng hệ thống giá trị văn hoá dân tộc đặc sắc; tăng cường các biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, cải thiện môi trường v.v.

Sau khủng hoảng kinh tế-tài chính toàn cầu, dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước bình quân giai đoạn 2011-2020 khoảng 7,5-8%/năm. GDP bình quân đầu người đến năm 2020 khoảng 3.000-3.200 USD. Cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ hiện đại, hiệu quả; tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GDP. Phần đầu giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 30-32%, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm trên 60% tổng lao động xã hội v.v. Đây là các chỉ tiêu phát triển rất cơ bản trên cơ sở đó các địa phương đề ra các mục tiêu phù hợp phấn đấu để tiến kịp hoặc vượt trên mức bình quân chung cả nước.

2.2. Quy hoạch tổng thể KT-XH vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung đến năm 2020.

Với cách tiếp cận theo mục tiêu đưa miền Trung đuổi kịp mức thu nhập GDP/người bình quân cả nước trước năm 2020, dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP bình quân năm toàn vùng thời kỳ 2011-2015, 2016-2020 sẽ tăng tương ứng 12%, 14%. Cơ cấu kinh tế theo GDP đến năm 2020: khu vực nông nghiệp chiếm khoảng 9,5%, công nghiệp - xây dựng 45,5%, dịch vụ 45%. Đến năm 2020, miền Trung về cơ bản là vùng có nền công nghiệp phát triển. Cơ cấu công nghiệp và dịch vụ chiếm ưu thế trong cơ cấu kinh tế vùng. Thu nhập GDP bình

quân đầu người (giá hiện hành) đạt 28,5 triệu đồng (tương đương 1.483 USD năm 2015 và tăng lên 67,9 triệu đồng vào năm 2020, tương đương 3.205 USD).

Qui hoạch tổng thể KT-XH các tiểu vùng miền Trung đến năm 2020 đề ra định hướng sẽ tập trung phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, điện, nước, thủy lợi thông tin liên lạc v.v., tạo môi trường hấp dẫn thu hút đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của nền kinh tế. Một số dự án quan trọng tác động đến phát triển KT-XH tỉnh Quảng Trị, trong đó có thành phố Đông Hà như nâng công suất cảng Cửa Việt, xây dựng các khu neo đậu, trú bão Cửa Việt, Cửa Tùng, đảo Cồn Cỏ; hình thành phát triển KCN Quán Ngang. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực trọng điểm Đông Hà gắn với đường 9; đẩy mạnh khai thác hành lang Đông-Tây và Khu KTTMĐB Lao Bảo; nâng cấp các tuyến quốc lộ, tuyến cao tốc Bắc-Nam, đường Hồ Chí Minh; xây dựng tuyến cao tốc quốc lộ 9 từ cảng Cửa Việt- Đông Hà- cửa khẩu Lao Bảo, đường sắt Đông Hà-Lao Bảo; phát triển quan hệ hợp tác, liên kết với các nước bạn Lào, Thái Lan.

Với các định hướng và mục tiêu phát triển của khu vực miền Trung nêu trên Đông Hà cần xác định được vai trò và mối quan hệ của mình trong vùng, từ đó đề ra những phương hướng, mục tiêu cụ thể cần phấn đấu, tập trung các nguồn lực đẩy nhanh phát triển kinh tế-xã hội, đóng góp vào sự nghiệp chung của vùng và cả nước.

3. Tác động của Quy hoạch tổng thể KT-XH tỉnh Quảng Trị đến năm 2020

Trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 đã được phê duyệt (theo Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ) đề ra một số mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường cần phấn đấu đạt được trong 10-15 năm tới. Đó là:

- *Về tăng trưởng kinh tế.* Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 11,5-12,5%/năm thời kỳ 2011-2015 và đạt 12,5-13,5% thời kỳ 2016-2020.

- GDP bình quân đầu người đến năm 2015 tăng hơn 2 lần so với năm 2010 và năm 2020 tăng hơn 2 lần so với năm 2015.

- *Về cơ cấu kinh tế.* Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2015 cơ cấu kinh tế: công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp là 49%, 31%, 20%; đến năm 2020 cơ cấu tương ứng là 56%, 31% và 13%;

- *Về thu nhập GDP/người.* Đến năm 2015 tăng hơn 2 lần so với năm 2010 và năm 2020 tăng hơn 2 lần so với năm 2015

- *Về dân số, lao động và các vấn đề xã hội.*

+ Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống dưới 1,0% thời kỳ 2011-2020; tỷ lệ dân số thành thị đạt khoảng 33% vào năm 2015 và 40% vào năm 2020;

+ Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn hiện nay) mỗi năm từ 2,5-3%; tạo việc làm mới bình quân trên 8.000 lao động/năm; giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 4% vào năm 2020;

+ Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 40% vào năm 2015, trong đó đào tạo nghề lên 33%; đến năm 2020 tỷ lệ tương ứng là 50% và 44%;

+ Duy trì và củng cố vững chắc kết quả phổ cập trung học cơ sở, hoàn thành phổ cập trung học phổ thông trước năm 2020;

- Đến năm 2015 có 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 17% vào năm 2015 và dưới 15% vào năm 2020 v.v.

Đối với thành phố Đông Hà, trong Quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 xác định rõ: Phát triển không gian thành phố Đông Hà theo 4 hướng, lấy sông Hiếu làm trục trung tâm. Nâng cấp thành phố Đông Hà lên đô thị loại 2; xây dựng đô thị theo hướng hiện đại, tiện nghi, văn minh, thân thiện với môi trường.

Trong giai đoạn tới phát triển thành phố Đông Hà hướng tới các mục tiêu:

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế, xây dựng hạ tầng đô thị hướng tới đạt tiêu chí nâng cấp Đông Hà lên đô thị loại 2 trước năm 2020.

- Trở thành đô thị phát triển trong hệ thống đô thị miền Trung Việt Nam;

- Trở thành một cực phát triển trên tuyến Hành lang kinh tế Đông-Tây;

- Trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch với qui mô cấp vùng;

- Xây dựng Đông Hà xứng đáng là trung tâm công nghiệp, khoa học-kỹ thuật, giáo dục-đào tạo và văn hoá-thể thao của tỉnh.

Tập trung đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị, nâng cấp hệ thống giao thông: nâng cấp quốc lộ 1A (đoạn Đông Hà- thị xã Quảng Trị); xây dựng các tuyến đường tránh thành phố Đông Hà; mở rộng quốc lộ 9 đoạn ngã tư Sông-Cửa Việt và đoạn tránh thành phố Đông Hà về phía Nam (9D); mở rộng quốc lộ 1A, quốc lộ 9 từ Lao Bảo- Đông Hà- Đà Nẵng (thuộc tuyến hành lang kinh tế Đông- Tây); xây dựng cầu vượt đường sắt và quốc lộ 1A (trên đường 9D); nâng cấp ga Đông Hà, tuyến đường sắt Đông Hà- Lao Bảo; hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc v.v. Tập trung phát triển các trọng điểm công nghiệp như Khu Công nghiệp Nam Đông Hà, các cụm tiểu thủ công nghiệp, khai thác các trọng điểm thương mại, du lịch trên địa bàn thành phố, trên tuyến Hành lang kinh tế Đông-Tây, thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hóa v.v.

Các mục tiêu phát triển chung của tỉnh là cơ sở để thành phố Đông Hà đặt mục tiêu phấn đấu xây dựng Đông Hà thực sự trở thành địa bàn kinh tế trọng điểm, động lực phát triển của tỉnh.

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020

A. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

I. CHỨC NĂNG CỦA THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Với tầm nhìn chiến lược, trong 10-15 năm tới, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội thành phố Đông Hà cần hướng tới xây dựng Đông Hà trở thành một trong những đô thị phát triển của khu vực miền Trung, có kinh tế phát triển, hạ tầng đô thị được xây dựng đồng bộ, hiện đại, đời sống nhân dân được cải thiện, xã hội văn minh; nâng cao vai trò, vị thế của Đông Hà trong vùng và cả nước. Với định hướng chủ đạo đó, đô thị Đông Hà sẽ đảm nhận các chức năng:

1. Là đô thị tỉnh lỵ - trung tâm tổng hợp về chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội, an ninh-quốc phòng của tỉnh Quảng Trị.

Thành phố Đông Hà giữ vai trò là trung tâm chính trị của tỉnh, nơi tập trung các cơ quan đầu não của Đảng, chính quyền Tỉnh và Thành phố; là địa bàn tập trung tiềm lực kinh tế - động lực phát triển của toàn tỉnh; nơi tập trung các Sở, Ban ngành, cơ quan chỉ huy an ninh- quốc phòng, các tổ chức chính trị-xã hội, cơ quan thông tin, báo chí của tỉnh và Trung ương, các công trình văn hóa, xã hội mang ý nghĩa và quy mô toàn tỉnh.

2. Là trung tâm thương mại, dịch vụ với qui mô cấp vùng và Khu vực.

Thành phố Đông Hà đã có những công trình cơ bản về hạ tầng thương mại, dịch vụ (chợ trung tâm Đông Hà, các tuyến phố chuyên doanh, chợ đầu mối v.v.) Với vị trí thuận lợi nằm ở điểm đầu của quốc lộ 9- tại giao điểm của 2 trục đường huyết mạch (QL1A và QL9), Đông Hà có cơ hội và tiềm năng phát triển thành trung tâm thương mại, dịch vụ lớn; trở thành đầu mối giao thương quan trọng, phát luồng hàng hóa của vùng và khu vực trên Hàng lang kinh tế Đông-Tây với hệ thống các siêu thị, khách sạn cao cấp, Trung tâm Hội chợ-Triển lãm, hệ thống các kho tàng, bến bãi trung chuyển hàng hóa quá cảnh v.v. đang được xúc tiến đầu tư, xây dựng.

3. Là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh Quảng Trị và giao thông liên vùng nối Quảng Trị với các miền trong cả nước và nối với các nước trong Khu vực.

Thông qua các tuyến đường đối ngoại quan trọng như quốc lộ 1A, quốc lộ 9, đường sắt, đường thủy, thành phố Đông Hà là trung điểm kết nối lãnh thổ phía Bắc với phía Nam; vùng ven biển với các huyện nội địa, miền núi; kết nối Quảng Trị các tỉnh thành phố trong cả nước; kết nối với các nước trong khu vực

thông qua hành lang Đông-Tây v.v.

4. Là một trong những trọng điểm công nghiệp, trung tâm khoa học-kỹ thuật, trung tâm văn hóa-xã hội của tỉnh.

Đông Hà là một trong những trọng điểm công nghiệp của tỉnh, có Khu Công nghiệp Nam Đông Hà, các cụm công nghiệp Đông Lễ, đường 9, các cụm-TTCN. Có tiềm năng phát triển các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao như chế biến gỗ, luyện kim, cơ khí sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may, chế biến nông sản, thực phẩm v.v. Đông Hà là nơi tập trung, thu hút đông đội ngũ khoa học-kỹ thuật của tỉnh, trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ; cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cho các địa bàn trong tỉnh và hợp tác vươn tới phục vụ cho các địa phương của Lào.

Thành phố Đông Hà là trung tâm giáo dục-đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao; là địa bàn tổ chức các hội nghị, hội chợ cấp vùng và khu vực; nơi diễn ra các hoạt động văn hóa, thể thao của toàn tỉnh. Hầu hết các cơ sở đào tạo, các trường cao đẳng, trung cấp kỹ thuật, hướng nghiệp dạy nghề; các trung tâm văn hóa, thể thao, du lịch v.v. của tỉnh đều đóng trên địa bàn thành phố.

5. Là trung tâm giao dịch quốc gia và quốc tế - đầu cầu phát triển trên Hành lang kinh tế Đông- Tây.

Hướng tới triển vọng dài hạn, cần xây dựng Đông Hà trở thành đô thị hiện đại ngang tầm với các đô thị lớn trong cả nước và khu vực, đảm nhận chức năng là trung tâm giao dịch quốc gia và quốc tế với các cao ốc văn phòng, trung tâm tài chính-ngân hàng, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ tổng hợp đa năng; trở thành trung tâm kinh tế lớn- một cực phát triển trên Hành Lang kinh tế Đông-Tây và khu vực.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1) Khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của thành phố, kết hợp huy động các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển toàn diện kinh tế-xã hội. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế nhằm đạt tốc độ tăng trưởng cao. Xây dựng Đông Hà trở thành đầu tàu phát triển kinh tế của tỉnh, xứng đáng vai trò là trung tâm tỉnh lý- địa bàn động lực phát triển của cả tỉnh.

2) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kinh tế đô thị, tăng tỷ trọng thương mại-dịch vụ, công nghiệp-xây dựng, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Mở rộng phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp sạch, hàm lượng kỹ thuật cao, ít gây ô nhiễm; phát triển một nền nông nghiệp ven đô hiện đại, công nghệ cao, hiệu quả.

3) Đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, phát triển không gian đô thị, tăng

cường hoàn thiện kết cấu hạ tầng xứng tầm với một thành phố phát triển, có quy mô cấp vùng. Xây dựng thành phố Đông Hà theo hướng hiện đại, có nếp sống văn minh đô thị.

4) Bố trí không gian, cảnh quan kiến trúc Đông Hà theo mô hình “thành phố bên sông nước” “đô thị nhà-vườn” trên cơ sở phát huy những lợi thế đa dạng về địa thế sông nước, không gian mặt nước các hồ, cảnh quan gò đồi; lấy trục sông Hiếu làm trung tâm để phát triển đô thị về hai phía bờ Bắc và bờ Nam sông Hiếu. Về lâu dài, phát triển đô thị Đông Hà hướng về phía biển, gắn kết với đô thị vệ tinh Cửa Việt, các đô thị ven biển và vùng lân cận.

5) Coi trọng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực, hình thành lực lượng lao động chất lượng cao, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, quản lý có trình độ, công nhân kỹ thuật, lao động tay nghề cao. Đặc biệt chú trọng đào tạo trình độ chuyên nghiệp cho lực lượng lao động hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch để đón đầu hội nhập.

6) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội. Nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tích cực tạo việc làm cho người lao động, đảm bảo công bằng, tiến bộ xã hội.

7) Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, giữ vững cân bằng sinh thái, bảo tồn các di tích văn hoá lịch sử và phong tục, truyền thống tốt đẹp.

8) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố hệ thống chính trị, bảo vệ an ninh quốc phòng, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh; góp phần giữ vững an ninh quốc phòng trên địa bàn thành phố và cho toàn tỉnh.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

1) Phát triển kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao, chuyển biến mạnh về chất lượng tăng trưởng gắn với phát triển bền vững. Chuyển dịch cơ cấu theo hướng kinh tế đô thị, thương mại, dịch vụ giữ vai trò chủ đạo, công nghiệp giữ vai trò động lực, có nền nông nghiệp ven đô hiện đại. Xây dựng Đông Hà xứng đáng là địa bàn kinh tế động lực của tỉnh; một trung tâm thương mại của khu vực trên tuyến Hành lang kinh tế Đông-Tây.

2) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị thành phố Đông Hà theo hướng hiện đại, bền vững, thân thiện với môi trường. Xây dựng thành phố Đông Hà đạt tiêu chuẩn đô thị loại II trước năm 2020, trở thành đô thị phát triển trong dải đô thị ven biển miền Trung; một cực phát triển trên tuyến Hành lang kinh tế Đông-Tây.

3) Xây dựng một xã hội phát triển, giải quyết cơ bản các vấn đề xã hội

nhu việc làm, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thực hiện công bằng, dân chủ, tạo sự đồng thuận trong xã hội, thu hút cộng đồng tích cực tham gia vào quản lý kinh tế- xã hội- môi trường.

2. Các mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu phát triển kinh tế.

- *Tăng trưởng kinh tế* (tính theo giá trị sản xuất (GO)-giá SS 1994).

Trên cơ sở các kết quả đạt được trong những năm gần đây và tiềm năng thu hút đầu tư trong các năm tiếp theo, dự báo tăng trưởng kinh tế của thành phố đạt bình quân 15,5%/năm thời kỳ 2011-2015 và tăng khoảng 16,5%/năm thời kỳ 2016 -2020.

- *Cơ cấu kinh tế* (tính theo giá trị sản xuất (GO)-giá hiện hành). Chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp-xây dựng; lĩnh vực dịch vụ vẫn giữ vai trò chủ đạo, chiếm tỷ trọng ưu thế. Đến năm 2015, trong cơ cấu kinh tế tỷ trọng các ngành: dịch vụ chiếm khoảng 57,5%, công nghiệp-xây dựng 41,0%, nông nghiệp khoảng 1,5%; đến năm 2020, tỷ trọng các ngành tương ứng là 55,8%; 43,2% và 1,0%.

- *Thu nhập bình quân/người PA II* (tính theo giá trị gia tăng (VA) giá HH, có tính trượt giá): năm 2015 đạt 63,0 triệu đồng và năm 2020 đạt 133,2 triệu đồng. Đến năm 2020 thu nhập GDP/người của thành phố tăng 2,72 lần so năm 2010 (giá SS 1994-không tính trượt giá).

- *Thu ngân sách*. Phần đầu đạt tốc độ tăng khoảng 19-21%/năm.

2.2. Mục tiêu phát triển xã hội.

- Giảm tỷ suất sinh hàng năm 0,3%, giảm tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên năm 2015 đạt 1,1% và ổn định ở mức dưới 1% đến năm 2020. Trên cơ sở phát triển mạnh đô thị, dân số cơ học sẽ tăng nhanh, dự báo quy mô dân số năm 2015 có trên 100 nghìn người và năm 2020 có khoảng 132-135 nghìn người.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đến năm 2015, phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55-60%, đến năm 2020 đạt trên 65%. Hàng năm tạo việc làm mới cho khoảng 1.300-1.500 lao động; giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống 3,3% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 0,5-1%/năm, đến năm 2015 còn khoảng dưới 3,0%; đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo do thiếu việc làm (chuẩn 2006-2010). Không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống dân cư trong các thời kỳ sau.

- Phần đầu hoàn thành phổ cập cấp trung học phổ thông trước năm 2015;

có 100% trường tiểu học, THCS, THPT và 60% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; tiến tới nâng cao chất lượng đạt chuẩn mức 2 trong giai đoạn sau.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 8,5% vào năm 2015 và còn 4-5% vào năm 2020.

2.3. Mục tiêu môi trường.

- Đến năm 2015, cơ bản hoàn thành xây dựng và nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước thải, nước mưa trên địa bàn thành phố Đông Hà; thu gom 90% rác thải đô thị; quản lý và xử lý 100% chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế; xây dựng hoàn chỉnh công trình xử lý, chế biến rác có công nghệ tiên tiến, xử lý, tái chế 100% rác thải sinh hoạt.

- Có biện pháp tích cực để xử lý, khắc phục hoặc đóng cửa các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường.

- Từng bước ứng dụng công nghệ sạch vào các ngành kinh tế, từ năm 2010 các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị làm giảm tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Các khu, cụm công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải.

- Cải thiện môi trường đô thị, tích cực trồng cây xanh đường phố, tạo không gian xanh- sạch- mát, đảm bảo phát triển lâu dài, bền vững cho thành phố.

IV. CÁC PHƯƠNG ÁN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

1. Các phương án tăng trưởng kinh tế

Việc dự báo, luận chứng các phương án tăng trưởng kinh tế của thành phố Đông Hà trong giai đoạn 2011-2020 được tính toán dự báo trên cơ sở kết hợp 2 cách tiếp cận: theo mục tiêu phấn đấu và từ nguồn lực, tiềm năng phát triển.

1) Theo mục tiêu: Không ngừng nâng cao mức thu nhập bình quân đầu người của thành phố.

2) Theo tiềm năng: Tính toán đến khả năng phát huy các nguồn nội lực và dự báo khả năng thu hút, huy động các nguồn lực bên ngoài.

Thực tế những năm qua, nền kinh tế thành phố Đông Hà luôn đạt mức tăng trưởng cao, dẫn đầu toàn tỉnh. Thời gian tới, với tác động cơ bản là Đông Hà đang trên đà đô thị hóa nhanh, đạt đô thị loại III và đã trở thành Thành phố và phấn đấu đạt đô thị loại II trước năm 2020, cơ sở hạ tầng đô thị sẽ được tăng cường đầu tư cải thiện, diện mạo đô thị sẽ có những đổi mới. Đây là điều kiện thuận lợi, tạo khả năng và cơ hội cho Đông Hà phát triển nhanh hơn so với các huyện thị khác trong tỉnh.

Trên cơ sở quan điểm phát triển và các mục tiêu phấn đấu; xuất phát từ vai trò, chức năng của thành phố- là trung tâm tỉnh lỵ, là đầu tàu, địa bàn động lực nên tăng trưởng kinh tế của thành phố cần đạt tốc độ cao hơn mức bình quân chung của tỉnh khoảng 2-3%. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới, những năm cận kề vẫn sẽ còn gặp nhiều khó khăn nên tốc độ tăng trưởng chung của cả nước cũng như nhiều địa phương đều có xu hướng giảm hoặc chững lại. Theo xu thế đó tăng trưởng của thành phố Đông Hà cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Để duy trì được tốc độ tăng trưởng cao so với mức chung toàn tỉnh, bên cạnh việc phát huy các thế mạnh, tiềm lực kinh tế hiện có, Đông Hà cần phát triển mạnh theo xu thế hướng ngoại, tăng cường hợp tác thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài. Các phương án tăng trưởng kinh tế của thành phố được tính toán đến khả năng, bước đi, tiến độ thực hiện một số dự án lớn quốc gia, của tỉnh trên địa bàn thành phố và khu vực lân cận như các khu, cụm công nghiệp của tỉnh; các dự án phát triển du lịch; xây dựng kết cấu hạ tầng, khu đô thị mới; gắn kết thành phố với Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; với các địa bàn động lực như Lao Bảo, Cửa Việt, Cửa Tùng, đảo Cồn Cỏ, tuyến Hành lang Đông Tây, với các tỉnh, thành phố miền Trung v.v. Trên cơ sở cách tiếp cận đó, dự án qui hoạch cân nhắc 3 phương án tăng trưởng sau:

Phương án I: (phương án thấp)

- *Tăng trưởng kinh tế (tính theo giá trị sản xuất- GO) đạt bình quân 15%/năm thời kỳ 2011-2015 và 15,5%/năm thời kỳ 2016-2020 (PA chọn của tỉnh là 12% và 13% trong các thời kỳ tương ứng).*

Phương án I được tính toán, cân nhắc đến khả năng thành phố có những hạn chế trong thu hút các nguồn lực bên ngoài, đặc biệt là đầu tư nước ngoài; trên địa bàn chưa có những công trình trọng điểm lớn, tạo bước đột phá mạnh nên tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức như trong giai đoạn vừa qua (14,5-15,5%). Kinh tế phát triển chủ yếu dựa vào tiềm lực kinh tế và nền tảng cơ sở hạ tầng hiện có; khả năng lấp đầy các khu, cụm công nghiệp chậm, phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, hạ tầng thương mại, du lịch gặp khó khăn; một số dự án lớn của tỉnh và Trung ương chậm triển khai như nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ, đường sắt Bắc-Nam, Đông Hà-Savanakhét, cảng Cửa Việt, Cồn Cỏ v.v. làm giảm tác động lan tỏa đến Đông Hà.

- *Thu nhập bình quân/người PA I (tính theo giá trị gia tăng (VA)- giá hiện hành có tính yếu tố trượt giá): năm 2015 đạt 61,5 triệu đồng và năm 2020 đạt 122,2 triệu đồng.*

(Tính theo giá 1994- không tính trượt giá), đến năm 2020 thu nhập/người của thành phố tăng 2,5 lần so năm 2010).

Tổng nhu cầu vốn đầu tư PA I (theo giá năm 2010). Tổng nhu cầu đầu tư trong cả giai đoạn 2011-2020 cần 32.439 tỉ đồng, trong đó thời kỳ 2011-2015 cần 10.623 tỉ đồng, thời kỳ 2016-2020 cần 21.816 tỉ đồng.

(Theo giá hiện hành có tính trượt giá thì tổng nhu cầu đầu tư giai đoạn 2010-2020 cần 58.531 tỷ đồng, trong các thời kỳ tương ứng là 15.964 và 42.567 tỷ đồng).

Tăng trưởng kinh tế theo phương án I
(Tính theo giá trị sản xuất- (GO))

Các chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tăng trưởng (%/năm)	
				2011-2015	2016-2020
1. Tổng GTSX (GO) (Giá SS 1994- Tỷ đồng)	2952	5938	12205	15,0	15,5
- Công nghiệp-Xây dựng	1250	3242	7737	21,0	19,0
- Nông, lâm, ngư nghiệp	48	55	64	3,0	3,0
- Dịch vụ	1655	2640	4404	9,8	10,8
1. Tổng GTGT (VA) (Giá SS 1994- Tỷ đồng)	1323	2661	5470	15,0	15,5
2. Tổng GTGT (VA) (Giá hiện hành - Tỷ đồng)	2688	6453	16500		
3- VA/người: - Giá hiện hành Tr.đồng	32,3	61,5	122,2		
+ % so b/q của tỉnh	239	205	191		
- GDP/người giá SS 1994	15,9	25,3	40,5		
+ Tăng so năm 2010(lần)	-	1,59	2,54		
Thời kỳ	2011-2015		2016-2020		2011-2020
4. Nhu cầu vốn đầu tư - Giá 2010- Tỷ đồng	10.623		21.816		32.439
- Giá hiện hành - Tỷ đ.	15.964		42.567		58.531

Phương án II (phương án chủ đạo)

- Tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 15,5%/năm thời kỳ 2011-2015, đạt 16,5%/năm thời kỳ 2016-2020 (PA chọn của tỉnh là 11,5 – 12,5% và 12,5-13,5% trong các thời kỳ tương ứng).

Phương án II được tính toán cân nhắc về khả năng tháo gỡ khó khăn của tỉnh và thành phố trong việc phát huy có hiệu quả của các công trình đã được đầu tư trong thời kỳ 2006-2010, thu hút được một số dự án đầu tư lớn về công nghiệp, tạo sản phẩm ngay trong thời kỳ 2011-2015; triển khai xây dựng được một số trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch v.v.; huy động được các nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị. Do đó tăng trưởng của

phương án II trong thời kỳ 2011-2020 đạt 15,5-16,5% (cao hơn PA I), tạo đà phát triển cho thời kỳ tiếp theo.

- *Thu nhập bình quân/người PA II* (tính theo giá trị gia tăng (VA)-giá hiện hành- có tính trượt giá): năm 2015 đạt 63,0 triệu đồng và năm 2020 đạt 133,2 triệu đồng.

(Tính theo giá 1994- không tính trượt giá), đến năm 2020 thu nhập/người của thành phố tăng 2,72 lần so năm 2010).

Tăng trưởng kinh tế theo phương án II

(Tính theo giá trị sản xuất - GO)

Các chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tăng trưởng (%/năm)	
				2011-2015	2016-2020
1. Tổng GTSX (GO) (Giá SS 1994- Tỷ đồng)	2952	6068	13022	15,5	16,5
- Công nghiệp-Xây dựng	1250	3110	7268	20,0	18,5
- Nông, lâm, ngư nghiệp	48	55	66	3,0	3,5
- Dịch vụ	1655	2902	5688	11,9	14,4
1. Tổng GTGT (VA) (Giá SS 1994- Tỷ đồng)	1323	2719	5836	15,5	16,5
2. Tổng GTGT (VA) (Giá hiện hành - Tỷ đồng)	2688	6616	17983		
3- VA/người: - Giá hiện hành Tr.đồng	32,3	63,0	133,2		
+ % so b/q của tỉnh	239	210	208		
- GDP/người giá SS 1994	15,9	25,9	43,2		
+ Tăng so năm 2010(lần)	-	1,63	2,72		
4. Tổng GTSX (GO)/người (Giá SS 1994-triệu đồng)	35,5	57,8	94,5		
Thời kỳ	2011-2015		2016-2020	2011-2020	
5. Nhu cầu vốn đầu tư - Giá 2010- Tỷ đồng	11.437		25.522	36.959	
- Giá hiện hành - Tỷ đ.	16.772		48.731	65.503	

Tổng nhu cầu vốn đầu tư PA II (theo giá năm 2010). Tổng nhu cầu đầu tư của thành phố trong cả giai đoạn 2011-2020 cần 36.959 tỷ đồng, trong đó thời kỳ 2011-2015 cần 11.437 tỷ đồng, thời kỳ 2016-2020 cần 25.522 tỷ đồng.

(Theo giá hiện hành-tính cả trượt giá, tổng nhu cầu đầu tư giai đoạn 2011-2020 cần 65.503 tỷ đồng, trong đó các thời kỳ tương ứng là 16.772 và 48.731 tỷ đồng).

Phương án III (phương án cao)

- *Tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 16,5%/năm thời kỳ 2011-2015, đạt 18% thời kỳ 2016-2020 (PA chọn của tỉnh là 11%, 12% và 13% trong các thời kỳ tương ứng).*

Phương án III là phương án rất tích cực, có tính đến sự hội tụ của nhiều yếu tố thuận lợi có thể thu hút được tiềm lực mạnh về vốn đầu tư bên ngoài, tạo được những bứt phá cho nền kinh tế. Tăng trưởng theo phương án này được tính toán trên cơ sở dự báo tình Quảng Trị nói chung và thành phố Đông Hà nói riêng có nhiều yếu tố thuận lợi trong việc phát huy tích cực hơn các điều kiện về cơ sở hạ tầng, khai thác lợi thế Hành lang kinh tế Đông- Tây; tính đến khả năng thu hút được các tập đoàn công nghiệp lớn, cơ bản lấp đầy các khu công nghiệp hiện có và được quy hoạch mở rộng; phát triển một số loại hình dịch vụ cao cấp, chất lượng; thu hút được các dự án thương mại, dịch vụ có quy mô lớn, phát huy hiệu quả ngay trong thời kỳ 2011-2015. Không gian kinh tế của thành phố được mở rộng trong sự gắn kết với các trọng điểm kinh tế của tỉnh như khu du lịch biển Cửa Việt- Cửa Tùng- đảo Cồn Cỏ, Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; nông nghiệp được phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao. Hình thành sự liên kết kinh tế chặt chẽ giữa Đông Hà với các đô thị vệ tinh như thị trấn Cửa Việt, Ái Tử, Cam Lộ, Hướng hóa, Đakrông, Gio Linh v.v.

Trên cơ sở định hướng phát triển đó, nền kinh tế có thể đạt được bứt phá mạnh tăng trưởng, đạt tới 16,5-18%/năm trong giai đoạn 2011-2020 (nhanh hơn PAI và PAII).

Tăng trưởng kinh tế theo phương án III (Tính theo giá trị sản xuất- GO)

Các chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tốc độ tăng (%/năm)	
				2011-2015	2016-2020
1-Tổng GTSX (giá 1994)	2952	6335	14493	16,5	18,0
- Công nghiệp+XD	1250	2983	6970	19,0	18,5
- Nông, lâm nghiệp	48	55	66	3,0	3,5
- Khối dịch vụ	1655	3297	7458	14,8	17,7
1. Tổng GTGT (VA) (Giá SS 1994- Tỷ đồng)	1323	2839	6495	16,5	18,0
2. Tổng GTGT (VA) (Giá hiện hành - Tỷ đồng)	2688	6984	20563		
3- VA/người:					
- Giá hiện hành Tr.đồng	32,3	66,5	152,3		
+ % so b/q của tỉnh	239	222	238		
- GDP/người giá SS 1994	15,9	27,0	48,1		
+ Tăng so năm 2010(lần)	-	1,7	3,02		
Thời kỳ		2011-2015	2016-2020	2011-2020	
4. Nhu cầu vốn đầu tư		12.865	31.338	44.203	
- Giá 2010- Tỷ đồng					
- Giá hiện hành - Tỷ đ.		18.463	58.746	77.209	

- *Thu nhập bình quân/người PA III* (tính theo giá trị gia tăng (VA)- giá hiện hành có tính đến yếu tố trượt giá): năm 2015 đạt 66,5 triệu đồng và năm 2020 đạt 152,3 triệu đồng.

(Tính theo giá 1994- không tính trượt giá), đến năm 2020 thu nhập/người của thành phố tăng trên 3 lần so năm 2010).

- *Tổng nhu cầu vốn đầu tư PA III (theo giá năm 2010)*. Tổng nhu cầu đầu tư của thành phố trong cả giai đoạn 2011-2020 cần 44.203 tỷ đồng, trong đó thời kỳ 2011-2015 cần 12.865 tỉ đồng, thời kỳ 2016-2020 cần 31.338 tỷ đồng.

(Theo giá hiện hành-tính cả trượt giá, tổng nhu cầu đầu tư giai đoạn 2011-2020 cần 77.209 tỷ đồng, trong đó các thời kỳ tương ứng là 18.463 và 58.746 tỷ đồng.

* **Lựa chọn phương án tăng trưởng**

Từ 3 phương án tăng trưởng nêu trên cho thấy:

- Theo phương án I, tăng trưởng kinh tế không cao, duy trì tốc độ ở mức như thời gian qua, khoảng 15-15,5%/năm; khả năng thu hút các nguồn đầu tư bên ngoài có nhiều hạn chế; chủ yếu khai thác các tiềm năng, nội lực đã có; tốc độ tăng trưởng tương đối bình ổn, thu nhập/người không cao, hạn chế khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

- Theo phương án II, mức tăng trưởng kinh tế đạt cao hơn so PA I; thành phố phát huy được các tiềm năng nội lực và thu hút được một số dự án đầu tư lớn, tạo được bước tăng trưởng mới cho nền kinh tế trong giai đoạn 2011-2015; thể hiện rõ hơn vai trò, chức năng của thành phố trong nền kinh tế tỉnh; thu nhập GDP/người của thành phố cao hơn phương án I, nhưng chưa tương ứng với mức bình quân của những đô thị phát triển trong khu vực miền Trung và cả nước.

- Phương án III, có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh hơn PA I và PA II; đóng góp nhiều hơn cho nền kinh tế tỉnh, thu nhập bình quân/người cao hơn. Tuy nhiên để đạt được tăng trưởng theo phương án III thì nhu cầu đầu tư lớn, đòi hỏi mức phấn đấu cao hơn, huy động triệt để hơn các nguồn nội lực và phải tạo được những bứt phá về thu hút đầu tư ngay trong thời kỳ 2010-2015.

Cân nhắc 3 phương án trên cho thấy, tăng trưởng theo phương án II phù hợp hơn với khả năng phát huy nội lực và thu hút ngoại lực của thành phố trong điều kiện hiện nay. Do đó đề án quy hoạch đề xuất **chọn phương án II làm mục tiêu phấn đấu** và để luận chứng phát triển các ngành và lĩnh vực.

Tuy nhiên phương án III là phương án dự phòng đón bắt cơ hội khi có những điều kiện thuận lợi, có bước đột phá về thu hút đầu tư và sự hỗ trợ lớn từ bên ngoài có thể tạo nên bước tăng trưởng nhanh hơn cho nền kinh tế.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (theo giá trị sản xuất (GO)-giá hiện hành)

Từ sự lựa chọn mức tăng trưởng GDP theo phương án II: đạt 15,5% cho thời kỳ 2011-2015 và 16,5% cho thời kỳ 2016-2020; theo cách tiếp cận khác nhau

về ưu tiên phát triển công nghiệp hay dịch vụ qua từng thời kỳ, trên cơ sở tính toán, cân đối khả năng phát triển của các ngành, lĩnh vực, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Đông Hà được thể hiện theo 3 phương án sau:

Cơ cấu kinh tế phương án I: Với tốc độ tăng trưởng theo phương án I, dự báo cơ cấu kinh tế thành phố theo phương án I sẽ chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trên cơ sở tập trung đầu tư đẩy mạnh phát triển công nghiệp tăng nhanh hơn (19- 21%%) so dịch vụ, khu vực dịch vụ chưa có những bứt phá, duy trì tăng trưởng ở mức 9,8%- 10,8%. Do đó, tỷ trọng công nghiệp-xây dựng tăng nhanh từ 32,5% năm 2010 lên 44,3% năm 2015 và tăng lên 51,0% năm 2020, thể hiện vai trò động lực trong nền kinh tế. Khu vực dịch vụ có tỷ trọng giảm dần xuống còn 54,2% năm 2015, đến năm 2020 còn 48,0%, tương ứng với tỷ trọng công nghiệp-xây dựng; khu vực nông nghiệp tuy vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng nhưng tỷ trọng giảm dần, còn 1,5% năm 2015, đến năm 2020 còn 1,0%. Nhìn chung, cơ cấu kinh tế phương án I thiên về phát triển công nghiệp, dịch vụ phát triển chậm, chưa tạo được những chuyển biến về chất trong tăng trưởng.

Các phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2011-2020
(*Tính theo giá trị sản xuất- giá hiện hành*)

Các chỉ tiêu	2010	2015	2020
Phương án I			
3- Cơ cấu theo GTSX (giá HH)	100,0	100,0	100,0
- Công nghiệp	32,5	44,3	51,0
- Nông, lâm nghiệp	2,2	1,5	1,0
- Khối dịch vụ	65,3	54,2	48,0
Phương án II			
3- Cơ cấu theo GTSX (giá HH)	100,0	100,0	100,0
- Công nghiệp	32,5	41,0	43,2
- Nông, lâm nghiệp	2,2	1,5	1,0
- Khối dịch vụ	65,3	57,5	55,8
Phương án III			
3- Cơ cấu theo GTSX (giá HH)	100,0	100,0	100,0
- Công nghiệp	32,5	37,1	35,8
- Nông, lâm nghiệp	2,2	1,4	0,8
- Khối dịch vụ	65,3	61,5	63,3

Cơ cấu kinh tế phương án II. Định hướng chủ yếu theo phương án II là đẩy mạnh phát triển công nghiệp trong thời kỳ 2011-2015 với tốc độ tăng trưởng khoảng 20,0% và giảm dần xuống 18,5% trong thời kỳ sau, tỷ trọng công nghiệp đến năm 2020 chiếm 43,2%; thời kỳ 2016-2020 ưu tiên đầu tư nhiều hơn cho

phát triển khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng đạt 14,4%/năm (cao hơn PA I), tỷ trọng khu vực dịch vụ tuy giảm dần, nhưng vẫn chiếm phần lớn trong cơ cấu kinh tế, đến năm 2020 chiếm 55,8%; nông nghiệp giảm dần tỷ trọng còn 1,0%. Cơ cấu kinh tế phương án II là dịch vụ-công nghiệp-nông nghiệp, trong đó lĩnh vực dịch vụ vẫn là ngành kinh tế chủ đạo, phát huy được lợi thế, tiềm năng của thành phố, phù hợp hơn với kinh tế đô thị, thể hiện được vai trò, chức năng của thành phố đối với nền kinh tế tỉnh.

Cơ cấu kinh tế phương án III. Định hướng đầu tư chủ đạo theo phương án III là tập trung ưu tiên cao độ cho phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ chất lượng cao, tạo tốc độ tăng trưởng nhanh trong cả giai đoạn 2011-2020 (tăng 14,8%-17,7%), do đó luôn chiếm tỷ trọng áp đảo trong cơ cấu kinh tế của thành phố. Đến năm 2020 dịch vụ vẫn chiếm 63,3%; công nghiệp-xây dựng chiếm ở mức 35,8%; tỷ trọng nông nghiệp giảm còn 0,8%. Cơ cấu kinh tế theo phương án III có xu hướng chuyển dịch tích cực, tạo chuyển biến về chất cho tăng trưởng theo hướng kinh tế đô thị, chú trọng phát triển dịch vụ chất lượng cao, song nhu cầu đầu tư lớn, cao hơn PA I và PA II.

Trong 3 phương án cơ cấu nêu trên, phương án cơ cấu kinh tế II có cơ cấu hợp lý hơn giữa các khu vực công nghiệp và dịch vụ, nhu cầu đầu tư cao song có thể huy động được nếu có những giải pháp tích cực. Do đó lựa chọn cơ cấu kinh tế phương án II để định hướng đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực.

V. MỘT SỐ TRỌNG ĐIỂM PHÁT TRIỂN MANG TÍNH ĐỘT PHÁ

Để đạt tốc độ tăng trưởng ở mức 15,5% thời kỳ 2011-2015 và 16,5% thời kỳ 2016-2020, thành phố Đông Hà cần tập trung đầu tư vào một số ngành, lĩnh vực mang tính đột phá sau:

1) Tăng cường hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị, tạo môi trường hấp dẫn thu hút nhiều dự án đầu tư phát triển, đón đầu hành lang kinh tế Đông-Tây.

- Tập trung đầu tư các công trình hạ tầng trọng điểm về giao thông. Chú trọng các tuyến giao thông đối ngoại (Quốc lộ 1A, cao tốc Bắc-Nam, Quốc lộ 9D đường tránh Đông QL 1A, v.v.); xây dựng thêm một số cầu qua sông Hiếu, sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Phước; nâng cấp cảng Đông Hà; cải tạo đường sắt Bắc-Nam, nâng cấp ga Đông Hà, xây dựng mới đường sắt Đông Hà-Lao Bảo v.v. tạo sức hấp dẫn, thu hút đầu tư.

- Ưu tiên đầu tư chỉnh trang, kéo dài các trục phố chính có ý nghĩa quan trọng đối với quy hoạch đô thị (đường hai bờ sông Hiếu, đường Trần Nguyên Hãn, Hoàng Diệu, Bà Triệu, Bùi Thị Xuân, đường Hùng Vương, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Du, Lê thánh Tông, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Trần Bình Trọng, đường 9D, v.v.), tạo các trục đô thị huyết mạch kết nối khu vực nội thị và vùng ven đô, cải thiện diện mạo đô thị và làm tăng giá trị, hiệu quả khai thác quỹ đất.

- Quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới hiện đại, tiện nghi (Bắc sông Hiếu, Nam Đông Hà, Khóa Bảo, bắc Trần Hưng Đạo - đông Thành Cổ, Đông Trần Bình Trọng v.v.), tạo điểm nhấn cho cảnh quan kiến trúc đô thị và quá trình mở rộng không gian nội thị.

- Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng đô thị: hệ thống điện, cấp nước, mạng lưới bus chính, viễn thông, các công trình xử lý nước thải, rác thải; chỉnh trang đường phố, lát vỉa hè, trồng cây xanh v.v. tạo nền tảng hạ tầng đồng bộ, tiện nghi và những khuôn viên đô thị đẹp, hiện đại cho thành phố.

2) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp trở thành ngành kinh tế động lực.

- Tăng cường xúc tiến đầu tư, xây dựng các mối quan hệ cởi mở, tin cậy nhằm thu hút một số tập đoàn kinh tế mạnh, các doanh nghiệp có tiềm lực vốn trong nước và nước ngoài vào đầu tư phát triển các dự án có quy mô lớn, tạo trọng lực, bước đột phá cho nền kinh tế. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các Khu công nghiệp Nam Đông Hà, các cụm công nghiệp-TTCN, thu hút đầu tư từng bước lấp đầy diện tích v.v.

- Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng và phát huy được lợi thế của thành phố về hạ tầng, về lao động, nguồn nguyên liệu, thị trường. Tập trung vào một số trọng điểm có khả năng mở rộng, phát triển đột phá để gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước như may mặc xuất khẩu, nước giải khát, sản xuất ván ép, gỗ mỹ nghệ, trang trí nội thất cao cấp xuất khẩu, thiết bị văn phòng; vật liệu trang trí nội thất, sản xuất giày da xuất khẩu, chế biến nông, lâm sản, hải sản đông lạnh, đồ hộp xuất khẩu v.v. Khuyến khích, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, hàm lượng chất xám cao. Từng bước hình thành trung tâm công nghệ tin học, công nghiệp gia công, sản xuất phần mềm ứng dụng v.v.

3) Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch thành ngành kinh tế chủ đạo, đẩy mạnh khai thác lợi thế Hành lang Đông-Tây.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thương mại, dịch vụ, quan trọng như Trung tâm thương mại tỉnh, Trung tâm hội chợ-triển lãm, mạng lưới các siêu thị, khách sạn cao cấp, trung tâm dịch vụ tổng hợp, đa năng, các công viên-du lịch, khu vui chơi giải trí. Từng bước hình thành, hiện đại hóa các trung tâm bus chính-viễn thông, tài chính-ngân hàng, trung tâm công nghệ thông tin v.v., tạo môi trường hấp dẫn, thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn, có thương hiệu đầu tư vào Đông Hà.

Hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng Quảng Trị như du lịch công vụ- thương mại-mua sắm, du lịch biển-đảo, du lịch sinh thái lâm viên, du lịch hoài niệm; hình thành các tour du lịch trong mối liên kết với du lịch miền Trung, đặc biệt với các địa phương lân cận Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Bình v.v.

- Xây dựng chương trình liên kết, hợp tác phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch trong nước và quốc tế: tổ chức hội chợ khu vực thường niên; đặc biệt chú trọng phát triển loại hình du lịch Caravan qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo về Đông Hà, đến các tỉnh/thành khác trong cả nước; du lịch lữ hành theo Hành lang Đông-Tây đến các nước trong khu vực (Lào, Thái Lan, Myanmar) và thế giới.

4) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn mới.

- Thu hút, đào tạo lực lượng lao động khoa học, kỹ thuật có trình độ, đủ khả năng tiếp thu và làm chủ các công nghệ, kỹ thuật hiện đại, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh phát triển. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực tổ chức, điều hành, ngoại giao; có tầm nhìn xa, trông rộng và tâm huyết với sự nghiệp phát triển chung. Đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành, nghề trên địa bàn thành phố và toàn tỉnh. Đào tạo, nâng cao tính chuyên nghiệp, phong cách phục vụ văn minh, lịch sự của lực lượng lao động ngành thương mại, du lịch, dịch vụ đáp ứng nhu cầu hội nhập.

5) Cải cách thủ tục hành chính, xây dựng cơ chế, chính sách thông thoáng, cởi mở tạo sự hấp dẫn, tin cậy đối với các nhà đầu tư.

- Ban hành những cơ chế chính sách thông thoáng về giải quyết các thủ tục đầu tư, cho thuê đất, giải phóng mặt bằng. Xây dựng quy trình cấp phép đầu tư cụ thể, rõ ràng. Phối hợp thống nhất, chặt chẽ, đồng bộ giữa các ngành trong giải quyết các thủ tục nhanh gọn, rút ngắn thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi để các nhà đầu tư sớm triển khai dự án; tạo sự thoải mái, tin cậy cho các nhà đầu tư khi đến với Đông Hà để định hướng làm ăn lâu dài.

- Hỗ trợ đền bù, giải phóng mặt bằng nhanh chóng, cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật để các nhà đầu tư có thể triển khai sớm các dự án; phối hợp cùng các doanh nghiệp đầu tư đào tạo, tuyển dụng lao động; đảm bảo trật tự, an ninh xã hội để các nhà đầu tư yên tâm sản xuất, kinh doanh.

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

I. LĨNH VỰC DỊCH VỤ

1. Quan điểm và mục tiêu phát triển chung.

- Khai thác, phát huy lợi thế về vị trí địa lý kinh tế và các điều kiện về cơ sở hạ tầng đô thị, đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ tiếp tục giữ vững vai trò ngành kinh tế chủ đạo của thành phố, đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách trên địa bàn.

- Xây dựng Đông Hà thành trung tâm thương mại, dịch vụ lớn, có quy mô cấp vùng ở khu vực miền Trung và trên Hành lang Đông-Tây; trở thành điểm

mua sắm sầm uất, hấp dẫn của du khách trong nước và quốc tế.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng thương mại, du lịch, xây dựng mạng lưới chợ; hình thành một số cụm thương mại, dịch vụ; cụm du lịch sinh thái-công viên văn hóa, thể thao v.v. Tập trung đầu tư xây dựng các công trình quan trọng: Trung tâm thương mại, Trung tâm hội chợ-triển lãm, các siêu thị, khách sạn, nhà hàng cao cấp, trung tâm thông tin-viễn thông, tài chính-ngân hàng v.v. tạo tiền đề đưa hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn thành phố hội nhập với khu vực và quốc tế.

- Phát triển đa dạng các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch. Chú trọng một số lĩnh vực kinh doanh dịch vụ chất lượng cao như siêu thị, cửa hàng cao cấp, dịch vụ tài chính-ngân hàng, viễn thông, công nghệ thông tin, khoa học-kỹ thuật. Áp dụng các loại hình kinh doanh tiên tiến, kỹ thuật-công nghệ hiện đại, xây dựng thương hiệu hàng hóa, nâng cao chất lượng, uy tín, xây dựng phong cách văn minh thương mại v.v.

- Phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành (GO) đạt bình quân 12-14,5%/năm thời kỳ 2011-2020; chiếm tỷ trọng 56-58% trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn thành phố; thu hút khoảng 61-63% lao động xã hội và đóng góp trên 70% thu ngân sách địa phương.

2. Thương mại.

2.1. Nội thương.

Tổ chức khai thác tốt các thị trường: thị trường tại chỗ (thành phố), thị trường trong tỉnh và cả nước. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, bảo đảm hành lang pháp lý cho mọi thành phần kinh tế hoạt động kinh doanh thương mại, tạo sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường. Nâng cao năng lực, chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh doanh thương mại. Phần đầu tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ xã hội đạt 25%/năm thời kỳ 2011-2015; đạt 26-28% thời kỳ 2016-2020.

- Khai thác, phục vụ tốt thị trường đô thị, đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng phục vụ đời sống dân cư, các chuyên gia, công nhân và người lao động trên địa bàn; cung ứng kịp thời các loại vật tư, nguyên liệu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho các ngành kinh tế. Phát triển mô hình cung ứng ổn định lương thực, thực phẩm tươi sống, nâng cao chất lượng phục vụ các khu công nghiệp, khách sạn, nhà hàng, khu đô thị mới v.v.

- Mở rộng lưu thông, trao đổi hàng hóa với các huyện, thị xã trong tỉnh trong việc cung cấp các vật tư, hàng hóa thiết yếu cho các khu vực đó và thu hút các nguồn lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nông sản phục vụ đời sống, sản xuất trên địa bàn thành phố.

- Chú trọng mở rộng thị trường đến các vùng nông thôn trong tỉnh, phục

vụ tốt nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống dân cư trên toàn tỉnh. Tổ chức tốt các chợ đầu mối, chợ nông sản, xây dựng các trung tâm bán sỷ, phát luồng bán buôn hàng hóa đi các địa phương trong tỉnh.

- Mở rộng thị trường đến các tỉnh thành trong cả nước, nhất là thị trường các tỉnh lân cận, Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Hình thành các luồng lưu thông hàng hóa theo tuyến Bắc-Nam (Quốc lộ 1A) và tuyến Hành lang Đông-Tây (Quốc lộ 9).

- Trước mắt, tập trung nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở hạ tầng thương mại hiện có. Tổ chức, bố trí hợp lý các lô quây, ngành hàng, thu hút các doanh nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng hết mặt bằng các lô, quây Chợ trung tâm Đông Hà và các chợ Đông Lương, Lê Lợi, chợ phường 3, phường 4; sắp xếp lại các chợ khu vực, chợ phường. Đổi mới cơ chế quản lý chợ, mạnh dạn áp dụng hình thức đấu thầu xây dựng và quản lý một số chợ trên địa bàn.

- Thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại, khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết, thu hút các đối tác có tiềm lực vốn đầu tư xây dựng các chợ, Trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị, cửa hàng cao cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất; xây dựng các địa điểm tiếp xúc, giao dịch thuận lợi với các đối tác, bạn hàng, phục vụ tốt hoạt động kinh doanh thương mại.

2.2. Hoạt động xuất, nhập khẩu.

- Tăng cường quan hệ hợp tác, liên kết giữa thành phố với các huyện trong tỉnh, với các doanh nghiệp xuất- nhập khẩu lớn trong vùng và cả nước để tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến, tìm kiếm nguyên liệu, nguồn hàng xuất khẩu. Mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, bạn hàng mới, nâng cao năng lực xuất-nhập khẩu. Từng bước vươn sâu vào thị trường Lào và các nước trong Khu vực. Dự kiến kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 18-20%/năm giai đoạn 2011-2020.

- Chú trọng phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, có tiềm năng lợi thế như chế biến gỗ, mộc mỹ nghệ cao cấp, sản phẩm dệt may, chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng v.v. (chủ yếu tập trung sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp tập trung của tỉnh, thành phố). Khuyến khích phát triển các sản phẩm xuất khẩu địa phương (chủ yếu do các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và cơ sở TTCN sản xuất), bao gồm các hàng nông sản như lạc, tỏi, ớt, hạt tiêu; hàng chế biến thực phẩm, hải sản đông lạnh, mực khô, hàng thủ công, mỹ nghệ truyền thống (đúc đồng, gỗ mỹ nghệ, gạch trang trí v.v.).

- Phát huy các lợi thế nằm trên hành lang Đông-Tây và trên cơ sở các mối quan hệ đã được tạo lập, tiếp tục duy trì ổn định các thị trường xuất khẩu truyền thống như Lào, Thái Lan, Nhật Bản, Đài Loan. Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tìm bạn hàng mới, đặc biệt là với các nước trong khu

vực Đông Nam Á, Trung Quốc và vươn tới các thị trường xa hơn.

- Chú trọng nhập khẩu các thiết bị, dây truyền công nghệ tiên tiến phục vụ phát triển các ngành công nghiệp then chốt, mũi nhọn, sản xuất hàng xuất khẩu như sản xuất xi măng, vật liệu trang trí nội thất, đồ gỗ cao cấp, chế biến nông sản, thực phẩm; các vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất như phân bón, thuốc trừ sâu, hoá chất, sắt thép... và một số mặt hàng tiêu dùng cần thiết.

2.3. Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ

Định hướng chung là quy hoạch sắp xếp lại, phát triển hệ thống chợ hợp lý, phân bố cân đối giữa các khu vực, các khu đô thị, tạo môi trường thuận lợi cho việc mua bán trong nội thị và trao đổi giao thương hàng hóa với bên ngoài, đảm bảo an toàn giao thông. Xây dựng chợ theo hướng hiện đại, tạo phong cách văn minh thương mại, có kiến trúc phù hợp với cảnh quan đô thị.

Trong giai đoạn đến năm 2020, dự kiến mạng lưới chợ trên địa bàn thành phố Đông Hà bao gồm: 01 chợ loại I (chợ trung tâm Đông Hà), 3 chợ loại II, 4 chợ loại 3 và một số chợ khu vực, cụ thể như sau:

- Cải tạo, nâng cấp các chợ đã có, xác định vị trí, quy mô phù hợp. Trước mắt tập trung sửa chữa, nâng cấp khu vực đã có như chợ phường 3, phường 4, chợ Đông Lương; xây dựng chợ Hàm Nghi mới, mở rộng với quy mô phù hợp, hiệu quả.

- Giải tỏa những chợ không còn phù hợp với quy hoạch chung của thành phố bao gồm: chợ 1/5, KP3 Đông Lễ, KP 1A, Nguyễn Trãi, chợ quốc lộ 9 v.v. Kiên quyết xoá bỏ hoặc di chuyển chợ tạm, chợ cóc ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông và mỹ quan đô thị, gây ô nhiễm vệ sinh môi trường.

- Phát triển thêm các chợ tổng hợp ở trung tâm phường 5, chợ khu đô thị Nam Đông Hà, chợ khu dân cư Trần Bình Trọng, chợ ở các khu đô thị mới dọc đường Hùng Vương nối dài, đường Nguyễn Du, đường 9D và ở các khu vực các phường ven đô v.v.

- Xây dựng một số chợ nông sản, rau quả thực phẩm phường 4, Đông Thanh, Đông Lễ, ở phía Bắc, phía Nam thành phố, tạo địa điểm trao đổi hàng hóa nông sản từ các địa bàn khác trong tỉnh và các vùng lân cận.

- Có chính sách đẩy mạnh xã hội hoá xây dựng các chợ trên địa bàn. Khuyến khích tư nhân đầu tư vốn xây dựng các chợ, mở rộng quy mô, hiện đại hóa cơ sở vật chất. Bố trí địa điểm, mặt bằng đủ rộng, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy v.v.

Hình thành một số trục phố chuyên doanh trung tâm. Tổ chức, bố trí lại không gian theo hướng hình thành các trục phố chuyên kinh doanh một số ngành hàng, sản phẩm đặc thù trên các phố chính ở trung tâm thành phố và các trục đô

thị quan trọng. Ban hành quy định các nhóm hàng, dịch vụ được phép kinh doanh trên mỗi trục đường. Công tác kiểm tra, giám sát dựa trên cơ sở cấp giấy phép đăng ký kinh doanh cho từng đối tượng theo quy định.

Định hướng quy hoạch một số trục kinh doanh chính như: ngành hàng thiết bị điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, hàng tiêu dùng cao cấp (đường Hùng Vương); kinh doanh bách hóa tổng hợp, dịch vụ thông tin, tư vấn (đường Trần Hưng Đạo); văn hóa phẩm, dịch vụ y tế, dược phẩm (đường Lê Lợi); dụng cụ thể dục thể thao, thông tin văn hóa nghệ thuật (đường Nguyễn Huệ); kinh doanh tổng hợp (đường Lê Duẩn); dịch vụ khách sạn, nhà hàng giải khát, ẩm thực, vui chơi giải trí (đường Nguyễn Trãi); dịch vụ cơ khí bảo dưỡng ô tô, xe máy, vận tải; dịch vụ kho tàng, bến bãi, trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, dịch vụ kỹ thuật cao (quốc lộ 9D) v.v.

2.4. Phát triển mạng lưới các siêu thị, trung tâm thương mại.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư, các hãng kinh doanh lớn liên kết, hợp tác đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại tỉnh, Trung tâm Hội chợ- Triển lãm, hệ thống các siêu thị, nhà hàng, cơ sở dịch vụ cao cấp v.v. nhằm thu hút các luồng hàng trong nước và từ các nước trong Khu vực, tạo sự lưu thông hàng hoá lớn, nâng cao chất lượng phục vụ, văn minh thương mại.

- Đến năm 2015, ngoài các siêu thị hiện có, tập trung xây dựng hoàn thành một số công trình như Đông Hà Plaza, khách sạn Sài Gòn-Đông Hà, toà nhà Vietttel. Hình thành mạng lưới 7-10 siêu thị trên địa bàn và tiếp tục phát triển thêm cùng với quá trình mở rộng không gian đô thị.

Hình thành một số tuyến phố chuyên doanh các mặt hàng, sản phẩm đặc thù trên các trục phố chính ở trung tâm thành phố như trục đường Trần Hưng Đạo- Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu, đường Lê Duẩn, khu vực chợ Đông Hà v.v. tạo bước chuyển biến mới, điểm nhấn đẩy mạnh phát triển thương mại và nâng cao chất lượng kinh doanh.

- Giai đoạn đến năm 2020, tiếp tục thu hút đầu tư xây dựng thêm các trung tâm thương mại khu vực, hệ thống siêu thị, cơ sở dịch vụ tổng hợp, đa năng trên các trục đô thị quan trọng: đường Hùng Vương (kéo dài), đường Nguyễn Trãi, đường 9D; tại các khu đô thị mới Nam Đông Hà, Bắc sông Hiếu, Đông Trần Bình Trọng, Khóa Bảo, Khe Mây, khu dân cư tập trung v.v. đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đời sống xã hội.

2.5. Phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu

Nâng cấp, cải tạo các cửa hàng xăng dầu hiện có và quy hoạch bổ sung một số điểm kinh doanh xăng dầu trên các tuyến trục giao thông quan trọng, ở các khu vực đông dân cư, gần các khu, cụm công nghiệp, trên các các tuyến đường mới mở, vùng ven đô nhằm cung ứng tốt nhu cầu xăng dầu, phục vụ lưu

thông, đi lại của các phương tiện vận tải và dân cư.

- Chú trọng bố trí hợp lý mạng lưới các cửa hàng xăng dầu dọc theo các trục đường chính có lưu lượng lưu thông cao như quốc lộ 1A (đường Lê Duẩn, quốc lộ 9B, đường Lý Thường Kiệt và quốc lộ 9D.

- Phát triển mô hình cửa hàng xăng dầu kiêm trạm dừng chân kèm hệ thống các dịch vụ phục vụ khách du lịch trên đường 9D.

- Hướng dẫn các tổ chức cá nhân đầu tư kinh doanh xăng dầu đến các điểm mới nhằm đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng xăng dầu của dân cư địa phương và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố trong giai đoạn tới.

3. Các loại hình dịch vụ

Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ chất lượng cao, loại hình dịch vụ mới. Nâng cao chất lượng dịch vụ, trình độ chuyên môn, phong cách phục vụ văn minh, hiện đại v.v. Chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ có tiềm năng, lợi thế trên địa bàn thành phố.

- *Dịch vụ kho tàng, vận tải.* Đây là loại hình dịch vụ có tiềm năng, lợi thế phát triển, cần đầu tư đẩy mạnh phát triển. Quy hoạch một số cụm dịch vụ về kho tàng, dịch vụ vận tải, trung chuyển hàng hóa, bến bãi trú đậu phương tiện vận tải, đáp ứng yêu cầu phục vụ hàng hóa quá cảnh, tạm nhập tái xuất, gia công tái chế. Dự kiến quy hoạch một số cụm kho tàng ở khu vực cảng Đông Hà, cụm đường 9D, cụm phường 4, cụm Lý Thường Kiệt. Các cụm kho tàng cần được quy hoạch liên hoàn, được trang bị thiết bị hiện đại để có thể phối hợp đa dạng các hình thức vận chuyển. Bố trí một số địa điểm có mặt bằng quỹ đất đủ rộng (khoảng 1-2 ha/cụm), có điều kiện thuận lợi về giao thông để thu hút đầu tư xây dựng cơ sở vật chất dịch vụ vận tải.

- Tổ chức các bãi đỗ xe, bến trú đậu, phát triển dịch vụ lưu đêm, trông giữ các phương tiện vận tải. Phối hợp với các tuyến xe liên tỉnh, liên vùng trên tuyến quốc lộ 1A, tổ chức các điểm đỗ xe đón khách hợp lý, thuận tiện cho các phương tiện và dân cư đi lại. Tiến tới tổ chức, phát triển dịch vụ xe buýt công cộng trên địa bàn nội thị và đến các vùng lân cận.

- Tổ chức sắp xếp lại các hoạt động vận tải. Cùng cố nâng cao năng lực hoạt động các doanh nghiệp vận tải hiện có. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mua sắm phương tiện vận tải (đặc biệt là ô tô khách), trang bị các thiết bị chất lượng cao đảm bảo phục vụ tốt, an toàn cho hành khách. Từng bước thành lập các hợp tác xã, công ty cổ phần xe khách. Đối với vận tải tư nhân, cần hình thành một tổ chức để có điều kiện quản lý, điều hành, phân chia luồng tuyến có trật tự, khoa học, công bằng trong kinh doanh vận tải. Đổi mới cung cách phục vụ chu đáo, ứng xử văn minh, lịch sự nhằm thu hút khách hàng.

- *Dịch vụ logistics.* Tận dụng lợi thế Đông Hà nằm ở vị trí quan trọng trên

Hành lang kinh tế Đông-Tây, gần Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, quy hoạch xây dựng cảng trung chuyển container; chú trọng phát triển dịch vụ logistics, giao nhận-vận chuyển hàng hóa, lưu kho, gia công tái chế, đóng gói v.v. phục vụ các hoạt động kinh tế trên tuyến Hành lang kinh tế Đông-Tây.

- *Dịch vụ vui chơi giải trí.* Thu hút các doanh nghiệp, công ty tư nhân mạnh dạn bỏ vốn đầu tư hoặc liên doanh, liên kết xây dựng các điểm vui chơi giải trí: hồ Khe Mây, hồ Trung Chi, Hồ Km6, đôi bờ sông Hiếu v.v. Tạo điều kiện để các tổ chức, hộ gia đình đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ vui chơi, giải trí tại các cụm thương mại, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu kết hợp vui chơi giải trí với tham quan, mua sắm v.v. của người dân và du khách.

- *Dịch vụ bưu chính, viễn thông.* Mở rộng mạng lưới dịch vụ bưu chính viễn thông, chú trọng các phường vùng ven đô. Đa dạng các loại hình dịch vụ phục vụ cho mọi đối tượng sử dụng. Nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính, viễn thông với công nghệ tiên tiến, băng tần rộng, truy cập nhanh, đa dịch vụ, mang tính lâu dài; cung cấp dịch vụ điện thoại số đa dịch vụ (ISDN), dịch vụ internet, viễn thông động (điện thoại, fax, điện báo trong nước và quốc tế), dịch vụ chuyển phát nhanh (EMS), tiết kiệm bưu điện v.v.); phát triển dịch vụ viễn thông vệ tinh (VINASAT) v.v. làm nền tảng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, thương mại điện tử, Chính phủ điện tử, dịch vụ công và các lĩnh vực khác. Phổ cập dịch vụ internet trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, đời sống, xã hội đáp ứng kịp thời nhu cầu nắm bắt và trao đổi thông tin của mọi đối tượng. Phấn đấu đến năm 2015, mật độ điện thoại bình quân đạt 70-75 máy/100 dân, trong đó điện thoại cố định 30-35 máy, điện thoại di động 35-40 máy; đến năm 2020 phát triển đa dạng hóa các loại hình điện thoại hiện đại, chất lượng cao. Đẩy mạnh tốc độ thuê bao internet tăng 20-25% phục vụ phát triển kinh tế và nâng cao dân trí.

- *Dịch vụ tài chính, ngân hàng.* Đây là những ngành dịch vụ quan trọng, tác động trực tiếp đến phát triển sản xuất kinh doanh. Cần tổ chức tốt và nâng cao chất lượng loại hình dịch vụ này; đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị hiện đại cho hệ thống ngân hàng, phát triển các loại hình giao dịch ngân hàng tự động (hệ thống máy ATM...). Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ tài chính (cho thuê tài chính, bất động sản...), tạo điều kiện thuận lợi để thu hút mọi nguồn lực vốn, đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của mọi thành phần kinh tế.

- *Dịch vụ cho thuê văn phòng.* Đây là lĩnh vực dịch vụ thành phố Đông Hà có triển vọng phát triển. Cùng với sự lưu thông, hoạt động của Hành lang kinh tế Đông-Tây, sự hình thành phát triển của Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, khả năng thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào Khu kinh tế, khu

công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có nhiều triển vọng. Do đó nhu cầu thuê các cao ốc văn phòng làm việc, giao dịch, đại lý v.v. là rất lớn. Thành phố Đông Hà là điểm đầu cầu đường 9, nằm liền kề các địa bàn kinh tế động lực, có nhiều cơ hội phát triển dịch vụ cho thuê văn phòng, trụ sở làm việc. Cần quy hoạch xây dựng các khu nhà cao tầng, cao ốc hiện đại, tiện nghi để phát triển loại hình dịch vụ này.

- *Dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ thuật*: Đây là loại hình dịch vụ có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển đối với Đông Hà với chức năng là trung tâm tỉnh lỵ, trung tâm khoa học-kỹ thuật của tỉnh. Hình thành các trung tâm, đơn vị tư vấn, chuyển giao kỹ thuật có chính sách thu hút nhiều cán bộ chuyên môn có trình độ năng lực, kinh nghiệm...để tạo các sản phẩm tư vấn có chất lượng. Chú trọng phát triển các dịch vụ tư vấn có hàm lượng chất xám cao trên các lĩnh vực: tư vấn xây dựng, pháp luật, nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao công nghệ-kỹ thuật đáp ứng nhu cầu phát triển trên địa bàn thành phố và toàn tỉnh.

- *Dịch vụ công nghệ thông tin*. Đây là loại hình dịch vụ thu hút nhiều tư nhân đầu tư phát triển mạnh. Khuyến khích mở thêm nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ tin học, internet, đáp ứng các nhu cầu về truy cập nắm bắt thông tin, vui chơi giải trí lành mạnh, giao lưu hợp tác, quan hệ xã hội. Có chính sách thu hút, tập hợp các cán bộ kỹ sư có năng lực trình độ lập trình tin học, hình thành các Trung tâm gia công, sản xuất phần mềm ứng dụng phục vụ công tác quản lý Nhà nước, quản lý doanh nghiệp, quản lý xã hội v.v. Áp dụng công nghệ thông tin, xây dựng cổng thông tin điện tử nâng cao chất lượng quản lý hành chính. Phát triển các trung tâm đào tạo tin học, bồi dưỡng nâng cao trình độ về công nghệ thông tin, đáp ứng nhu cầu cho mọi đối tượng trên địa bàn.

- *Dịch vụ đô thị*. Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động cho Công ty TNHH 1 thành viên Môi trường đô thị, Công ty cấp thoát nước v.v. để thực hiện tốt các chức năng cung cấp các dịch vụ về đô thị như thu gom xử lý rác thải, vệ sinh môi trường, thoát nước, chiếu sáng...Tiến đến xoá bỏ việc Nhà nước bao cấp, thực hiện thu lệ phí đối với các dịch vụ như chiếu sáng đường phố, vệ sinh đường phố, cấp thoát nước gia đình, đơn vị sản xuất kinh doanh...

- *Dịch vụ nông nghiệp*. Chú trọng phát triển các dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động khu vực nông thôn ven đô. Cung cấp giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tiêu thụ nông sản phục vụ phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Làm tốt công tác thú y, phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ. Phát triển dịch vụ thủy lợi, cơ khí, chuyển giao kỹ thuật phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Tổ chức mạng lưới tiêu thụ hàng hóa nông sản. Xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã chuyên làm dịch vụ nông nghiệp. Tạo mặt bằng xây dựng, đổi mới cơ chế, thủ tục thuận tiện cho các đơn vị kinh doanh dịch vụ nông nghiệp: xây dựng các trại giống, trạm cơ khí, kỹ thuật, thủy lợi tưới tiêu, thú y, bảo vệ thực vật v.v.

- *Các dịch vụ khác.* Chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ mới như kiểm toán, bảo hiểm, thông tin thị trường, dịch vụ đào tạo nghề xuất khẩu lao động. Tổ chức tốt các dịch vụ văn hóa, thể thao, hình thành các vũ trường, câu lạc bộ văn thơ, ca hát; câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ, dưỡng sinh, võ thuật v.v. đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần ngày càng cao của mọi tầng lớp dân cư; duy trì các loại hình dịch vụ công ích như phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, phòng chống thiên tai v.v.

** Một số biện pháp chủ yếu thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ.*

- Tăng cường xúc tiến thương mại, tổ chức các cuộc hội thảo, tiếp xúc với các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh; giới thiệu, quảng bá tiềm năng, cơ hội, xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư,

- Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, bảo đảm hành lang pháp lý cho mọi thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh thương mại, tạo sự cạnh tranh lành mạnh. Ban hành các chính sách ưu tiên, ưu đãi thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là các hãng kinh doanh lớn, có thương hiệu đến Đông Hà đầu tư kinh doanh.

- Quy hoạch, bố trí dành quỹ đất, kể cả ở khu vực trung tâm nội thị, các khu đô thị mới, vùng ven đô, tạo mở mặt bằng, đảm bảo diện tích đủ rộng để xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ quan trọng khi có nhu cầu trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, tổ chức quản lý, hướng dẫn các hoạt động kinh doanh dịch vụ phát triển đúng hướng. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển đa dạng các ngành nghề, hình thức kinh doanh. Phối hợp ngăn chặn các hành vi kinh doanh trái phép, gian lận thương mại, tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm v.v.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng lao động hoạt động thương mại, dịch vụ. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về kiến thức pháp luật trong hoạt động kinh doanh buôn bán. Bố trí nguồn vốn khuyến thương để thực hiện hỗ trợ phát triển thương mại, dịch vụ như tư vấn kinh doanh, thông tin thị trường, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp v.v.

4. Du lịch

4.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển.

- Phát triển du lịch của thành phố Đông Hà đặt trong mối quan hệ hữu cơ

với quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của tỉnh, gắn kết chặt chẽ với phát triển du lịch các huyện, thị trong tỉnh, tạo sự liên thông giữa các khu vực đem lại hiệu quả chung trên toàn tỉnh.

- Kết hợp với các tour du lịch liên tỉnh (Đà Nẵng, Huế, Quảng Bình...) để phục vụ các dịch vụ ăn ở, lưu trú, hậu cần trung gian phục vụ khách du lịch và khách lẻ hành.

- Phát huy lợi thế nằm ở vị trí đầu mối trên tuyến Hành lang kinh tế Đông-Tây, hình thành các tour du lịch Đông Hà đến các nước trong khu vực như Lào, Thái Lan, Campuchia, Myanmar, Trung Quốc v.v..

- Phát triển đa dạng các loại hình du lịch: du lịch sinh thái, tham quan, vui chơi giải trí; du lịch thương mại, mua sắm, hội chợ; du lịch hoài niệm, tri ân; nghiên cứu văn hóa, lịch sử; du lịch công vụ, hội nghị, hội thảo; đặc biệt chú trọng phát triển du lịch lữ hành, du lịch Caravan qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo về Đông Hà và đến các thành phố khác trong cả nước v.v.

- Gắn phát triển du lịch với tôn tạo, bảo tồn các di tích lịch sử, giữ gìn các truyền thống văn hóa địa phương, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

- Phấn đấu đạt một số mục tiêu phát triển: tăng doanh thu du lịch đạt tốc độ tăng trưởng 18-20%/năm; tăng số lượt khách bình quân đạt 14-15%/năm.

4.2. Định hướng đầu tư phát triển.

1) Phát triển một số cụm du lịch, dịch vụ trọng điểm.

Trên địa bàn thành phố có một số hồ nước thiên nhiên đẹp, cảnh quan đôi bờ sông Hiếu, cù lao nổi, có Chợ trung tâm Đông Hà, các cơ sở dịch vụ, công trình văn hóa, công viên lâm sinh cây xanh v.v. Phát huy các tiềm năng, lợi thế này, tập trung đầu tư hình thành một số cụm du lịch, dịch vụ trọng điểm sau:

- *Cụm công viên tượng đài Lê Duẩn-khu thương mại chợ Đông Hà.* Nằm ở khu vực trung tâm thành phố, có quốc lộ 1A chạy qua, giáp cầu sông Hiếu, có địa thế đẹp và thuận lợi. Định hướng tiếp tục đầu tư tu bổ Công viên Lê Duẩn, tạo cảnh quan đẹp cho khu vực trung tâm thành phố. Nâng cấp cơ sở vật chất Chợ trung tâm Đông Hà và hạ tầng khu vực lân cận; xây dựng thêm một số công trình mới như siêu thị, khách sạn, cơ sở dịch vụ tổng hợp, đa năng, tạo cảnh quan kiến trúc đẹp đáp ứng nhu cầu tham quan, thưởng ngoạn và phát triển du lịch mua sắm của nhân dân trong tỉnh và du khách thập phương.

- *Cụm dịch vụ đôi bờ sông Hiếu.* Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: giao thông, điện chiếu sáng, cấp nước, bến thuyền du lịch. Phát triển các nhà hàng, cơ sở dịch vụ dọc theo đường Hoàng Diệu, Bà Triệu. Xây dựng nhà hàng Cồn nổi trên sông Hiếu, mô hình nhà vườn sinh vật cảnh, công viên cây xanh. Phát triển các loại hình dịch vụ nhà hàng ẩm thực, quán cafe giải khát, vui chơi giải trí, du

thuyền ngắm cảnh trên sông Hiếu, nhà hàng nổi bên sông v.v. Đầu tư các khách sạn, nhà hàng, cơ sở dịch vụ có mức đầu tư tương xứng, ở các vị trí được quy hoạch, kiểm soát được vấn đề chất thải, vệ sinh môi trường.

- *Cụm du lịch sinh thái Cọ Dầu-hồ Trung Chi.* Nằm trên địa bàn phường Đông Lương, phía Tây Nam thành phố, trên đường Hùng Vương kéo dài. Định hướng xây dựng thành công viên sinh thái, dịch vụ tổng hợp, là trung tâm vui chơi giải trí có quy mô cấp toàn tỉnh. Tập trung đầu tư hạ tầng giao thông, tôn tạo cảnh quan sinh thái hồ nước, vườn hoa, trồng cây xanh. Xây dựng các công trình vui chơi cho thanh thiếu niên: ngựa quay, xe lửa, bể bơi, công viên nước, vườn thực vật, vườn thú, chim cảnh v.v. Phát triển các đa dạng các loại hình dịch vụ: khách sạn, nhà hàng ăn uống, giải khát, tổ chức bữa ăn gia đình, sinh nhật, hội nghị, hội thảo phục vụ mọi tầng lớp nhân dân và du khách.

- *Cụm dịch vụ, du lịch hồ Khe Mây.* Hồ Khe Mây có diện tích mặt nước rộng 50 ha, lưu vực rộng 3,2 km², nằm trên địa bàn phường 3, có vị trí, điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch sinh thái. Định hướng phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí quanh bờ hồ; tham quan, dã ngoại sinh thái lâm viên, các hoạt động vui chơi giải trí trên mặt nước.

- *Cụm du lịch, dịch vụ hồ Km 6.* Hồ km 6 có diện tích mặt nước 10 ha, diện tích lưu vực rộng 22 ha. Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, cấp điện, nước, các công trình dịch vụ, du lịch quanh bờ hồ và mặt nước. Xây dựng các nhà hàng, bến thuyền, bến câu cá, vườn sinh vật cảnh, cụm dịch vụ văn hóa TDTT, hệ thống nhà nghỉ. Định hướng phát triển các loại hình dịch vụ, du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí quanh bờ hồ, trên mặt nước thu hút dân cư trên địa bàn và các vùng lân cận.

- *Cụm du lịch dịch vụ Lập Thạch.* Khu vực đoạn kè sông Thạch Hãn thuộc phường Đông Lễ, Đông Lương. Tận dụng địa hình tự nhiên thoáng mát bờ sông, quy hoạch phát triển các loại hình du lịch dịch vụ ăn uống, giải khát, vui chơi, thư giãn, giải trí phục vụ nhân dân địa phương và khu vực nội thị.

- *Ngoài ra, đầu tư xây dựng một số khu lâm viên sinh thái hồ Khe Lấp, Tân Vĩnh, Đại An và vùng đồi rừng phía Tây v.v.* Xây dựng hạ tầng giao thông, hình thành mô hình sinh thái nhà-vườn, các điểm du lịch tham quan, dã ngoại, cơ sở dịch vụ, trồng cây xanh tạo cảnh quan lâm viên xanh, thoáng, đẹp cho thành phố và thu hút du khách.

2) *Xây dựng hạ tầng du lịch và hệ thống khách sạn, nhà hàng.*

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch tiện nghi, hiện đại để đón nhận khách du lịch trong nước và quốc tế đến với Quảng Trị, tổ chức các hội nghị, hội thảo mang tầm quốc gia, quốc tế, đón đầu hội nhập. Tập trung cải tạo nâng cấp 27 khách sạn và nhà nghỉ hiện có; xây dựng mới một số khách sạn

cao cấp đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên như Khách sạn Sài Gòn - Đông Hà, Vietttel quân đội v.v.

Đầu tư xây dựng thêm khách sạn, nhà nghỉ với các quy mô đa dạng, nâng tăng số lượng phòng tăng gấp 2 lần hiện nay (800-1.000 phòng), trong đó khoảng 50-60% đạt tiêu chuẩn quốc tế. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị bên trong phục vụ ăn nghỉ, nhu cầu vui chơi giải trí và hệ thống kết nối thông tin liên lạc trong nước và quốc tế (Tel, Fax, Internet...). Đồng thời phát triển hệ thống các nhà hàng ăn uống, giải khát, cơ sở dịch vụ đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhiều đối tượng du khách.

Tiếp tục thu hút đầu tư xây dựng thêm các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng hai bờ sông Hiếu, khu vực hồ Trung Chi, Khe Mây, Khe Lấp, dọc quốc lộ 9D, vùng đồi phía Tây v.v. Xây dựng Trung tâm hội chợ, triển lãm, phát triển hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng cao cấp, các điểm mạnh loại hình du lịch mua sắm trên địa bàn.

Xây dựng Nhà văn hóa thành phố, quảng trường, các kỳ đài, tượng đài lịch sử, các công trình văn hóa, thể thao v.v. tạo những biểu trưng ấn tượng về hình ảnh Đông Hà. Xây dựng Công viên trung tâm Nguyễn Huệ trên địa bàn phường 1. Hình thành các làng du lịch sinh thái trồng hoa, cây cảnh, xây dựng vành đai rau xanh thực phẩm. Trồng cây xanh đường phố đảm bảo mật độ bình quân 5m²/người, tạo không gian xanh, thoáng mát cho thành phố. Chú trọng văn hoá ẩm thực, chế biến các món ăn đặc sản địa phương, mang hương vị Quảng Trị, nâng cao tính thẩm mỹ, tạo ấn tượng hấp dẫn du khách. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên nghiệp cho đội ngũ tiếp viên, nhân viên phục vụ du lịch, đáp ứng nhu cầu hội nhập trong khu vực và quốc tế.

3) Hình thành các tuyến, cụm du lịch liên huyện, liên tỉnh.

Kết hợp khai thác tiềm năng du lịch trên địa bàn thành phố với các cụm, điểm du lịch của các huyện, thị trong tỉnh. Thiết lập các tour du lịch từ thành phố Đông Hà đi Cửa Việt, đảo Cồn Cỏ, đi Cửa Tùng, địa đạo Vịnh Mốc, thăm nghĩa trang Trường Sơn, di tích Cồn Tiên, Dốc Miếu, nhà Chính phủ cách mạng lâm thời giải phóng miền Nam, khu du lịch lâm sinh thái Khe Gió, khu vực Ái Tử -Thành cổ Quảng Trị, trầm Trà Lộc v.v.

Các tuyến, cụm du lịch liên huyện:

- Tuyến du lịch phía Nam: từ Đông Hà đến thành cổ Quảng Trị và các điểm du lịch phụ cận thuộc huyện Triệu Phong, Hải Lăng như nhà thờ La Vang, trầm Trà Lộc v.v..

- Tuyến du lịch phía Tây: từ Đông Hà đến các điểm du lịch thuộc huyện Đăkrông, Hướng Hóa, trọng tâm Khu thương mại Lao Bảo, cụm du lịch Khe Sanh- Rào Quán và các điểm du lịch suối nước nóng Đăkrông-đường mòn Hồ

Chí Minh huyền thoại v.v.

- Tuyến du lịch phía Bắc: từ Đông Hà đến khu du lịch biển Cửa Việt, Cửa Tùng- đảo Cồn Cỏ; thăm nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn, các di tích lịch sử Cồn Tiên-Dốc Miếu; di tích đôi bờ Hiền Lương, địa đạo Vịnh Mốc v.v.

Các tuyến du lịch liên tỉnh:

- Tuyến phía Bắc: từ Đông Hà đi- Quảng Bình (Đồng Hới, Phong Nha Kẻ Bàng, tắm biển Nhật Lệ)- Nghệ An (thăm quê Bác, tắm biển Cửa Lò- Hà Nội- Vịnh Hạ Long- Lạng Sơn- Trung Quốc).

- Tuyến phía Tây: từ Đông Hà đi cửa khẩu Lao Bảo, đường Hồ Chí Minh.

- Phía Nam: từ Đông Hà đi Huế- Đà Nẵng- Nha Trang- Đà Lạt- TP. Hồ Chí Minh.

Các tuyến du lịch đường bộ quốc tế:

- Tuyến Đông Hà- Savannakhet- Khăm Muôn- Viêng Chăn (3-5 ngày).

- Tuyến Đông Hà- Savannakhet- Mukdahan- các tỉnh Đông Bắc Thái Lan- Viêng Chăn (5-7 ngày).

- Tuyến Đông Hà- Savannakhet- Salavan- Pắc Xê- Attapu- Bờ Y.

- Tuyến Đông Hà- Lạng Sơn- Trung Quốc (7-10 ngày).

- Du lịch Hành lang Đông-Tây gắn với du lịch Hành trình con đường đi sản miền Trung- Con đường huyền thoại.

- Tuyến Caravan: các tỉnh Đông Bắc Thái Lan- Trung Lào- Quảng Trị (qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo), đến thành phố Đông Hà đi các tỉnh miền Trung Việt Nam v.v.

4.3. Một số biện pháp chủ yếu thúc đẩy phát triển du lịch

- *Tăng cường xúc tiến đầu tư, công tác quảng bá.* Phối hợp với các Sở, Ban ngành trong tỉnh tổ chức các cuộc hội thảo, tiếp xúc, giới thiệu các tiềm năng du lịch Đông Hà, Quảng Trị. Tăng cường quảng bá hình ảnh phong cảnh thiên nhiên, truyền thống văn hóa, lịch sử vùng đất, con người Đông Hà, Quảng Trị. qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền hình, internet, qua báo chí, phát hành các ấn phẩm, tờ rơi, xây dựng Webside Đông Hà v.v.

- *Xây dựng các chính sách ưu tiên, ưu đãi* thu hút đầu tư, lập cụ thể các dự án du lịch trọng điểm, huy động các nguồn lực đầu xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo ra các khu du lịch trọng điểm, trung tâm vui chơi giải trí chất lượng. Tranh thủ vốn của Tỉnh và Trung ương để đầu tư xây dựng Công viên Trung tâm, cải tạo nâng cấp Công viên Lê Duẩn. Tạo điều kiện thuận lợi để chủ đầu tư tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng cao hiệu quả khai thác Công viên Hùng Vương. Lựa chọn các nhà tư vấn có chuyên môn cao tiến hành lập các đề án quy hoạch chi tiết khu du

lich dịch vụ sinh thái Khe Lấp, cụm dịch vụ giải trí Hồ Khe Mây. Thành phố đầu tư xây dựng các trục đường chính, đường bao, hệ thống cấp điện cấp nước, tạo môi trường thuận lợi để kêu gọi các nhà đầu tư phát triển kinh doanh.

- *Đào tạo nguồn nhân lực.* Có kế hoạch đào tạo đội ngũ quản lý, nhân viên phục vụ du lịch, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp, tác phong phục vụ chu đáo, văn minh, lịch sự nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của du khách và hội nhập quốc tế.

- *Thiết lập hệ thống quản lý nhà nước* đối với các hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố, huy động các ngành tham gia phát triển và phục vụ du lịch; tạo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất trong quản lý, phát triển du lịch, đem lại hiệu quả chung trên địa bàn. Thành lập Ban quản lý các cụm, điểm du lịch và ban hành các quy chế hoạt động.

- *Nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương.* Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người dân hiểu rõ: phát triển du lịch, dịch vụ chính là tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống. Thu hút cộng đồng tham gia bảo vệ, tôn tạo các cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, làm sạch môi trường, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, giữ gìn thuần phong mỹ tục góp phần thúc đẩy phát triển du lịch.

II. NGÀNH CÔNG NGHIỆP-TTCN

1. Quan điểm và mục tiêu phát triển chung.

1.1. Quan điểm phát triển.

- *Đẩy mạnh phát triển công nghiệp- TTCN* theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo động lực cho phát triển các ngành kinh tế trên địa bàn thành phố, đóng góp ngày càng quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách, tạo nhiều việc làm cho người lao động. Tăng cường hợp tác, liên kết với các địa phương trong tỉnh, trong vùng và cả nước; thu hút thêm tiềm lực vốn đầu tư nước ngoài, tạo bước đột phá về nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp và sử dụng công nghệ tiên tiến.

- *Phát huy lợi thế của thành phố về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, lực lượng lao động khoa học kỹ thuật, thị trường, tập trung đầu tư phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng như chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến gỗ- lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng; may mặc, giày da; cơ khí, lắp ráp điện, điện tử v.v.* Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp sạch, công nghệ hiện đại; khôi phục và phát triển các làng nghề thủ công nghiệp truyền thống.

- *Đầu tư chiều sâu, phát huy hiệu quả các Khu công nghiệp Nam Đông Hà, cụm CN Đông Lễ, đường 9D.* Phát triển các cụm, điểm công nghiệp-TTCN

trên địa bàn các phường, tạo hạt nhân kinh tế, thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất. Chú trọng đổi mới công nghệ, trang thiết bị máy móc, sử dụng công nghệ cao, hiện đại; lựa chọn các loại công nghệ sạch, ít gây ô nhiễm môi trường. Nâng cao chất lượng sản phẩm hướng tới đạt tiêu chuẩn, thương hiệu quốc gia, có khả năng cạnh tranh, hướng tới xuất khẩu, tham gia hội nhập khu vực và quốc tế.

- Gắn phát triển công nghiệp với phát triển đô thị, bố trí các điểm dân cư tập trung, phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội v.v.

- Phát triển công nghiệp cần đi đôi với bảo vệ môi trường, giữ vững cân bằng sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững.

Dự kiến một số chỉ tiêu phát triển công nghiệp đến năm 2020

Chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tốc độ tăng (%/năm)		
				2010/2009	2011-2015	2016-2020
1-Tổng GTSX Công nghiệp (Tỉ đồng- Giá SS 1994)	1280	3186	7445	23,0	20,0	18,5
Trong đó: - Công nghiệp	640	1645	3918	18	21,0	19,0
- Xây dựng	645	1542	3527	29,5	19,0	18,0
2. Lao động CN-XD (10 ³ ng.)	8,8	13,0	17,6	4,0	6,4	6,2
- Trong đó: Công nghiệp	5,0	8,1	11,0	5,0	7,0	6,4
% so tổng LĐXH	14,3	19,5	21,0			
3. Lắp đầy khu, cụm CN (%)	-	70	80-90			

1.2. Một số chỉ tiêu phát triển.

Phần đầu tăng giá trị sản xuất công nghiệp -TTCN bình quân thời kỳ 2011-2020 đạt tăng 19-21%.

- Ngành công nghiệp-TTCN thu hút, tạo việc làm cho khoảng 11 nghìn lao động vào năm 2020, chiếm khoảng 20-21% tổng lao động xã hội.

- Đến năm 2015 lắp đầy diện tích khu công nghiệp Nam Đông Hà, cụm công nghiệp Đông Lễ; hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp quốc lộ 9D và tăng cường thu hút các dự án đầu tư. Đến năm 2020, phần đầu lắp đầy trên 80-90% diện tích các khu, cụm công nghiệp khác trên địa bàn.

2. Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu.

Trong giai đoạn 2011-2020, trên địa bàn thành phố Đông Hà tập trung phát triển một số ngành công nghiệp chủ đạo như công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, đồ uống; thứ hai là công nghiệp chế biến kim loại và cơ

khí; tiếp đến là công nghiệp dệt may, da giày và sản xuất vật liệu xây dựng. Chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao như lắp ráp điện, điện tử, công nghiệp sản xuất phần mềm v.v.

1) Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm và đồ uống.

Đây là ngành công nghiệp có ưu thế về sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ trên địa bàn thành phố, từ các khu vực lân cận và các vùng trong tỉnh; có thị trường tiêu thụ: thị trường đô thị tại chỗ, trong tỉnh, thị trường tỉnh ngoài và xuất khẩu. Cần thu hút đầu tư tăng năng lực sản xuất, khuyến khích thành lập các cơ sở công nghiệp chế biến mới và mở rộng quy mô sản xuất các cơ sở hiện có với quy mô hợp lý, hiệu quả. Chú trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, bao bì đẹp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm v.v.

Tập trung phát triển một số ngành chủ yếu:

- Chế biến nông sản: chế biến lương thực, rau đậu thực phẩm, chế biến cà phê cao cấp, dầu thực vật, các sản phẩm từ cao su, chế biến thức ăn gia súc v.v.

- Chế biến thực phẩm: chế biến các sản phẩm đông lạnh, thực phẩm ăn liền, chế biến sẵn từ lương thực, thịt gia súc, gia cầm v.v.

- Sản xuất đồ uống: rượu, bia, nước uống tinh khiết, các loại nước giải khát trái cây.

- Chế biến gỗ, lâm sản: đảm bảo nguyên liệu, ổn định sản xuất và phát huy hiệu quả nhà máy MDF; xây dựng nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu công suất 10.000 m³/năm (nguồn nguyên liệu từ gỗ rừng trồng, ván MDF và gỗ nhập); phát triển các cơ sở sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, mộc tinh chế, gỗ trang trí nội thất, gia dụng. Nâng công suất nhà máy chế biến nhựa thông. Đa dạng hóa các mặt hàng sản xuất từ song, mây, lâm sản khác. Đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại, trang thiết bị tiên tiến tạo sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

2) Công nghiệp chế biến kim loại và cơ khí. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở cán thép đã có hoạt động hiệu quả. Thu hút đầu tư phát triển sản xuất thép chất lượng cao, thép kéo xây dựng. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở cơ khí lắp ráp, sửa chữa động cơ, máy móc, ô tô, phương tiện vận tải bộ, sản xuất phụ tùng, linh kiện thay thế nhằm đáp ứng nhu cầu sửa chữa, dịch vụ vận tải trên địa bàn tỉnh và tuyến Hành lang kinh tế Đông-Tây. Phát triển cơ khí đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy, bộ. Khuyến khích phát triển lắp ráp ô tô, xe tải nhẹ, máy nông nghiệp, máy thủy lợi, cơ giới hóa các khâu sau thu hoạch phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Đầu tư nâng cấp trang thiết bị để nâng công suất các cơ sở sửa chữa ô tô hiện có đạt 150-200 xe/năm. Dự kiến đầu tư xây dựng tại thành phố Đông Hà xưởng đại tu ô tô và dây chuyền lắp ráp xe tải nhẹ với công suất 300-500 xe/năm.

3) *Công nghiệp dệt may, da giày.* Đẩy mạnh phát triển công nghiệp may mặc, sản xuất trang phục may sẵn, gia công may xuất khẩu; sản xuất các đồ dùng bằng da, giày dép da, túi xách bằng da các loại. Phát triển các cơ sở may, thêu ren xuất khẩu. Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 nhà máy may công nghiệp của Công ty Hòa Thọ tại khu công nghiệp Nam Đông Hà. Tiếp tục đầu tư xây dựng 1-2 nhà máy may xuất khẩu với công suất 1-2 triệu sản phẩm/năm.

4) *Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.* Sản xuất một số sản phẩm chính như vật liệu trang trí nội thất, sản xuất phụ gia xi măng, bê tông đúc sẵn, ly tâm, gạch ngói, vật liệu xây, lát v.v. Đầu tư sản xuất tấm lợp lớn: tấm lợp tôn, tôn kim loại màu, tấm lợp không amiăng, tấm lợp xi măng cốt sợi thủy tinh. Cải tiến, ứng dụng các dây chuyền công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, mẫu mã sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh, hướng tới mở rộng thị trường xuất khẩu.

5) *Công nghiệp điện, điện tử, công nghệ thông tin.* Đẩy mạnh phát triển sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện, điện tử, điện lạnh phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn thành phố và các địa phương trong tỉnh. Chú trọng phát triển công nghiệp công nghệ cao, mở rộng hợp tác với các công ty trong nước và nước ngoài đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp các nhà máy chế tạo, lắp ráp phần cứng điện tử, công nghệ thông tin (ti vi, máy tính, điện thoại di động), đáp ứng nhu cầu trong nước và tiến tới xuất khẩu.

Nghiên cứu định hướng phát triển sản xuất, gia công phần mềm. Hình thành Trung tâm thông tin sản xuất, gia công phần mềm của tỉnh (thuộc Sở Bưu chính viễn thông), tiến tới hình thành một số doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố, cung cấp các dịch vụ phần mềm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

6) *Các ngành công nghiệp khác.* Phát triển một số ngành công nghiệp khác như công nghiệp hoá chất, sản xuất đồ nhựa, sản xuất bao bì. Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa cho xây dựng, công suất 1.000 tấn/ năm tại thành phố Đông Hà, nhà máy sản xuất bao bì xi măng PP công suất 20-30 triệu bao/năm tại thành phố Đông Hà. Xây dựng nhà máy quy hàn; cơ sở chế biến dược thảo; sản xuất nước sạch, nước đá, công nghiệp in ấn v.v. phục vụ các ngành sản xuất và nhu cầu tiêu dùng nội địa trong tỉnh.

7) *Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.* Chú trọng khôi phục và phát triển các nghề truyền thống địa phương như sản xuất bún bánh, chế biến thủy sản, rau quả; rèn đúc, đan lát, chế biến gỗ, lâm sản. Tạo nguồn nguyên liệu, thị trường để phát triển các nghề thủ công mới như rang xay, chế biến cà phê, nghề mộc mỹ nghệ, trạm khảm v.v. Du nhập, phát triển các nghề mới vào các khu phố v.v.

3. Phát triển các khu, cụm công nghiệp

Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh qui hoạch phát triển các khu, cụm điểm công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố đến năm 2015-2020. Bố trí để dành quỹ đất phát triển công nghiệp trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài.

Định hướng đến năm 2020, trên địa bàn thành phố có Khu công nghiệp tập trung Nam Đông Hà, cụm công nghiệp Đông Lễ và quy hoạch hình thành một số tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn các phường.

1) Khu công nghiệp tập trung Nam Đông Hà.

Đây là Khu công nghiệp trung tâm do tỉnh quản lý, nằm trên địa bàn phường Đông Lương, có diện tích quy hoạch giai đoạn I là 99 ha. Giai đoạn tới, chủ trương không mở rộng thêm diện tích, ổn định quy mô như hiện nay, tăng cường thu hút đầu tư, phấn đấu lấp đầy diện tích đất công nghiệp trong giai đoạn đến năm 2020.

Định hướng bố trí các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế như: sản xuất vật liệu trang trí nội thất; chế biến gỗ, đồ gỗ cao cấp; luyện cán thép, cơ khí (lắp ráp ô tô, máy móc các loại, sản xuất phụ tùng thay thế v.v.); công nghiệp may xuất khẩu; chế biến nông sản (cà phê cao cấp, dầu thực vật, sản xuất xăm lớp ô tô, các sản phẩm cao su, chế biến thức ăn gia súc); chế biến thực phẩm, đồ uống (thực phẩm ăn liền, đóng hộp, sản xuất bia, nước giải khát); công nghiệp điện tử tin học v.v. Chú trọng thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm môi trường.

2) Các cụm công nghiệp-TTCN

- *Cụm công nghiệp Đông Lễ.* Qui mô diện tích khoảng 10 ha. Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tích cực thu hút đầu tư lấp đầy và khai thác hiệu quả đất công nghiệp. Định hướng thu hút đầu tư phát triển chủ yếu các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm; cơ khí gia công, sửa chữa; sản xuất nhựa bao bì, giấy; may mặc, mộc mỹ nghệ và dân dụng, sản xuất hàng tiêu dùng, tiểu thủ công nghiệp v.v.

Qui hoạch các khu, cụm công nghiệp-TTCN đến năm 2020

STT	Khu, cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
I	Khu CN tập trung tỉnh quản lý			
1	Khu CN tập trung Nam Đông Hà	P. Đ.Lương	99	Không mở rộng
II	Các cụm CN thành phố quản lý			
1	Cụm công nghiệp Đông Lễ	P. Đông Lễ	10	
2	Cụm công nghiệp quốc lộ 9D	P 4 - Đ.Lương	50	QH mở rộng
3	Một số cụm TTCN phường	Các phường		

- *Cụm công nghiệp quốc lộ 9D.* Nằm trên địa bàn phường 4 (giáp huyện Cam Lộ), phía Tây thành phố, phía Bắc đường 9D với diện tích quy hoạch 45 ha. Dự kiến bố trí các ngành công nghiệp cơ khí sửa chữa; chế biến nông, thủy hải sản, chế biến đồ mộc các loại, nhựa gia dụng, chất dẻo tổng hợp, sản xuất vật liệu xây dựng, gia công lắp ráp linh kiện, dịch vụ kho tàng trung chuyển hàng hóa v.v.

- *Cụm tiểu thủ công nghiệp-làng nghề.* Trên cơ sở nhu cầu phát triển tiểu thủ công nghiệp và khả năng quỹ đất trên địa bàn các phường (phường 1, phường 4, phường 5, phường Đông Thanh, v.v.), hình thành một số cụm tiểu thủ công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức sản xuất tập trung và quản lý vấn đề về nước thải, rác thải, vệ sinh môi trường v.v.

* *Xây dựng cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp-TTCN:*

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng để sớm đưa vào khai thác, thu hút đầu tư lấp đầy các khu, cụm công nghiệp. Tập trung đầu tư các hạ tầng thiết yếu đảm bảo phục vụ sản xuất như giải phóng mặt bằng, san ủi nền, xây dựng đường vào khu công nghiệp, đường nội khu, cấp điện, cấp nước v.v., tạo môi trường hạ tầng tốt thu hút các dự án đầu tư.

- Tiếp tục phát triển thêm các điểm CN-làng nghề trên địa bàn các phường theo hình thức cuốn chiếu, tránh đầu tư dàn trải. Căn cứ vào nhu cầu thực tế, nhu cầu đăng ký của các doanh nghiệp, lựa chọn những vị trí thuận lợi tiến hành xây dựng trước một số điểm TTCN-làng nghề. Từng bước thực hiện di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, TTCN phân tán vào địa điểm công nghiệp tập trung, đồng thời thu hút thêm các dự án sản xuất mới.

- Huy động mọi nguồn lực cho xây dựng cơ sở hạ tầng công nghiệp. Ngoài nguồn vốn ngân sách hàng năm cho phát triển hạ tầng công nghiệp, cần tranh thủ vốn hỗ trợ từ các chương trình của trung ương, vốn vay, vốn tài trợ. Đồng thời có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng hạ tầng công nghiệp và cho thuê mặt bằng kinh doanh để hồi vốn.

- *Phát triển, mở rộng ngành nghề khu vực ven đô.*

Khôi phục, duy trì phát triển các ngành nghề truyền thống như sản xuất bún, bánh, chế biến thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ v.v. Khuyến khích du nhập, phát triển các nghề trạm khảm mộc mỹ nghệ v.v. Thông qua các chương trình dự án, nguồn vốn khuyến nông, khuyến công để đẩy mạnh phát triển các cơ sở chế biến, sản xuất tiểu thủ công nghiệp khu vực ven đô. Khuyến khích liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, trường dạy nghề trong và ngoài tỉnh đào tạo nghề và hình thành một số làng nghề trên địa bàn thành phố.

4. Một số biện pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp-TTCN

- *Tăng cường xúc tiến đầu tư.* Phối hợp với các sở, ban ngành trong tỉnh tổ chức các cuộc hội thảo, tiếp xúc với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời thông qua các phương tiện thông tin đại chúng quảng bá, giới thiệu tiềm năng, cơ hội đầu tư, các chính sách ưu đãi đối với các dự án công nghiệp đầu tư vào địa bàn Đông Hà.

- *Thu hút các nguồn vốn.* Lập danh mục các dự án ưu đãi đầu tư, ban hành cơ chế thông thoáng, cởi mở, phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng thiết yếu, cải cách thủ tục hành chính, tuyển dụng lao động v.v. tạo môi trường hạ tầng, điều kiện thuận lợi để hấp dẫn, tạo niềm tin thu hút các nhà đầu tư đầu tư. Xây dựng mối quan hệ với các Bộ, ngành trung ương, các tỉnh/thành phố trong cả nước, nơi có các tập đoàn, doanh nghiệp lớn để thu hút, lôi kéo các dự án công nghiệp vào địa bàn thành phố.

- *Đào tạo nguồn nhân lực.* Đây là biện pháp quan trọng để đẩy mạnh phát triển công nghiệp. Cần tăng cường đào tạo nguồn lao động công nghiệp bằng nhiều hình thức: đào tạo chính qui, tại chỗ, vừa học-vừa làm, đi hợp tác lao động. Kết hợp với các thành phố lớn, các trung tâm khoa học kỹ thuật trong nước và nước ngoài đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư thành lập các trường trung cấp kỹ thuật, trung tâm dạy nghề đào tạo công nhân kỹ thuật đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu, cụm công nghiệp, phát triển ngành nghề trên địa bàn thành phố.

- *Tổ chức quản lý hoạt động của các cụm, điểm CN- TTCN.* Thành lập BQL các cụm công nghiệp của thành phố. Đây là cơ quan đầu mối giúp thành phố trong việc tổ chức thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng, xúc tiến vận động kêu gọi đầu tư và tổ chức quản lý hoạt động tại các cụm điểm CN- TTCN. Bố trí cán bộ theo dõi hoạt động CN-TTCN cho các phường. Trên cơ sở Quy chế ưu đãi đầu tư của tỉnh, thành phố nghiên cứu ban hành các chính sách ưu đãi và tổ chức quản lý hoạt động các cụm điểm CN-TTCN, đảm bảo môi trường thuận lợi và thông thoáng để thu hút phát triển CN-TTCN.

- *Áp dụng, chuyển giao công nghệ mới.* Khuyến khích đẩy mạnh chuyển giao, áp dụng công nghệ mới, du nhập ngành nghề mới. Hỗ trợ thích đáng cho cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng công nghệ mới, công nghệ sạch nhằm Hàng năm thành phố bố trí nguồn ngân sách hình thành quỹ vốn vay (thông qua ngân hàng chính sách xã hội) để hỗ trợ vốn vay cho các cơ sở sản xuất CN-TTCN. Tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn các doanh nghiệp để lựa chọn áp dụng công nghệ mới vào địa bàn. Có chính sách khen thưởng để động viên các doanh nghiệp thực hiện du nhập công nghệ tiên tiến, hiện đại, đầu tư phát triển các sản phẩm mới có hiệu quả. Nâng cao hiệu quả hoạt động và sử dụng vốn khuyến công của tỉnh, thành phố.

III. NGÀNH NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP

1. Phương hướng và mục tiêu phát triển chung

- Phát triển nông nghiệp ven đô theo hướng sản xuất hàng hóa. Từng bước xây dựng nền nông nghiệp sạch, áp dụng công nghệ hiện đại, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất, đảm bảo cung cấp nông sản, thực phẩm, rau xanh cho thành phố Đông Hà và một phần hướng tới xuất khẩu.

- Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng: tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ hợp lý; đa dạng các loại cây trồng, trong đó xác định mũi nhọn là phát triển vùng rau xanh, cây cảnh và lúa; chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp.

- Tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, công nghệ sinh học, công nghệ sạch, sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng trong nông nghiệp, tăng giá trị thu nhập, hiệu quả trên một đơn vị diện tích canh tác, nâng cao đời sống dân cư khu vực nông nghiệp.

- Để tạo bước đột phá trong nông nghiệp cần hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung gắn với công nghiệp chế biến, tạo sản phẩm hàng hóa chất lượng cao. Xây dựng các vùng sản xuất theo hướng tiêu chuẩn VietGAP. Gắn sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với các cơ sở thu mua, tiêu thụ, chế biến nông sản, ổn định thị trường.

- Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng bền vững, gắn với bảo vệ tài nguyên đất, nguồn nước, môi trường, sinh thái du lịch.

- Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp phải gắn với phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu để định hướng phát triển sản xuất.

Phần đầu đạt một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Do đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp nên khả năng mở rộng quy mô sản xuất khó khăn, chủ yếu đi sâu và đầu tư thâm canh. Do đó phần đầu duy trì tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, ngư nghiệp đạt 3,0-3,5%/năm trong giai đoạn 2011-2020.

- Nâng tỷ trọng ngành thủy sản chiếm 28-30% trong cơ cấu các ngành nông, lâm, ngư nghiệp; giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp xuống còn 65-67% vào năm 2020; ổn định tỷ trọng ngành lâm nghiệp chiếm khoảng 3,0-3,2%.

Định hướng quy hoạch một số vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp:

Trên cơ sở đặc điểm thổ nhưỡng, điều kiện tự nhiên và kinh nghiệm sản xuất, hình thành một số vùng chuyên canh chính:

1) *Vùng chuyên canh sản xuất lúa*, tập trung trên địa bàn các phường Đông Lương, Đông Lễ, Đông Giang, Đông Thanh. Trước mắt ổn định khoảng 1.000-1.100 ha, trong đó sản xuất tập trung lúa thương phẩm chất lượng cao khoảng 900 ha, vùng sản xuất lúa giống 100 ha. Giai đoạn sau giảm dần diện tích còn khoảng 700 ha do nhu cầu chuyển đổi đất cho phát triển đô thị (xây dựng khu đô thị Bắc Sông Hiếu, đường tránh Đông thành phố...). Kết hợp phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản v.v.

2) *Vùng chuyên canh sản xuất cây thực phẩm (rau đậu, hoa-cây cảnh)*. Diện tích khoảng 180-200 ha tập trung ở phường 2, phường 3, phường Đông Thanh, Đông Lễ. Phát triển kết hợp mô hình tập trung và mô hình nhà-vườn.

3) *Vùng chuyên canh nuôi trồng thủy sản*. Tập trung chủ yếu ở các phường Đông Giang, phường 2, Đông Lương, Đông Lễ với diện tích 150-170 ha. Con nuôi chủ yếu cá các loại, cua, tôm sú, tôm càng xanh, ếch theo mô hình trang trại tập trung, nuôi bán công nghiệp và công nghiệp

2. Nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp chủ yếu dựa trên định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ, thâm canh theo chiều sâu, sử dụng giống mới cho năng suất, chất lượng cao, áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, công nghệ cao, tăng hiệu quả sản xuất trên 1 đơn vị diện tích.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng nông nghiệp đạt 2,8% thời kỳ 2011-2015, đạt 2,5% thời kỳ 2016-2020.

- Tăng dần tỷ trọng chăn nuôi chiếm 32,2% năm 2015 và tăng lên 40% vào năm 2020; tỷ trọng trồng trọt giảm dần còn 56% vào năm 2020.

a) Trồng trọt.

- *Sản xuất lương thực*. Duy trì diện tích canh tác lúa từ 950-1.000 ha. Tập trung phát triển theo hướng thâm canh, cao sản, sử dụng giống mới cho năng suất, chất lượng cao, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến để tăng năng suất, đạt sản lượng lúa khoảng 9.000-10.000 tấn, góp phần ổn định đời sống dân cư nông nghiệp ven đô. Xây dựng vùng chuyên canh lúa chất lượng cao ở Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lương, Đông Lễ với quy mô khoảng 900-1000 ha, vùng lúa giống khoảng 100 ha. Chuyển đổi một số chân ruộng lúa hiệu quả thấp sang nuôi trồng thủy sản và phát triển chăn nuôi.

- *Sản xuất rau đậu thực phẩm*. Đầu tư theo hướng thâm canh, sản xuất hàng hóa, xây dựng mô hình sản xuất áp dụng công nghệ-kỹ thuật cao. Mở rộng diện tích gieo trồng cây thực phẩm, rau đậu, hoa, cây cảnh khoảng 300-500 ha, trong đó vùng chuyên canh rau, hoa 170-180 ha và tăng lên 250-300 ha vào năm 2020. Chú trọng trồng các loại rau đậu thực phẩm cao cấp (su hào, bắp, đậu thực

phẩm, cà chua v.v.), sản xuất rau sạch, rau an toàn, trồng hoa, cây cảnh có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu của dân cư trên địa bàn, các đô thị lân cận (TX. Quảng Trị, Khu KTTMĐB Lao Bảo v.v.) và hướng tới xuất khẩu sang thị trường Lào, Thái và các nước khác.

Dự kiến diện tích gieo trồng một số cây nông nghiệp chủ yếu

Đơn vị: Ha

Các loại cây trồng	2010	2015	2020
* Tổng diện tích các loại cây trồng	2702	2620	2650
I. Diện tích gieo trồng cây hàng năm	2.667	2560	2570
1. Cây lương thực có hạt	2183	2000	1900
- <i>Lúa cả năm</i>	<i>2165</i>	<i>1900</i>	<i>1800</i>
2. Cây chất bột (khoai, sắn...)	69	50	50
3. Cây thực phẩm, hoa, cây cảnh	380	400	500
- <i>Rau các loại</i>	<i>282</i>	<i>320</i>	<i>400</i>
- <i>Đậu thực phẩm</i>	<i>42</i>	<i>80</i>	<i>100</i>
- <i>Hoa, cây cảnh, ớt v.v)</i>	<i>56</i>	<i>70</i>	<i>80</i>
4. Cây CN ngắn ngày	35	40	40
II. Cây lâu năm	35	60	80
- Cây công nghiệp lâu năm	1	20	30
- Cây ăn quả	34	40	50

Triển khai đề án xây dựng vùng sản xuất, chế biến và tiêu thụ rau an toàn. Hình thành vùng sản xuất chuyên canh rau sạch, rau an toàn tập trung ở các phường 2, phường 3, phường Đông Giang, Đông Thanh, Đông Lễ với diện tích khoảng 20 ha. Tiếp tục nhân rộng mô hình sản xuất rau an toàn lên quy mô khoảng 50-80 ha trong thời kỳ tiếp theo. Tăng cường sử dụng giống mới, kết hợp mô hình sản xuất tập trung công nghệ-kỹ thuật cao với trồng ở vườn nhà, phân đấu tăng vụ, quay vòng đất (3-4 vụ/năm), tăng năng suất rau đạt 145-150 tấn/ha. Đưa nghề sản xuất rau an toàn thực sự trở thành nghề sản xuất hàng hóa. Từng bước xây dựng thương hiệu rau giống, rau an toàn cho từng loại rau, từng địa bàn sản xuất.

- *Trồng cây lâu năm và phát triển kinh tế vườn.* Khuyến khích cải tạo vườn tạp thành vườn kinh tế, trồng cây ăn quả truyền thống và cây có giá trị kinh tế (cam, bưởi, na v.v.) Quy hoạch vùng đồi phía Tây phát triển kinh tế trang trại, xây dựng mô hình nhà-vườn, trồng hoa, cây cảnh; hình thành mô hình vườn du lịch sinh thái, làng sinh thái ở Tân Vĩnh, Khe Lập, các phường Đông Thanh,

Đông Giang, Đông Lương, kết hợp với khai thác du lịch sông Hiếu và sông Vĩnh Phước v.v.

b) Chăn nuôi

Phát triển chăn nuôi theo hướng thâm canh, sản xuất hàng hoá, tạo thực phẩm sạch, chất lượng cao. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, nhất là cải tạo chất lượng đàn gia súc, gia cầm, lai giống, sử dụng giống mới, du nhập các vật nuôi có giá trị cao. Khuyến khích đầu tư phát triển chăn nuôi theo hình thức nuôi công nghiệp, bán công nghiệp, hình thành các trang trại chăn nuôi vùng ven đô. Chú trọng công tác thú y, phòng chống dịch bệnh, tạo ra vùng sản xuất thực phẩm sạch, an toàn v.v.

Mục tiêu phát triển. Duy trì phát triển chăn nuôi đạt tốc độ tăng khoảng 4,0-4,2% thời kỳ 2011-2020. Nâng cao tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu nông nghiệp, chiếm 40% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp. Phân đầu tăng sản lượng thịt các loại đạt 2.380-2.500 tấn vào năm 2020, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thành phố và hướng tới có sản phẩm xuất khẩu (lợn sữa, sản phẩm chăn nuôi chế biến v.v.)

- *Đàn trâu.* Định hướng chung là giảm dần tốc độ phát triển đẩy mạnh phát triển tổng đàn, chỉ duy trì khoảng 900-1000 con, đáp ứng thị hiếu tiêu dùng truyền thống của dân cư.

Dự kiến một số chỉ tiêu phát triển chăn nuôi đến năm 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2015	2020	Tốc độ tăng (%)	
					2011-2015	2016-2020
I. GTSX chăn nuôi	Ti đ	10	12	15	4,2	4,0
- % so GTSX NN	%	27,1	32,2	40,0		
II- Đàn gia súc, gia cầm						
1. Đàn trâu	con	889	850	850	Giảm	Giảm
2. Đàn bò	10 ³ Con	1.077	1600	2000	4,2	4,5
- Tỷ lệ bò lai	%	50	70	85	-	-
3- Đàn lợn	10 ³ Con	9.662	13,5	16,0	4,0	3,5
- Tỷ lệ lợn ngoại	%	85	100	100	-	-
4. Đàn dê	con	450	550	700	4,2	5,0
3- Đàn gia cầm	10 ³ con	45,4	60,0	75,0	5,5	4,5
III- SL thịt hơi các loại	Tấn	973	1265	1540	4,2	4,0

- *Đàn bò.* Đẩy mạnh phát triển đàn bò theo hướng sản xuất hàng hóa, cải

tạo chất lượng đàn, tăng đàn bò lai. Dự kiến phát triển đàn bò tăng khoảng 4,2-4,5%/năm. Khuyến khích phát triển chăn nuôi bò theo trang trại, nuôi công nghiệp tập trung, sử dụng các dây chuyền kỹ thuật tiên tiến, kết hợp với chăn nuôi theo hộ gia đình. Tận dụng vườn nhà, vườn đồi, trồng cỏ chất lượng cao theo hướng thâm canh, đảm bảo nhu cầu thức ăn xanh. Chú trọng khâu lai tạo, sinh hóa đàn bò, cung cấp đủ giống cho nhu cầu phát triển chăn nuôi và nâng cao chất lượng sản phẩm thịt. Phát triển nuôi bò chủ yếu tập trung ở những khu vực phía Tây thành phố, các phường Đông Lương, phường 3.

- *Đàn lợn*. Phát triển theo hướng thâm canh, chăn nuôi tập trung tạo sản phẩm hàng hóa lớn. Kết hợp phát triển tăng quy mô số lượng và cải tiến chất lượng đàn theo hướng siêu nạc. Dự kiến phát triển đàn lợn tăng khoảng 3,5-3,8%/năm, chủ yếu tập trung nâng cao chất lượng đàn, sản phẩm thịt và lợn sữa. Hình thành các trang trại chăn nuôi tập trung có quy mô lớn, phát triển mạnh ở vùng ven đô. Coi trọng công tác thú y, phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các loại dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm v.v.

- *Đàn gia cầm*. Đây là loại vật nuôi có nhu cầu tiêu thụ cao, có tiềm năng phát triển nhưng luôn tiềm ẩn nguy cơ dịch bệnh. Duy trì tốc độ tăng tổng đàn khoảng 4,5-5,0%/năm, có thể phát triển nhanh hơn khoảng 8-10% nếu có thể chủ động phòng chống dịch bệnh. Chú trọng các loại gia cầm đặc sản địa phương, du nhập các loại có giá trị kinh tế cao, tăng thu nhập cho người chăn nuôi, đáp ứng thị hiếu tiêu dùng xã hội. Phát triển theo mô hình trang trại tập trung, giảm chăn nuôi nhỏ lẻ.

3. Lâm nghiệp.

Định hướng phát triển chung là bảo vệ, khai thác hợp lý vốn rừng hiện có kết hợp trồng rừng tăng độ che phủ và mật độ cây xanh đô thị. Chuyển đổi một số đất rừng sản xuất sang trồng cây cao su. Quy hoạch vùng đồi phía Tây thành phố để phát triển trồng rừng sản xuất kết hợp trồng rừng tạo cảnh quan gắn với phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái. Đẩy mạnh trồng rừng, cây xanh công viên khu vực các cụm du lịch sinh thái hồ nước như Công viên hồ Trung Chi, Khe Mây, Khe Lấp, hồ Km6 v.v. Tích cực trồng cây bóng mát, tăng mật độ cây xanh đường phố, cải thiện môi trường đô thị. Phấn đấu hàng năm trồng mới thêm 80-100 ha rừng tập trung và 60-70 nghìn cây phân tán, cây bóng mát các loại, chăm sóc 300-350 ha rừng. Chú trọng trồng các loại cây bản địa (sến, lát, thông) kết hợp với trồng các loại cây bóng mát, cây ăn quả v.v. tăng hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp. Thực hiện xã hội hoá phát triển lâm nghiệp. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư trồng rừng, hình thành một số trang trại vườn rừng, chăn nuôi- rừng. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng, đảm bảo đất rừng thực sự có chủ để bảo vệ, quản lý khai thác hiệu quả hơn.

4. Thủy sản

- Tiếp tục thực hiện tốt các dự án quy hoạch của ngành thủy sản, chuyển một số diện tích đất sản xuất lúa năng suất thấp để mở rộng diện tích nuôi thủy sản nước ngọt. Huy động các nguồn lực và vận động nhân dân đầu tư thâm canh nuôi các loại thủy sản nước ngọt: cá các loại, cua, tôm sú, tôm càng xanh, ếch trên địa bàn các vùng được quy hoạch như Đông Giang, phường 2, Đông Lương, Đông Lễ. Tiếp tục cải tạo các hồ, hói, chuyển đổi đất, mở rộng diện tích trồng thủy sản đến năm 2015 đạt 130-150 ha, năm 2020 đạt 200-250 ha.

- Khuyến khích phát triển mô hình trang trại, các HTX, tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản. Hình thành vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, tạo khối lượng hàng hoá lớn. Huy động các nguồn vốn xây dựng hệ thống ao hồ, giao thông nội đồng, thủy lợi phục vụ nuôi trồng thâm canh thủy sản, bảo vệ môi trường sinh thái. Tăng cường tập huấn và chuyển giao các tiến bộ công nghệ, kỹ thuật nuôi, các mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả. Từng bước chủ động việc giải quyết đầu ra ổn định cho các sản phẩm nuôi trồng thủy sản.

5. Một số biện pháp, chính sách phát triển nông, lâm, ngư nghiệp

Để đẩy mạnh phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, từng bước hình thành một nền nông nghiệp ven đô hiện đại, đạt trình độ thâm canh cao, hiệu quả, cần thực hiện một số biện pháp, chính sách khuyến khích phát triển, cụ thể như:

- *Chính sách về vốn.* Tạo môi trường pháp lý thuận lợi để người dân có điều kiện vay vốn từ các nguồn Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển, Ngân hàng chính sách xã hội, vốn 120 v.v. để đầu tư phát triển sản xuất. Có chính sách hỗ trợ kinh phí chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, bù lãi suất hoặc cho vay ưu đãi trong những năm đầu để thực hiện các mô hình sản xuất mới. Bố trí vốn khuyến nông, vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như thủy lợi, đường điện, giao thông nội đồng, cải tạo đồng ruộng theo hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

- *Chính sách về đất đai.* Có chính sách ưu tiên các dự án phát triển trang trại có tính khả thi cao được thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất. Quy hoạch các vùng chuyên canh sản xuất tập trung, thực hiện công tác dồn điền đổi thửa. Miễn thuế sử dụng đất những năm đầu đối với những vùng đất đồi, đất khai hoang phục vụ phát triển nông nghiệp theo trang trại, sản xuất quy mô lớn.

- *Biện pháp khoa học-công nghệ.* Tăng cường áp dụng công nghệ-kỹ thuật tiến bộ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, phòng chống dịch bệnh; sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới cho năng suất, chất lượng cao. Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, tạo an toàn thực phẩm và bền vững về môi trường. Làm tốt công tác khuyến nông, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả v.v.

- *Đào tạo nguồn nhân lực.* Từng bước xây dựng đội ngũ lao động nông

nghiệp chất lượng cao, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật. Chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp. Ngoài chế độ đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ HTX theo qui định của Nhà nước, thành phố giành một phần kinh phí để hỗ trợ đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật cho các phường, chủ trang trại, chủ cơ sở sản xuất với các hình thức phù hợp. Có chính sách thu hút cán bộ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật viên nông nghiệp về công tác tại cơ sở.

- *Tăng cường xây dựng hạ tầng nông thôn*: giao thông, điện, thủy lợi, hệ thống các trạm trại giống cây trồng vật nuôi, trạm bảo vệ thực vật, thú y, cơ khí, kỹ thuật nông nghiệp, phát triển các cơ sở dịch vụ v.v. tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- *Phát triển kinh tế tập thể*. Đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp. Tăng cường vận động, hướng dẫn thành lập HTX kiểu mới về nuôi trồng thủy sản, sản xuất rau, trồng hoa, cây cảnh, chế biến thực phẩm, hoạt động tài chính tín dụng, kinh doanh dịch vụ tổng hợp v.v.

IV. KẾT CẤU HẠ TẦNG

Trước mắt tập trung các nguồn lực ưu tiên đầu tư chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng đô thị thành phố Đông Hà tương xứng với đô thị loại 3. Giai đoạn tiếp theo, tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới theo hướng hiện đại hóa hệ thống giao thông, mạng lưới điện, cấp-thoát nước, công trình đô thị, vệ sinh môi trường; quy hoạch xây dựng các công viên, khu vui chơi giải trí v.v. hướng tới tiêu chí nâng cấp thành phố Đông Hà lên đô thị loại 2 trước năm 2020, đáp ứng yêu cầu phát triển mới của thành phố và hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới.

4.1. Xây dựng các khu đô thị và nhà ở dân cư

- *Chỉnh trang, cải tạo các khu đô thị cũ*. Mở rộng, nâng cấp và thông tuyến một số đường giao thông trong khu vực dân cư, giải quyết về cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường. Kết hợp vừa cải tạo, vừa xây mới lại một số khu dân cư cũ thấp tầng, mật độ nhà thưa, tổ chức thành các khu dân cư tập trung được quy hoạch theo khuôn viên, xây dựng các công trình công cộng như nhà trẻ, mẫu giáo, khu thể dục thể thao, các thiết chế văn hoá khu phố, các cơ sở thương mại, dịch vụ. Khai thác một số quỹ đất trống để làm vườn hoa, trồng cây xanh, tạo không gian mở, làm đẹp cảnh quan đô thị. Định hướng cải tạo và xây mới hình thành một số khu dân cư trên địa bàn các phường hiện nay.

- *Xây dựng các khu đô thị mới*. Quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới tại các địa điểm có không gian mặt bằng rộng, gần các trục giao thông quan trọng, tạo điểm nhấn cho quá trình phát triển đô thị, mở rộng không gian nội thị. Tập trung đầu tư xây dựng các khu đô thị mới theo quy hoạch, thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật của một đô thị hiện đại, có đầy đủ hệ thống dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, xã hội đa dạng, tiện nghi: các siêu thị, trung tâm dịch vụ tổng hợp,

vườn hoa, cây xanh, các công trình văn hoá-thể thao, phúc lợi công cộng v.v. Các trục đường trong khu đô thị được quy hoạch đảm bảo lưu thông thuận tiện. Xây dựng các tòa nhà chung cư có hình thức kiến trúc cao tầng, hiện đại, tiện nghi; kết hợp bố trí nhà ở chia lô và biệt thự-vườn đáp ứng nhu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.

Dự kiến đến năm 2020, trên địa bàn thành phố Đông Hà sẽ xây dựng một số khu đô thị mới gồm:

- Khu đô thị Bắc Sông Hiếu: 128 ha
- Khu đô thị phía Đông đường Trần Bình Trọng, phường 5: 40 ha
- Khu đô thị Bắc Quốc lộ 9 - Khoá Bảo: 20 ha
- Khu đô thị Phường 5 - Đông Lễ: 43 ha
- Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3,4: 1.028,5 ha
- Khu đô thị đường Trần Nguyên Hãn - Đông Giang
- Khu đô thị Đông Khe Mây v.v..

Ngoài ra, trên địa bàn thành phố xây dựng một số khu dân cư mới như: khu dân cư mới Tây Trì, khu dân cư dọc đường Thanh Niên, khu dân cư ruộng Mụ Trung, khu chung cư cao tầng dọc đường Lý Thường Kiệt và đường Nguyễn Trãi kéo dài v.v.

- *Xây dựng nhà ở cho người lao động.* Bên cạnh quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới tiện nghi, đáp ứng nhu cầu của người có thu nhập cao, cho các chuyên gia trong và ngoài nước sống, làm việc tại Đông Hà, cần chú trọng cải tạo, xây dựng mới các khu chung cư, đáp ứng nhu cầu nhà ở cho cán bộ, công nhân, sinh viên, người có thu nhập trung bình và thấp. Xây dựng các khu tái định cư phục vụ các hộ phải di dời, định cư đến nơi ở mới. Từng bước nâng cao chất lượng nhà ở, xây dựng các công trình dịch vụ, văn hóa, xã hội thiết yếu, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động trong các thời kỳ tiếp sau.

4.2. Mạng lưới giao thông.

- Quy hoạch hợp lý mạng lưới giao thông trên địa bàn thành phố đảm bảo lưu thông liên hoàn, đi lại thuận lợi, an toàn giao thông. Ưu tiên đầu tư xây dựng các tuyến đường quan trọng có ý nghĩa đối với quy hoạch đô thị, khai thác quỹ đất phát triển thương mại, dịch vụ, các cơ sở sản xuất, bố trí các cơ quan công sở và điều chỉnh phân bố lại dân cư.

- Phát triển mở rộng hệ thống giao thông theo hướng “mở”, kéo dài các tuyến trục chính đến các vùng lân cận, gắn kết khu vực nội thị và ven đô; tạo không gian rộng mở, tầm nhìn dài hạn cho sự phát triển của một thành phố trong tương lai. Quy hoạch bố trí dành đủ đất cho phát triển mở rộng các tuyến quốc lộ, các trục phố chính, bến cảng, các bến xe liên tỉnh, bãi đỗ, mạng lưới các trạm xe buýt nội thị v.v.

- Hoàn thiện hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại hoá, chú trọng các đầu mối giao thông, các tuyến giao thông đối ngoại, các công trình có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển đô thị. Đến năm 2015 nhựa hóa toàn bộ các tuyến đường nội thị, đường cứu nạn phía Đông và phía Nam thành phố.

4.2.1. Đường bộ.

a) *Giao thông đối ngoại.* Bao gồm các tuyến quốc lộ và đường tỉnh chạy qua địa bàn thành phố. Trong tương lai thành phố Đông Hà sẽ là đầu mối giao thông lớn của khu vực miền Trung. Cần phối hợp với Trung ương và tỉnh đầu tư nâng cấp các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đảm bảo liên thông thuận lợi giữa thành phố với các huyện, thị trong toàn tỉnh. Ưu tiên phát triển các tuyến vành đai, các cửa ngõ ra-vào thành phố.

Năm 2011 đến 2015: Nâng cấp, mở rộng đường 9D theo tiêu chuẩn đường đô thị, xây dựng nút giao thông khác mức giữa đường 9D với đường sắt và quốc lộ 1A.

- Xây dựng hệ thống đường gom, cầu chui, cầu qua sông Hiếu, tạo điều kiện cho Đông Hà chuyển đổi cơ cấu, phát triển kinh tế vùng phía Đông thành phố và giảm tải cho quốc lộ 1A đoạn qua nội thành.

- Nâng cấp mở rộng quốc lộ 1A đoạn Đông Hà- Ái Tử- thị xã Quảng Trị;

- Xây dựng kéo dài đường Hùng Vương và xây dựng cầu qua sông Vĩnh Phước nối Đông Hà - thị trấn Ái Tử - thị xã Quảng Trị.

- Triển khai xây dựng đường Lê Thánh Tông kéo dài và xây dựng cầu qua sông Hiếu nối vào quốc lộ 9 tránh phía Bắc.

Giai đoạn 2016-2020:

- Đề xuất chuyển đoạn quốc lộ 9 qua thành phố thành đường đô thị.

- Xây dựng đoạn đường QL1 tránh thành phố Đông Hà về phía Đông (dài 14,2 km)

b) *Giao thông đô thị.* Phát triển một cách hợp lý, từng bước hoàn chỉnh, đồng bộ, hiện đại hóa đảm bảo lưu thông, đi lại thuận tiện, đảm bảo mỹ quan đường phố. Phần đầu đến năm 2015 kiên cố hóa 90- 95% tổng chiều dài đường giao thông. Tiếp tục xây dựng nâng cấp đường đô thị theo tiêu chuẩn giao thông đô thị loại II và quy hoạch cho tương lai.

Mạng lưới nội thị quy hoạch xây dựng theo hình nan quạt, các tuyến trục chính được kết nối với nhau theo các đường vòng cung. Hệ thống nan quạt chính dựa vào 3 tuyến chính là quốc lộ 1A, đường Hùng Vương và đường Trần Hưng Đạo. Hệ thống đường vòng cung bao gồm 5 tuyến chính là đường quốc lộ 9 hiện nay, đường Lê Thánh Tông nối dài từ ga Đông Hà đến hồ Khe Mây, đường Lý Thường Kiệt (9C), đường 9D và đường Trần Bình Trọng. Giữa các đường vòng

cung và nan quạt chính xây dựng mạng lưới các đường nội đô kết nối các ô phố, tạo sự lưu thông liên hoàn, thuận tiện.

Phân đầu đến năm 2015, ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống đường nội thị thành phố Đông Hà; đầu tư hoàn thành các công trình quan trọng tạo diện mạo đô thị như hai bờ sông Hiếu, đường Trần Nguyễn Hãn, đường Hoàng Diệu, đường Bà Triệu, đường Trần Bình Trọng, đường Lê Lợi nối dài, cầu qua sông Hiếu v.v. Nâng cấp nhựa hóa toàn bộ các tuyến đường nội thị, đường cứu nạn phía Đông và phía Nam thành phố. Gắn đầu tư xây dựng giao thông với hoàn thiện hệ thống cấp, thoát nước, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng v.v.

- Xây dựng một số nút giao thông quan trọng làm thay đổi bộ mặt không gian đô thị như nút giao thông đường tránh phía Nam thành phố- QL9 với QL 1A; nút giao thông QL 1A- đường Trần Nguyễn Hãn, QL1- Lý Thường Kiệt, QL9- Trần Hưng Đạo và các đảo tròn làm nhiệm vụ phân luồng.

Giai đoạn 2016-2020: Tiếp tục hoàn chỉnh và mở rộng, nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị thành phố Đông Hà theo tiêu chuẩn đô thị loại 2.

- Xây dựng hoàn chỉnh các tuyến đường dọc 2 bờ sông Hiếu.

- Xây dựng nối dài các tuyến trục nội thị (Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, Lê Lợi v.v) kết nối với vùng ven đô; xây dựng mới một số tuyến đường đến các địa bàn trọng điểm như các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, khu du lịch, vùng nông nghiệp; quy hoạch các tuyến mở rộng phát triển đô thị.

- Nâng cấp và xây dựng thêm các tuyến đường liên phường, khối phố đạt tiêu chuẩn đường giao thông đô thị. Tổ chức tốt các nút giao thông quan trọng, các cửa ngõ vào-ra, tránh ùn tắc, đảm bảo an toàn giao thông.

Một số biện pháp thực hiện:

- Đối với các tuyến đường, công trình Trung ương và Tỉnh quản lý: Cần tranh thủ các nguồn vốn TW, vốn của các Bộ ngành, các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư nâng cấp, xây dựng các tuyến đường quan trọng như quốc lộ 1A, QL 9, đường tránh thành phố, đường cao tốc Bắc-Nam v.v. Phối hợp cùng với các Bộ ngành Trung ương, Sở Ban ngành trong tỉnh và Ban quản lý dự án thực hiện tốt công tác quy hoạch, đền bù giải phóng mặt bằng, công tác tái định cư, tạo điều kiện thực hiện dự án đúng tiến độ.

- Đối với các tuyến đường thuộc thành phố quản lý: Đẩy mạnh xã hội hóa phát triển giao thông, huy động nhiều nguồn lực để tập trung đầu tư hoàn thành cơ bản việc láng nhựa, bê tông nhựa, bê tông xi măng v.v. các tuyến đã có nền mặt đường. Phân đầu mỗi năm phân đầu nhựa hoá, cứng hóa 10- 15 km đường.

- Đối với các tuyến đường phường quản lý: thực hiện kết hợp Nhà nước và nhân dân cùng làm với các hình thức phù hợp (Nhà nước 50%, nhân dân

50%...) tiếp tục đẩy mạnh chương trình kiên cố hoá giao thông đô thị. Phần đầu đến năm đến cuối năm 2010, cơ bản hoàn thành nhựa hoá và bê tông hoá các trục đường khu phố, đường trong nội khu dân cư đang hiện có và tiếp tục mở rộng đến các tuyến đường đã được quy hoạch trong những năm tiếp theo.

c) *Tổ chức giao thông công cộng.* Trong tương lai Đông Hà sẽ phát triển và mở rộng khu vực nội thị, nhu cầu lưu thông đi lại tăng lên, do đó cần chú trọng phát triển giao thông công cộng. Tổ chức mạng lưới xe buýt công cộng nội thị theo các tuyến vòng cung và nan quạt chính, đến các vùng ven đô và các huyện lân cận tạo điều kiện lưu thông, đi lại thuận tiện, dễ dàng.

Quy hoạch xây dựng các điểm đỗ xe, đón khách trên địa bàn (ưu tiên trước mắt cho vùng nội thị); các bãi đỗ xe, trú đậu cho các phương tiện vận tải. Khuyến khích tạo điều kiện cho các tư nhân có diện tích đất rộng đầu tư xây dựng các bến bãi trú đậu để phát triển kinh doanh.

d) *Xây dựng cầu cống.* Giai đoạn 2011-2015, hoàn thành xây dựng cầu Vĩnh Phước qua sông Vĩnh Phước, cầu sông Hiếu nối với đường Lê Thánh Tông cầu Đại Lộc qua sông Thạch Hãn, tạo sự kết nối liên hoàn giữa thành phố Đông Hà với các địa bàn lân cận. Nâng cấp một số cầu cống trên địa bàn đã xuống cấp.

Giai đoạn 2016-2020, dự kiến xây thêm 2 cầu mới bắc qua sông Hiếu: cầu Khóa Bảo, tạo sự lưu thông thuận lợi giữa đôi bờ sông Hiếu, kết nối giữa khu đô thị hiện tại với các khu đô thị mới Bắc sông Hiếu. Về lâu dài xây thêm cầu Cam Hiếu (theo đường Lý Thường Kiệt kéo dài) (phương 4) phục vụ cho cả Đông Hà và huyện Cam Lộ.

e) *Hệ thống bến xe, bãi đỗ xe.* Xây dựng mới 01 bến xe phía Bắc tại khu vực gần Ngã Tư Sòng (đạt loại 1), giải quyết tình trạng ách tắc giao thông do tập trung quá đông xe và hành khách trong khu vực nội thị. Ngoài ra cần xây dựng thêm bến xe mới phía Tây Nam thành phố với diện tích khoảng 2 ha (đạt loại 1), đáp ứng nhu cầu mở rộng lưu thông với các huyện gò đồi, miền núi phía Tây của tỉnh. Giai đoạn đầu xây dựng bến xe qui mô loại III, kết hợp hành khách-hàng hóa, giai đoạn sau tách bến hàng hóa, nâng cấp lên loại II và loại I phù hợp với lộ trình phát triển.

- Quy hoạch, đầu tư bến xe tải tại đường 9D để thu hút và đáp ứng nhu cầu phương tiện vận tải sẽ gia tăng trên hai tuyến Bắc-Nam và Đông-Tây. Quy hoạch điểm đỗ xe khách trên các trục giao thông đối ngoại, bãi đỗ taxi, bãi đỗ xe tỉnh với quy mô diện tích khoảng 0,2-0,5 ha phục vụ dân sinh tại các trung tâm thương mại, khu công viên văn hóa tập trung, các công sở, trường học, bệnh viện, nhà ga, khu vực chợ v.v. và bãi đỗ xe vận tải trên các trục đối ngoại (đường 9D, đường tránh phía Bắc, đường tránh Đông, v.v.). Tiến tới quy hoạch

mạng lưới xe buýt công cộng trên địa bàn nội thị thành phố và đến các vùng lân cận.

4.2.2. Đường sắt.

Nâng cấp, cải tạo tuyến đường sắt Bắc-Nam chạy qua thành phố theo Dự án phát triển giao thông đường sắt chung quốc gia. Tổ chức các đường gom, tạo hàng rào chắn, cải tạo hệ thống báo hiệu đường sắt v.v. đảm bảo khoáng hành lang an toàn theo đúng quy định. Nâng cấp ga Đông Hà theo hướng hiện đại, đạt tiêu chuẩn ga cấp 2, trở thành ga đầu mối nối với các nước trong Khu vực.

4.2.3. Đường thủy.

- Nâng cấp, nạo vét luồng lạch tuyến đường sông Đông Hà- Cửa Việt. Nâng cấp cải tạo cảng sông Đông Hà đảm bảo cho tàu có trọng tải 200-350 tấn ra-vào thuận lợi. Xây dựng bến cập tàu liền bờ dài khoảng 86 m, hệ thống kho bãi chứa hàng diện tích 4.300 m², nâng công suất cảng, đảm bảo hàng hoá thông qua cảng khoảng 50.000 tấn/năm.

- Xây dựng bến canô khách Đông Hà tại bến thuyền hiện nay theo hướng hiện đại có cầu bến, phòng đợi đầy đủ tiện nghi, kang trang, sạch, đẹp. Khai thác bến đỗ dọc từ cảng cá Cửa Việt lên chợ Đông Hà.

4.2.4. *Phát triển cơ khí giao thông vận tải.* Cùng cố các cơ sở sửa chữa ô tô hiện có, đầu tư nâng cấp trang thiết bị để nâng công suất các cơ sở sửa chữa hiện có đạt 150-200 xe/năm. Dự kiến đầu tư xây dựng tại thành phố Đông Hà xưởng đại tu ô tô và dây chuyền lắp ráp xe tải nhẹ với công suất 300-500 xe/năm.

4.3. Cấp điện

a) *Nguồn điện.* Điện cung cấp cho thành phố Đông Hà được cấp từ mạng lưới quốc gia qua trạm biến áp 110 KV Đông Hà (E4)), trạm có công suất 2x25 MVA, cấp điện áp 110 KV/35/22KV. Hiện tại, trạm biến áp 110KV Đông Hà nhận điện từ thanh cái 110KV trạm biến áp 220/110 KV Đồng Hới và thanh cái 110 KV trạm biến áp 220/110 KV Ngự Bình (Huế) qua đường dây mạch kép Đông Hà-Đồng Hới, Đông Hà-Huế. Sắp tới (dự kiến cuối năm 2011) TBA 220 KV Đông Hà có công suất 1x125 MVA với cấp điện áp 220/110 KV đi vào vận hành để đảm bảo khả năng cung cấp điện cho nhu cầu phát triển của thành phố trong tương lai.

b) Lưới điện

- Lưới trung áp 22 KV: Kết cấu lưới 22 KV theo mạng kín nhưng vận hành hở. Đường dây 22 KV của thành phố bố trí đi nổi (trong khu trung tâm nếu có điều kiện cho phép bố trí đi ngầm). Để đảm bảo an toàn cho thành phố, đường dây cung cấp điện cho công nghiệp sẽ đi riêng biệt, không đi chung với

đường dây cấp điện cho sinh hoạt.

- Lưới hạ áp 0,4 KV: Mạng lưới hạ áp 0,4 KV hiện nay vẫn giữ nguyên để cung cấp cho các phụ tải điện của thành phố. Tiến hành cải tạo nâng tiết diện các tuyến đường dây 0,4 KV không đảm bảo cung cấp điện. Trên cơ sở các trạm lưới đã được cải tạo và các trạm dự kiến xây dựng mới, bố trí các tuyến hạ áp 0,4 KV cho phù hợp đáp ứng nhu cầu dùng điện.

- Trạm lưới 22/0,4 KV: Bố trí xây dựng thêm một số trạm 22/04 KV cho các khu vực mới xây dựng và phụ tải phát triển mới. Các trạm biến áp 22/0,4 KV cần được xây dựng dưới hình thức trạm điện hoặc kiốt điện để đảm bảo mỹ quan đô thị.

c) Lưới điện chiếu sáng công cộng.

Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng của thành phố tất cả các đường có mặt cắt trên 3,5 m đều được chiếu sáng. Tập trung xây dựng các tuyến đường: Đào Duy Từ, Tôn Thất Thuyết, Trường Chinh, Hoàng Diệu, Trần Cao Vân, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Đình Chiểu, đoạn quốc lộ 9 v.v. Đến năm 2020, hoàn chỉnh mạng lưới chiếu sáng các tuyến đường chính mới xây dựng và nằm trong quy hoạch. Mạng lưới chiếu sáng được bố trí đi nổi, các trục đường chính được bố trí đi ngầm. Đường có mặt cắt trên 11,5 m bố trí 2 tuyến chiếu sáng hai bên đường. Đường có mặt cắt dưới 11,5 m bố trí 1 tuyến chiếu sáng 1 bên đường. Hình thức chiếu sáng dùng đèn cao áp 125W, 250W- điện áp 220V. Các thiết bị chiếu sáng dùng loại hiện đại và tiết kiệm điện năng.

4.4. Hạ tầng bưu chính, viễn thông.

Bưu chính. Phát triển mở rộng mạng lưới bưu chính trên tất cả các phường trên địa bàn thành phố. Phổ cập đa dịch vụ đến các bưu cục, đại lý: chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh; nâng cao chất lượng dịch vụ; duy trì tốc độ tăng doanh thu bưu chính hàng năm khoảng 18-25%. Phát triển các loại dịch vụ bưu chính mới: dịch vụ trả lương hưu, dịch vụ thanh toán, dịch vụ nhờ thu phát cho các doanh nghiệp v.v. Từng bước thực hiện tự động hóa mạng lưới bưu chính, xây dựng các bưu cục tự động, ứng dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa, tin học hóa các công đoạn bưu chính. Phát triển các dịch vụ bưu chính điện tử (E-Post), dataspot.

Viễn thông. Xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông có công nghệ hiện đại, dung lượng và tốc độ lớn, có chất lượng, độ tin cậy cao. Phổ cập các dịch vụ viễn thông, internet và các dịch vụ mới v.v. phục vụ tốt và kịp thời cho phát triển kinh tế-xã hội, công tác an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện cáp quang hóa 100% các tuyến mạng. Ngầm hóa toàn bộ mạng cáp trên địa bàn thành phố. Đẩy mạnh phát triển mạng truy nhập băng rộng để bảo đảm phát triển các ứng dụng trên mạng như Chính phủ điện tử, thương mại

điện tử, đào tạo, khám chữa bệnh từ xa và các ứng dụng khác. Phát triển các dịch vụ phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin và viễn thông.

- Mở rộng, nâng cấp và phát triển mới các điểm phục vụ trên địa bàn, đặc biệt tại các KCN, khu đô thị mới. Phát triển và hiện đại hoá mạng lưới thông tin liên lạc, nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ phát thanh truyền hình. Tiếp tục đầu tư và nâng cấp tốc độ đường truyền theo công nghệ ADSL; lắp đặt mới nâng dung lượng và tổng đài. Phát triển các dịch vụ mới như hộp thư thoại, điện thoại thế hệ 3G (nhìn thấy hình khi đàm thoại) v.v. đáp ứng kịp thời nhu cầu trao đổi thông tin liên lạc trong nước và quốc tế.

4.5. Cấp, thoát nước

4.5.1. Cấp nước. Trước mắt phấn đấu đảm bảo 98% dân số được dùng nước sạch theo tiêu chuẩn đô thị loại III là 100 lít/người ngày đêm. Đến năm 2020 đáp ứng 150 lít/người ngày đêm, đảm bảo nước cho sản xuất công nghiệp 40 m³/ha và nước công cộng v.v. Trong thời gian tới Đông Hà tiếp tục được hưởng lợi từ dự án cấp nước từ vốn vay ADB sẽ giúp tăng tỷ lệ người sử dụng nước sạch trên toàn địa bàn thành phố.

Nguồn cấp nước. Hệ thống cấp nước sạch cho thành phố Đông Hà gắn kết với quy hoạch cấp nước liên khu vực Đông Hà- Gio Linh- Cửa Việt- Cam Lộ. Nguồn nước mặt cung cấp cho Đông Hà bao gồm: nước mặt sông Vĩnh Phước 15.000 m³/ngđ; nước mặt sông Hiếu 20.000 m³/ngđ (dự kiến sẽ lấy tại thượng nguồn sông Hiếu tại huyện Cam Lộ cách Đông Hà 13 km) và nước ngầm Gio Linh 15.000 m³/ngđ (trong đó cấp cho Đông Hà 10.000m³/ngđ, cấp cho Cửa Việt 2.000m³/ngđ, cấp cho thị trấn Gio Linh 3.000 m³/ngđ).

Các cơ sở sản xuất nước sạch. Tiếp tục duy trì công suất các nhà máy nước hiện có: nhà máy nước mặt sông Vĩnh Phước 15.000 m³/ngđ; nhà máy nước Gio Linh 15.000 m³/ngđ. Dự kiến đến năm 2020, trên địa bàn thành phố Đông Hà xây dựng thêm nhà máy nước mặt sông Hiếu công suất khoảng 20.000 m³ /ngàyđêm ở phía Tây thành phố (địa bàn huyện Cam Lộ) bổ sung cho dây chuyền nước mặt sông Vĩnh Phước. Xây dựng trạm bơm tăng áp để cấp nước từ nhà máy về thành phố Đông Hà.

Thành phố cần phối hợp tốt với tỉnh thực hiện hỗ trợ kỹ thuật dự án xây dựng hệ thống cấp nước vùng Đông Hà-Cam Lộ (CH Pháp) với tổng công suất 40.000-50.000 m³/ngàyđêm; thực hiện hỗ trợ kỹ thuật dự án đầu tư cấp nước và vệ sinh môi trường cho 4 đô thị trên tuyến Hành lang Đông-Tây (Đông Hà, Quảng Trị-Cửa Việt-Lao Bảo).

Mạng lưới cấp nước. Trên cơ sở mạng lưới cấp nước hiện có, cần cải tạo, bổ sung thêm các đường ống cấp nước đến các khu dân cư . Đồng thời theo quy

hoạch mở rộng đô thị, thiết kế xây dựng thêm các tuyến ống cấp nước mới, chú trọng cung cấp nước cho các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị mới và các khu tập trung đông dân cư.

4.5.2. Thoát nước. Ưu tiên đầu tư các công trình, dự án thoát nước và vệ sinh môi trường. Chú trọng quy hoạch vị trí xây dựng nhà máy, trạm xử lý công nghệ cao trước khi xả ra sông Hiếu và sông Thạch Hãn. Thực hiện tốt các dự án đang triển khai bằng nguồn vốn ADB và vốn đối ứng ngân sách. Chuẩn bị dự án đầu tư nâng cấp hoàn thiện hệ thống thoát nước đô thị (bao gồm các tuyến đường ống, mương dẫn nước đường phố, cống bao các hồ chứa nước trong đô thị, các trạm xử lý nước thải tổng công suất 3-4 vạn m³/ngàyđêm) để gọi vốn đầu tư của các tổ chức quốc tế.

Thoát nước thải sinh hoạt: Quan tâm đầu tư thoát nước các tuyến phố trong khu dân cư dẫn ra hệ thống thoát nước chính. Khu vực trung tâm thành phố vẫn sử dụng hệ thống cống chung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại cho chảy vào cống chung, thu vào cống bao, chảy tới các trạm bơm, sau đó bơm đến các trạm làm sạch nước bẩn. Trạm bơm xử lý nước thải có công suất mỗi trạm khoảng 3.000-5.000m³/ngày. Những khu vực xây dựng mới, thiết kế tách riêng cống nước thải với cống nước mưa.

Xử lý nước thải công nghiệp: Khu công nghiệp tập trung Nam Đông Hà và cụm công nghiệp Đông Lễ, đường 9 v.v. cần xây dựng mỗi khu một trạm xử lý nước thải tập trung. Tiếp tới, các cụm tiểu thủ công nghiệp, làng nghề cũng cần xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung để đảm bảo vệ sinh môi trường.

4.6. Vệ sinh môi trường.

4.6.1. Xử lý chất thải rắn. Tổ chức tốt mạng lưới thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp. Chất thải rắn thu gom từ các hộ gia đình và các cơ sở sản xuất kinh doanh được chuyên chở đến bãi tập kết và được phân loại chất hữu cơ, chất vô cơ. Hoàn thành xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn liên vùng phục vụ cho cả các đô thị xung quanh như Ngã tư Sông, Cam Lộ, Ái Tử và thị xã Quảng Trị. Khu liên hợp xử lý chất thải rắn được ứng dụng công nghệ tiên tiến, bao gồm: nhà máy chế biến phân vi sinh, tái chế chất vô cơ, chôn lấp hợp vệ sinh; địa điểm xây dựng ở khu vực vùng đồi phía Tây, cách khu dân cư khoảng 2 km, có diện tích rộng và thuận lợi cho xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

Tăng cường năng lực hoạt động và hoàn thiện tổ chức bộ máy của Công ty TNHH một thành viên Môi trường và Đô thị Đông Hà. Khuyến khích phát triển các công ty, xí nghiệp dịch vụ vệ sinh, thoát nước, cây xanh, điện chiếu sáng... thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cảnh quan đô thị. Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, thành lập các đội vệ

sinh môi trường tại các phường, tổ dân phố, thôn làng.

4.6.2. Xây dựng vỉa hè, trồng cây xanh

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa xây dựng vỉa hè, trồng cây xanh đường phố, điện chiếu sáng khu dân cư trên địa bàn thành phố một cách đồng bộ, tạo cảnh quan không gian xanh, sạch, đẹp, văn minh, làm thay đổi diện mạo đô thị, đảm bảo vệ sinh môi trường. Đưa công tác quản lý, xây dựng vỉa hè, trồng, bảo vệ cây xanh đường phố vào nề nếp. Huy động các nguồn lực, kết hợp Nhà nước và nhân dân cùng đóng góp xây dựng.

Xây dựng vỉa hè. Tập trung ưu tiên đầu tư các trục đường chính mang tính chất đối ngoại, phục vụ du lịch, thương mại, các trục trung tâm hành chính, vùng đông dân cư như các tuyến đường Trần Hưng Đạo, Hàm Nghi, Nguyễn Huệ, Tôn Thất Thuyết, Đào Duy Từ, Phan Văn Trị, Lê Thánh Tông, Nguyễn Du, Lê Thế Hiếu, Nguyễn Chí Thanh v.v. Sau năm 2010, từng bước hoàn thiện các tuyến trục đô thị được quy hoạch và phân đấu đến năm 2020, hầu hết các tuyến đường đã được quy hoạch và mở rộng đô thị đều được lát vỉa hè.

Trồng cây xanh công cộng. Quy hoạch phát triển hệ thống cây xanh trên địa bàn thành phố một cách đồng bộ bao gồm cây xanh công viên, cây xanh vườn hoa, cây xanh đường phố, tạo cảnh quan diện mạo cho đô thị, đồng thời tạo được nét sắc thái riêng của Đông Hà. Lựa chọn từng chủng loại cây xanh, bố trí phù hợp với từng loại công trình. Chú trọng trồng cây xanh mang màu sắc, tính chất sinh thái riêng tạo nét nổi trội, ấn tượng riêng cho từng đường phố. Xây dựng. Như hệ cây xanh dọc hai bờ sông Hiếu, các tuyến trục quan trọng, phố trung tâm tạo bộ mặt đô thị. Thiết lập vành đai xanh, tạo vùng sinh thái quanh thành phố. Triển khai mạnh mẽ phong trào quần chúng trồng cây xanh. Giai đoạn 2010-2020, phân đấu bình quân mỗi năm trồng 6-8 nghìn cây xanh đường phố, đạt tỷ lệ 3-4 m² cây/người.

Điện chiếu sáng khu dân cư. Thực hiện tốt công tác xã hội hoá điện chiếu sáng trong khu dân cư đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa nền đường, có lưới điện ADB đã được cải tạo hoàn chỉnh. Tuyến chiếu sáng trong khu dân cư có thể kết hợp với tuyến 0,4 KV cấp điện cho sinh hoạt. Giai đoạn 2010-2020, tiếp tục xây dựng hệ thống chiếu sáng theo các tuyến đường quy hoạch mở rộng đô thị. Kết hợp Nhà nước và nhân dân cùng làm theo cơ chế: Nhà nước đầu tư 50%, nhân dân đóng góp 50%.

4.6.3. Nghĩa trang

- Quan tâm đúng mức đến quy hoạch nghĩa trang theo hướng hiện đại. Tôn tạo, nâng cấp nghĩa trang đường 9, xây dựng Bia tưởng niệm liệt sỹ các phường, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ các phường phục vụ thăm viếng, tưởng niệm tri ân.

- Quy hoạch thêm 01 nghĩa trang nhân dân phía Tây phường Đông Thanh (phục vụ 2 phường phía Bắc sông Hiếu và di dời toàn bộ mồ mã xen kẽ trong khu dân cư 2 phường).

- Quy hoạch khuôn viên các khu nghĩa trang nhân dân hiện có phía Tây Nam thành phố (phường 4, phường Đông Lương), sử dụng, quản lý đảm bảo không ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị;

- Thực hiện di dời mồ mã nằm xen kẽ trong khu dân cư đô thị đến các nghĩa trang nhân dân theo quy hoạch.

- Tiến tới xây dựng Nhà tang lễ thành phố.

4.7. Quản lý đô thị

Đối với các công trình công cộng, cơ quan, trụ sở làm việc và nhà ở của nhân dân, cần tổ chức quản lý xây dựng đảm bảo đúng theo quy hoạch đô thị. Quan tâm chỉ đạo về cấp phép và kiểm tra chỉ giới, tầng cao của các tòa nhà và kiến trúc đô thị. Thực hiện tốt công tác quản lý đô thị theo quy hoạch nhất là trong việc xây dựng dân dụng, các khu nhà ở, khu chung cư cao tầng, khu tái định cư. Phát huy đa dạng về phong cách, loại hình kiến trúc và công năng sử dụng, hình thành các khu đô thị hiện đại, văn minh kết hợp hài hòa với bản sắc dân tộc, truyền thống địa phương.

Thành phố cần phối hợp tốt với Sở Xây dựng và các Sở chuyên ngành khác để tăng cường công tác quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (giao thông, cấp-thoát nước, vệ sinh môi trường, cấp điện, công viên-cây xanh-hồ nước v.v.); quản lý nhà nước về xây dựng, thị trường kinh doanh bất động sản trên địa bàn thành phố; thanh tra, kiểm tra trật tự xây dựng, tình hình thực hiện quy hoạch, quản lý xây dựng trên địa bàn.

Cần khẩn trương xây dựng và ban hành quy chế về quản lý kiến trúc đô thị. Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ, năng lực quản lý đô thị của đội ngũ cán bộ, công chức; nâng cao trình độ dân trí, xây dựng nếp sống văn minh đô thị cho người dân v.v.

V. DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VÀ CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI

1. Dân số, lao động và giải quyết việc làm

1.1. Phát triển dân số và nguồn lao động. Thực hiện kế hoạch hoá gia đình, phấn đấu giảm tỷ lệ sinh khoảng 0,3‰; tăng dân số tự nhiên ổn định ở mức dưới 1% vào năm 2020 và những năm sau. Đông Hà đã được nâng cấp thành Thành phố, quá trình đô thị hóa sẽ phát triển nhanh. Dự báo xu thế tăng dân số cơ học sẽ phát triển nhanh (khoảng 3,2-4,2%/năm), kéo theo dân số trung bình tăng lên đáng kể, ước tính đến năm 2015 quy mô tổng dân số trên địa bàn Đông Hà có khoảng 105 nghìn người, năm 2020 có khoảng 135 nghìn người.

Nếu tính cả dân số thường trú và tạm trú thì đến năm 2020 quy mô dân số đô thị Đông Hà có thể đạt tới 145-150 nghìn người. Cần có các chính sách, giải pháp hợp lý để tăng dân số cơ học, thu hút lực lượng lao động, các nhà đầu tư đến sinh sống, làm ăn lâu dài tại Đông Hà.

Dự báo quy mô dân số và nguồn lao động giai đoạn 2011-2020

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
1	Dân số trung bình	10 ³ ng.	83,2	105,0	135,0
-	Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,19	1,1	<1,0
-	Tỉ lệ tăng dân số trung bình	%	0,6	4,8	5,2
2	Dân số trong độ tuổi LĐ	10 ³ ng.	51,8	65,1	83,7
-	Tỉ lệ so dân số chung	%	62,3	62,0	62,0
3	Lao động trong độ tuổi có nhu cầu việc làm	10 ³ ng.	37,0	47,5	62,8
-	Tỉ lệ so LĐ trong độ tuổi	%	71,4	73,0	75,0

Cùng với quá trình phát triển tăng qui mô dân số, dự báo đến năm 2015, số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn có khoảng 65,1 nghìn người, năm 2020 có khoảng 83,7 nghìn người. Không kể số học sinh trong độ tuổi lao động đang đi học và số người nội trợ không tham gia lao động xã hội thì số lao động có nhu cầu việc làm năm 2015 khoảng 47,5 nghìn người, năm 2020 khoảng 62,8 nghìn người. Bình quân mỗi năm có thêm khoảng 2.500-2.600 người trong độ tuổi lao động cần có nhu cầu việc làm. Đây là nguồn nhân lực dồi dào cung cấp lao động cho các ngành kinh tế, song đây cũng là áp lực trong việc tạo việc làm cho người lao động.

1.2. Bố trí sử dụng lao động trong các ngành kinh tế.

Để thu hút và bố trí sử dụng hiệu quả lực lượng lao động xã hội trên địa bàn cần phát triển mạnh mẽ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch; khuyến khích thúc đẩy phát triển kinh tế ngoài quốc doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hộ gia đình, tiếp tục chuyển đổi cơ cấu ngành nghề nông nghiệp, nông thôn. Trong giai đoạn 2011-2020, dự kiến bố trí, thu hút lao động vào các ngành kinh tế như sau:

- *Lao động công nghiệp-xây dựng.* Trên cơ sở thu hút nhiều dự án đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, xây dựng các công trình hạ tầng đô thị; đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương, phát triển tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề ở khu vực ven đô v.v. , tạo thêm việc làm, thu hút lao động tham gia sản xuất công nghiệp-xây dựng. Dự kiến đến năm 2020 thu hút khoảng 16,7 nghìn người, chiếm 27,5% tổng lao động xã hội.

Bố trí lao động trong nền kinh tế giai đoạn 2011-2020

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
			Bố trí lao động theo ngành KT		
A	LĐ có nhu cầu việc làm	10 ³ người	37,0	47,5	62,8
I	LĐ phân theo ngành KT		35,0	45,5	60,7
1	Công nghiệp-Xây dựng	10 ³ người	8,8	12,0	16,7
2	Nông, lâm, ngư nghiệp	„	5,1	5,5	5,8
3	Dịch vụ	„	21,1	28,0	38,3
II	Lao động chưa có việc làm	10 ³ người	2,0	2,0	2,1
*	Tỉ lệ LĐ chưa có việc làm	%	5,4	4,2	3,3
			Cơ cấu lao động (%)		
III	Cơ cấu LĐ theo ngành KT	%	100,0	100,0	100,0
1	Công nghiệp-Xây dựng	„	25,0	26,4	27,5
2	Nông, lâm, ngư nghiệp	„	14,6	12,1	9,5
3	Dịch vụ	„	60,4	61,5	63,0

- *Lao động các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch.* Cùng với định hướng phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch thành ngành kinh tế chủ đạo, do đó lao động tham gia trong lĩnh vực này không ngừng tăng, đến năm 2020 thu hút khoảng 38,3 nghìn người, luôn chiếm tỷ trọng lớn, 63% tổng số lao động xã hội.

- *Lao động nông, lâm, ngư nghiệp.* Do diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, cơ giới hóa phát triển, quá trình đô thị hóa tăng nhanh nên một bộ phận lao động nông nghiệp sẽ chuyển đổi sang làm việc trong các ngành công nghiệp-xây dựng, thương mại dịch vụ, du lịch, lao động ngành nghề. Tuy số lượng lao động nông nghiệp vẫn tăng, nhưng tỷ trọng lao động nông, lâm, ngư nghiệp sẽ mỗi năm một giảm dần xuống còn 12,1% năm 2015, đến năm 2020 giảm còn 9,5%.

1.3. Giải quyết việc làm và nâng cao mức sống dân cư.

a) *Giải quyết việc làm.* Giải pháp cơ bản nhất để giải quyết việc làm cho người lao động là đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn thành phố. Phân đầu mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 1.300-1.500 người lao động. Giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống còn 4,2% vào năm 2015 và xuống còn 3,3% vào năm 2020. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất để tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút lao động. Thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về giải quyết việc làm. Tạo điều kiện thuận lợi về vốn, môi trường sản xuất, thông tin thị trường, kỹ thuật, cơ chế chính sách để người

lao động có thể tự thân lập nghiệp, tìm kiếm việc làm. Chú trọng đào tạo nghề, thu hút lao động vào các khu công nghiệp. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động. Có chính sách cho lao động vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài v.v.

b) *Giảm nghèo, nâng cao mức sống dân cư.* Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm 0,5-1%, đến năm 2020 về cơ bản không còn hộ nghèo do thiếu việc làm (theo chuẩn 2006-2010). Phân đầu đến năm 2015 thu nhập bình quân đầu người đạt 63,0 triệu đồng/năm (tính theo VA- giá hiện hành), năm 2020 đạt 133,2 triệu đồng. Không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống trong các thời kỳ sau.

1.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Đây là yêu cầu cấp bách trước mắt cũng như lâu dài trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế. Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, khoa học kỹ thuật, trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành; đào tạo các ngành nghề phù hợp, cung ứng được đội ngũ công nhân kỹ thuật theo yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế. Cung cấp thông tin đầy đủ về công tác đào tạo nghề, tổ chức các khóa đào tạo, tuyển dụng thu hút lao động vào các khu công nghiệp, phát triển các doanh nghiệp tư nhân. Phân đầu đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55-60%(trong đó qua đào tạo nghề 50%); đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 65%. Mỗi năm có từ 3.500-4.000 lao động được đào tạo nghề và chuyên môn, kỹ thuật. Tổ chức đào tạo tay nghề và tìm kiếm các đối tác để cung ứng lao động đã có tay nghề tham gia các thị trường lao động trong, ngoài tỉnh và các nước trong khu vực như Lào, Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc v.v.

1.5. Các chính sách xã hội

Giải quyết tốt các chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng, ưu tiên các chính sách về nhà ở, đất ở, giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho đối tượng chính sách. Đẩy mạnh phong trào “đền ơn đáp nghĩa”. Xã hội hoá công tác chăm lo các gia đình chính sách, người nghèo và các hoạt động nhân đạo, từ thiện. Quan tâm đến người già neo đơn, trẻ em cô đơn, lang thang cơ nhỡ, người tàn tật, gặp rủi ro, bất hạnh do thiên tai, bệnh tật... Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện các dự án hỗ trợ người nghèo, nạn nhân chất độc da cam v.v. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội cho cán bộ nhân viên và người lao động.

2. Giáo dục-đào tạo

- Để đáp ứng được nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài, sự nghiệp giáo dục-đào tạo thành

phố Đông Hà cần duy trì mục tiêu không ngừng nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, xây dựng lực lượng lao động chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài. Phát triển sự nghiệp giáo dục-đào tạo cả về mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng.

- Nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, quan tâm đến xây dựng nguồn nhân lực mới có đủ năng lực tiếp cận và làm chủ khoa học kỹ thuật, có nếp sống phù hợp với văn hóa đô thị, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới.

- Tăng cường đầu tư hơn nữa về hạ tầng, cơ sở vật chất và mở rộng quy mô đào tạo, phát triển Đông Hà thành trung tâm giáo dục-đào tạo của toàn tỉnh, tiến tới đảm nhận chức năng đào tạo cấp vùng.

2.1. Giáo dục phổ thông.

- Tiếp tục mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Chú trọng giáo dục toàn diện nhất là giáo dục đạo đức, dạy nghề, đào tạo năng khiếu, kỹ năng nghề nghiệp. Thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục ở tất cả các bậc học, cấp học, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục toàn diện cho học sinh, ngăn chặn có hiệu quả các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường, tạo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, tiến bộ.

- Đẩy mạnh phổ cập giáo dục, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và trung học cơ sở, tiến tới phổ cập bậc trung học phổ thông trong độ tuổi. Tổ chức mở các lớp bổ túc văn hóa, các hình thức học linh hoạt cho các đối tượng không có điều kiện học phổ thông. Thực hiện phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và định hướng nghề nghiệp dạy nghề cho học sinh ngay trong quá trình học ở trường.

- Nâng cao tỷ lệ các trường đạt chuẩn quốc gia ở tất cả các bậc học, tiến tới nâng cao chất lượng đạt chuẩn mức 2. Đầu tư xây dựng hệ thống các trường chất lượng cao, trường điểm đạt ngang tầm với các trường trong vùng và cả nước và phát triển nhân rộng trên địa bàn.

- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học, tiến tới tất cả các trường đều đạt chuẩn quốc gia.

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức. Nâng cao trình độ quản lý, hạn chế các tiêu cực trong tuyển sinh, thi cử. Quan tâm đến đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của đội ngũ giáo viên, cán bộ ngành giáo dục...

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, phát triển đa dạng các mô hình trường lớp. Tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích các thành phần kinh tế và người dân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục.

Mục tiêu định hướng đến năm 2015 và 2020:

- Giữ vững đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.
- Phân đầu hoàn thành phổ cập cấp trung học phổ thông trên địa bàn trước năm 2015.
- Có 100% trường học đạt chuẩn quốc gia và từng bước nâng mức chuẩn lên mức 2. Xây dựng một số trường chất lượng cao.
- Đảm bảo cơ sở vật chất các trường học đáp ứng đủ nhu cầu về trường lớp, phòng chức năng và trang thiết bị theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước.
- Nâng số lượng giáo viên có trình độ trên chuẩn đạt 50-60% cho mỗi cấp, bậc học.

Quy hoạch mạng lưới trường trung học phổ thông ở các địa bàn:

- Dự kiến cải tạo, nâng cấp 4 trường phổ thông trung học đã có là: trường PTTH Đông Hà (đường Nguyễn Trãi), PTTH Lê Lợi (đường Lê Lợi), PTTH chuyên Lê Quý Đôn, PTTH Phan Chu Trinh.

2.2. Đào tạo đại học, chuyên nghiệp, dạy nghề.

- Mở rộng quy mô đào tạo đại học, cao đẳng và đa dạng các ngành nghề đào tạo gắn với nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế. Có các chính sách ưu đãi cao hơn nữa đối với đào tạo nguồn lao động chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài. Nâng cao vai trò của các Trung tâm học tập cộng đồng, tăng cường đào tạo nghề, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, nâng cao hiểu biết, kinh nghiệm, kỹ năng tay nghề cho mọi đối tượng người lao động.

- Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý. Mở rộng các loại hình đào tạo, phấn đấu đến năm 2010 có 15-17% lực lượng lao động xã hội có trình độ đại học và trên đại học, hình thành được đội ngũ chuyên gia ở các ngành then chốt.

- Quy hoạch xây dựng mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Giai đoạn 2011-2020, dự kiến cải tạo và xây dựng mới 8 trường bao gồm cả đại học, cao đẳng, trung học và dạy nghề:

Cải tạo, nâng cấp:

- Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Quảng Trị thành trường Đại học.
- Trường Công nhân nghiệp vụ và xây dựng giao thông thành trường Trung cấp giao thông vận tải.
- Cải tạo và mở rộng trường Trung cấp dạy nghề tổng hợp (trên đường Lý Thường Kiệt) thành trường Cao đẳng dạy nghề.
- Cải tạo nâng cấp trường Trung học Y tế Quảng Trị thành Cao đẳng Y-Dược.

Xây dựng mới các trường:

- Phân hiệu Đại học Huế tại khu đô thị phía Nam thành phố (đường 9D) và nâng cấp thành Đại học kỹ thuật Quảng Trị thuộc Đại học Huế vào năm 2015.
- Trường Trung học chuyên nghiệp Mai Lĩnh (đường Hùng Vương), trường CNKT và nghiệp vụ giao thông vận tải (đường 9D)
- Trung tâm sát hạch lái xe tại khu vực phía Nam (đường 9D).

3. Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Xây dựng và củng cố mạng lưới các cơ sở y tế từ cấp tỉnh, thành phố đến các trạm y tế cấp phường. Không ngừng nâng cao chất lượng công tác khám và điều trị bệnh cho nhân dân. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế quốc gia. Phấn đấu để mọi người dân được chăm sóc sức khỏe ban đầu tốt hơn, có điều kiện sử dụng và tiếp cận các dịch vụ y tế có chất lượng cao, giảm tỷ lệ số người mắc các bệnh xã hội, đảm bảo cho mọi người được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần.

Trong giai đoạn 2011-2020, phấn đấu đạt một số mục tiêu cơ bản về phát triển sự nghiệp y tế sau:

- Giảm tỷ suất sinh tự nhiên bình quân hàng năm 0,03%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến 2015 đạt 1,1%, đến năm 2020 giảm xuống dưới 1,0%.
- Giảm tỷ lệ người sinh con thứ 3 xuống còn trên 1%;
- Có 100% trẻ dưới 1 tuổi hàng năm được tiêm chủng đầy đủ 7 loại vaccin; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 8,5% vào năm 2015, đến năm 2020 còn 4-5%.
- Phấn đấu nâng cấp các trạm y tế đạt chuẩn quốc gia mức 2.
- Bổ sung lực lượng bác sỹ chuyên khoa cho các trạm y tế cơ sở phường.
- Khống chế, dập tắt kịp thời các ổ dịch, giảm tỷ lệ người mắc bệnh nguy hiểm, giảm các bệnh liên quan đến tệ nạn xã hội như HIV/ AIDS...
- Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân quan tâm các đối tượng chính sách, người nghèo, phụ nữ, trẻ em dưới 6 tuổi.

**** Xây dựng cơ sở vật chất ngành y tế.***

Để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân trong tỉnh, cần khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư nâng cấp, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ngành y tế.

Hệ thống bệnh viện công lập: dự kiến đến năm 2020 sẽ có ít nhất 3 bệnh viện hạng 2 gồm Bệnh viện Đa khoa tỉnh 500, có thể nâng cấp lên 700 giường; bệnh viện Lao và Phổi, bệnh viện Y học cổ truyền (Đông y) tỉnh với quy mô 50-100 giường. Từng bước nâng cấp các bệnh viện theo hướng hiện đại, đạt tiêu

chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh.

Hệ thống y tế tư nhân: Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng bệnh viện, các phòng khám đa khoa, cơ sở y tế. Đến năm 2020, dự kiến trên địa bàn thành phố có 1 bệnh viện tư nhân. Đặc biệt khuyến khích đầu tư các trang thiết bị y tế hiện đại đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận với y tế hiện đại, cao cấp.

Hệ thống y tế dự phòng: bao gồm Trung tâm y tế dự phòng tỉnh và thành phố, Trung tâm phòng chống bệnh xã hội, Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm dân số-KHHGD, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS. Đầu tư nâng cấp mở rộng khuôn viên, tăng cường trang thiết bị vật chất các trung tâm y tế dự phòng đủ năng lực phòng chống và ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cộng đồng.

Cơ sở đào tạo y tế: nâng cấp trường Trung cấp y tế thành trường Cao đẳng Y -Dược.

** Một số giải pháp chủ yếu*

- Quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở y tế, bố trí địa điểm, dành quỹ đất mở rộng nâng cấp các bệnh viện đã có và xây dựng thêm các cơ sở y tế mới.

- Tăng cường trang thiết bị y tế hiện đại cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh thành phố. Đầu tư đủ các trang thiết bị cần thiết và từng bước hiện đại hóa các trạm y tế phường đạt tiêu chuẩn y tế quốc gia.

- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và y đức cho đội ngũ y bác sĩ, nhân viên y tế. Xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho ngành y tế.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Kết hợp tốt giữa y tế nhà nước và y tế tư nhân, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

- Đầu tư xây dựng các công trình đảm bảo vệ sinh, môi trường đô thị như hệ thống xử lý nước thải, rác thải đô thị, đặc biệt là cơ sở xử lý rác thải y tế, rác thải công nghiệp độc hại.

- Tuyên truyền giáo dục, nâng cao kiến thức cho người dân về chăm sóc sức khỏe, phòng chữa bệnh, kế hoạch hoá gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường sống v.v.

- Tăng cường quản lý nhà nước về các hoạt động y tế, đặc biệt là các hoạt động hành nghề y, dược tư nhân. Tổ chức tốt công tác bảo hiểm y tế, y tế từ thiện và thực hiện chính sách miễn phí cho các đối tượng chính sách, người nghèo v.v.

4. Văn hoá, thông tin, thể thao

4.1. Văn hóa. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của dân cư. Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", trọng tâm là xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, đơn vị văn hóa. Phần đầu đến năm 2015 có 90% hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa, 50% phường được công nhận là phường văn hóa. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, kêu gọi toàn dân tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội, ngăn chặn ma tuý xâm nhập vào học đường; đoàn kết, giúp nhau phát triển kinh tế, xây dựng nếp sống văn hóa đô thị văn minh, trật tự.

Từng bước xây dựng các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, hệ thống thiết chế văn hoá- thể thao của tỉnh, thành phố đến phường, khu phố. Trước mắt tập trung đầu tư xây dựng Nhà văn hoá trung tâm tỉnh, Nhà văn hóa thành phố, Quảng trường trung tâm, hoàn thiện Bảo tàng tỉnh. Đến năm 2015, trên địa bàn thành phố có các thiết chế văn hóa -thể thao trọng điểm: trung tâm văn hóa, thư viện, bảo tàng, các công viên, khu vui chơi giải trí, khu liên hợp thể thao, nhà thi đấu đa năng, bể bơi tổng hợp, sân vận động, trung tâm hội chợ triển lãm đạt tiêu chuẩn; 100% phường có thiết chế văn hóa - thể thao đồng bộ; 100% các di tích lịch sử- văn hoá được xây dựng bia, biển hiệu, khoanh vùng bảo vệ; 100% các di tích lịch sử-văn hóa được các trường học nhận chăm sóc, bảo vệ và tổ chức học ngoại khóa tại các di tích đó. Quy hoạch và từng bước xây dựng các tượng đài, tranh cổ động hoành tráng, hệ thống quảng cáo điện tử hiện đại, cổng chào thông tin trên tuyến đường vào thành phố v.v.

Quản lý tốt các di tích lịch sử, khoanh vùng bảo vệ và tiến hành trùng tu tôn tạo. Tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học về truyền thống lịch sử văn hoá Đông Hà. Phối hợp với các cơ quan chuyên ngành của tỉnh tổ chức sưu tầm, thống kê, nghiên cứu các loại hình văn hóa phi vật thể như các phong tục tập quán tốt đẹp, nghệ thuật trình diễn, trò chơi dân gian, văn hóa truyền khẩu, ẩm thực, nghề thủ công truyền thống v.v. Khôi phục và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống địa phương, nâng cao niềm tự hào về truyền thống quê hương. Thực hiện xã hội hóa công tác văn hóa, có cơ chế thông thoáng vận động các thành phần kinh tế xây dựng các thư viện tư nhân, bảo tàng tư nhân, khu vui chơi giải trí, câu lạc bộ v.v.

4.2. Thông tin, tuyên truyền. Tổ chức tốt các hoạt động và chú trọng nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền, phục vụ tốt các hoạt động chính trị và phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn thành phố. Xây dựng một số chuyên mục trên sóng phát thanh truyền hình của tỉnh, thành phố, hệ thống FM các phường. Đến năm 2011 có 100% phường có trạm truyền thanh FM.

Củng cố, nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về văn hóa thông tin, tuyên truyền. Đổi mới nội dung, hình thức, cơ chế hoạt động theo hướng gắn với địa bàn cơ sở. Chú trọng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phân đầu có 100% cán bộ văn hoá thể thao thành phố được chuẩn hoá, các phường có đội ngũ cán bộ văn hóa, thông tin được qua đào tạo.

4.3. Thể dục thể thao. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục-thể thao quần chúng đến tận cơ sở, gia đình, vận động nhân dân thường xuyên rèn luyện sức khoẻ, nâng cao thể chất. Đồng thời tiếp cận với nền thể thao tiên tiến, đầu tư phát triển thể thao thành tích cao, xây dựng đội tuyển TD-TT thành tích cao của thành phố. Tăng cường cơ sở vật chất cho các hoạt động thể dục-thể thao. Hoàn thiện cải tạo xây dựng khu sân vận động hiện có. Hoàn chỉnh cơ sở vật chất Nhà thi đấu thể thao thành phố. Xây dựng mới Khu liên hợp thể dục-thể thao tỉnh với quy mô lớn tại phường 5-phường Đông Lễ, có đủ điều kiện tổ chức thi đấu thể thao cấp vùng và quốc gia. Tiến hành lập quy hoạch dành quỹ đất xây dựng các điểm sinh hoạt văn hóa-thể thao từ thành phố đến các phường.

VI. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Tăng cường công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học. Xây dựng các chương trình điều tra, nghiên cứu về tài nguyên, đất đai, khí hậu, các vùng sinh thái. Xây dựng các chương trình, đề án phục vụ phát triển nông nghiệp, công nghiệp-TTCN, dịch vụ, du lịch v.v. Tổ chức nghiên cứu lịch sử, truyền thống đấu tranh cách mạng, khảo sát khôi phục các di tích lịch sử văn hoá, giáo dục truyền thống cách mạng của địa phương, xây dựng nội quy về nếp sống văn minh đô thị. Định kỳ tổ chức tổng kết thực tiễn về thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách, đổi mới, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành quản lý của các cấp các ngành trong phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn.

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đời sống.

- Xây dựng đề án thành lập Trung tâm chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật của thành phố, là đầu mối triển khai các hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, góp phần đưa hoạt động khoa học và công nghệ của thành phố phát triển lên một bước mới.

- Xây dựng chương trình, đề án cụ thể để huy động sức mạnh tổng hợp trên địa bàn hướng vào các hoạt động ứng dụng khoa học công nghệ trong các ngành, lĩnh vực sản xuất, đời sống.

Trong công nghiệp - TTCN: Xây dựng các giải pháp đầu tư thay thế dần thiết bị máy móc cũ lạc hậu, đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong những ngành công nghiệp then chốt trên địa bàn, đặc biệt là những ngành tạo hàng hoá, có khả năng xuất khẩu như chế biến thực phẩm, sản xuất đồ gỗ cao cấp, giấy bao

bì, vật liệu trang trí nội thất, lắp ráp ô tô, xe máy, linh kiện điện tử, điện thoại...). Chú trọng du nhập những ngành hàng, công nghệ mới phù hợp, có khả năng phát triển trên địa bàn. Tăng cường công tác khuyến công, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất công nghiệp-TTCN, nghề truyền thống địa phương (chế biến nông, thủy sản, thực phẩm, sản xuất bún, bánh, thức ăn làm sẵn; cơ khí rèn đúc, trạm khảm v.v.), nâng cao giá trị kinh tế của sản phẩm.

- *Trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản:* Tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các khâu canh tác sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản. Đặc biệt chú trọng du nhập các giống cây trồng, vật nuôi mới có giá trị kinh tế. Xác lập bộ giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với điều kiện của địa phương, chống chịu được sâu bệnh, hạn hán. Tiếp tục xây dựng vùng chuyên canh trồng cây thực phẩm, hoa, cây cảnh ven đô. Nhân rộng mô hình sản xuất rau sạch, rau an toàn, du nhập các loại rau chất lượng, dinh dưỡng cao, các loại hoa, cây cảnh mới. Đầu tư ứng dụng quy trình công nghệ tiên tiến nuôi tôm sú, cá nước ngọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô công nghiệp. Phát triển các loại hình dịch vụ nông nghiệp, chủ động đáp ứng nhu cầu về giống, kỹ thuật, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ thực vật.

- *Áp dụng công nghệ thông tin.* Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án phát triển công nghệ thông tin. Tăng cường cơ sở vật chất thiết bị, xây dựng kết nối mạng máy tính với các cấp ngành. Phổ cập sử dụng, khai thác mạng internet, đẩy mạnh khai thác các phần mềm quản lý, phần mềm chuyên ngành để nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ sử dụng thiết bị công nghệ thông tin cho cán bộ công chức, lãnh đạo thành phố. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ. Nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học, công nghệ đáp ứng được yêu cầu phát triển mới. Xây dựng công nghệ thông tin điện tử của thành phố, tin học hóa các hoạt động quản lý hành chính, tiến đến xây dựng chính quyền điện tử.

VII. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN-MÔI TRƯỜNG, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Phát triển kinh tế-xã hội gắn kết với bảo vệ tài nguyên, tái tạo, cải thiện môi trường, làm cho con người được sống hòa đồng trong thiên nhiên. Quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, phát triển năng lượng sạch, xử lý các chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển lâu dài và bền vững.

- Giảm tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa, phát triển các khu, cụm công nghiệp tới môi trường. Tăng cường quản lý, thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải ở các đô thị, khu tập trung dân cư, khu, cụm công nghiệp. Đến năm 2015, phần đầu thu gom 100% rác thải sinh hoạt; quản lý và xử lý 100% chất thải công

nghiệp nguy hại, chất thải y tế. Đến năm 2020 xây dựng hoàn chỉnh Khu liên hợp xử lý chất thải rắn có công nghệ tiên tiến.

- Kiểm soát chặt chẽ nước thải từ các cơ sở sản xuất công nghiệp, nước thải sinh hoạt đổ vào nguồn nước chung, hạn chế ô nhiễm nguồn nước sông, hồ. Sử dụng các nguồn năng lượng sạch hạn chế gây ô nhiễm không khí. Tích cực trồng cây xanh đường phố, tạo không gian xanh- sạch- mát cải thiện môi trường đô thị.

- Từng bước ứng dụng công nghệ sạch trong các ngành kinh tế. Từ năm 2010 tất cả cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị làm giảm tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, sự thay đổi khí hậu bất lợi đối với môi trường.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho bộ phận quan trắc và phân tích môi trường. Củng cố và kiện toàn biên chế bộ máy quản lý môi trường, thường xuyên giám sát, kiểm tra vệ sinh môi trường, phát hiện, ngăn chặn sớm các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; thay đổi tập quán sản xuất theo hướng bền vững, sử dụng công nghệ sạch, công nghệ vi sinh; xây dựng nếp sống đô thị văn minh, thân thiện với môi trường v.v.

VIII. QUỐC PHÒNG - AN NINH

Quốc phòng. Đông Hà là thành phố có vị trí chiến lược về quân sự, an ninh - quốc phòng. Bố trí các công trình kinh tế chú ý đến yếu tố quốc phòng, đảm bảo tính lâu dài và sự phối hợp, ứng cứu khi cần thiết. Xây dựng lực lượng quân sự địa phương, dân quân tự vệ, dự bị động viên vững mạnh về mọi mặt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đáp ứng nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Hoàn thành các công tác quân sự địa phương hàng năm, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, chú trọng kết hợp giữa kinh tế với quốc phòng, an ninh. Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ và nhân dân.

An ninh. Làm tốt công tác giữ gìn an ninh trật tự, trong đó trọng tâm là các công tác an ninh, tư tưởng: an ninh đô thị, an ninh tôn giáo, an ninh kinh tế, an ninh nội bộ, an ninh nông thôn. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Tổ chức phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Xây dựng lực lượng công an nhân dân ngày càng chính quy hiện đại; củng cố các tổ bảo vệ dân phố, an ninh nhân dân cơ sở, tạo sức mạnh tổng hợp, thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội, tạo sự ổn định góp phần

thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn.

C. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THEO KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

I. Định hướng sử dụng đất.

1.1. Quan điểm sử dụng đất.

1) Khai thác hợp lý, tiết kiệm tài nguyên đất, nâng hiệu quả sử dụng đất, tăng giá trị thu nhập trên 1 đơn vị diện tích. Khai thác triệt để quỹ đất chưa sử dụng đưa vào phục vụ phát triển các ngành kinh tế và đời sống dân sinh.

2) Mạnh dạn chuyển đổi mục đích sử dụng đất (kể cả đất nông nghiệp) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của thành phố cũng như của tỉnh. Với định hướng mở rộng không gian đô thị, nhu cầu sử dụng đất để phát triển hạ tầng đô thị, xây dựng các công trình kinh tế, phúc lợi công cộng v.v. sẽ tăng cao. Do đó quá trình chuyển đổi giữa các loại đất cho các mục đích trên là cần thiết.

3) Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Do quá trình đô thị hóa tăng nhanh nên đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, cần theo hướng đầu tư chiều sâu, phát triển nông nghiệp ven đô, đẩy mạnh trồng cây rau xanh, thực phẩm, phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đem lại thu nhập cao hơn.

4) Quy hoạch dự trữ quỹ đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, hình thành các khu, cụm công nghiệp, khu thương mại, dịch vụ, du lịch và phục vụ mục đích chuyên dùng khác.

5) Quy hoạch đất cho phát triển các đô thị mới, khu dân cư tập trung, xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, các công trình công cộng, thiết chế văn hóa v.v. đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị hiện đại và nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

6) Gắn khai thác sử dụng đất với nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên, môi trường; bảo vệ các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; đảm bảo sử dụng đất lâu dài, bền vững.

1.2. Định hướng sử dụng các loại đất.

Trên cơ sở hiện trạng tình hình sử dụng đất, tiềm năng quỹ đất chưa khai thác và định hướng phát triển các ngành kinh tế và lĩnh vực xã hội, định hướng sử dụng các loại đất trên địa bàn thành phố Đông Hà giai đoạn 2010-2020 tập trung chủ yếu vào các vấn đề:

1) *Đất nông nghiệp.* Bao gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản.

- Đất sản xuất nông nghiệp theo xu hướng chung sẽ giảm dần (khoảng 180 ha) do chuyển đổi sử dụng sang đất ở, xây dựng các khu đô thị mới và sang

mục đích chuyên dùng khác như làm đường giao thông, các công trình văn hóa, xã hội, công viên v.v. Cần quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh lúa, trồng rau đậu thực phẩm, hoa, cây cảnh, trồng cỏ thâm canh; vùng chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản, đặc sản.

- Đất lâm nghiệp: chuyển một phần diện tích sang xây dựng các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, kho tàng, bến bãi v.v. Bên cạnh đó, cần tích cực khai thác đất trống chưa sử dụng để trồng rừng sản xuất kết hợp trồng rừng cảnh quan v.v. nên có khả năng tăng đất lâm nghiệp lên 130 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: có xu hướng tăng do chuyển một số chân ruộng thấp, hiệu quả kém sang nuôi trồng thủy sản, đặc sản v.v.

2) *Đất phi nông nghiệp*. Có xu hướng ngày càng tăng, đặc biệt là đất ở và đất chuyên dùng do quá trình đô thị hóa phát triển mạnh.

- Đất ở: có nhu cầu tăng cao khoảng 198-200 ha do hình thành các khu đô thị mới như khu đô thị Nam Đông Hà, KĐT Bắc Sông Hiếu, KĐT đường Trần Nguyên Hãn, KĐT Khóa Bảo v.v.;

- Đất chuyên dùng: sẽ tăng lên đáng kể do xây dựng các khu, cụm công nghiệp đường 9D; xây dựng đường tránh phía đông thành phố, mở rộng các tuyến giao thông, xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ, du lịch, các công trình giáo dục-đào tạo, an ninh quốc phòng, văn hóa, xã hội v.v. Cần bố trí sử dụng hợp lý đất phi nông nghiệp đảm bảo phát triển hài hòa giữa kinh tế, đời sống dân sinh và môi trường đô thị theo hướng phát triển bền vững.

3) *Đất chưa sử dụng*. Định hướng sẽ giảm mạnh trong giai đoạn tới. Trên cơ sở kết hợp giải pháp công trình cùng với các giải pháp khác để khai thác, tận dụng triệt để đất chưa sử dụng để đưa vào phát triển các ngành kinh tế, xây dựng hạ tầng đô thị, phục vụ dân sinh, tạo cảnh quan môi trường v.v.

2. Định hướng phát triển không gian đô thị.

Quan điểm chủ đạo về phát triển không gian đô thị Đông Hà là triệt để phát huy các lợi thế về địa hình sông nước, cảnh quan gò đồi để quy hoạch phát triển đô thị một cách hợp lý, đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và giữ vững cân bằng sinh thái. Quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng hiện đại, hình thành các tuyến giao thông mở, kéo dài kết nối nội đô với các vùng lân cận, tạo triển vọng rộng mở không gian đô thị cho phát triển của thành phố trong tương lai.

2.1. Mở rộng không gian nội đô và chia tách các phường

1) Mở rộng không gian đô thị.

Định hướng đến năm 2020, quy hoạch mở rộng không gian nội đô thành phố Đông Hà phát triển về cả 4 hướng:

- Hướng Bắc phát triển sang bờ Bắc sông Hiếu, mở rộng đến các phường Đông Thanh, Đông Giang, kéo dài đến Ngã tư Sông; lấy sông Hiếu làm trung tâm bố trí cảnh quan và điểm nhấn kiến trúc đô thị;

- Hướng Nam phát triển nội đô đến phường Đông Lương, kéo dài đến sông Vĩnh Phước. Xây dựng cơ sở hạ tầng, hình thành các khu đô thị mới hiện đại, tiện nghi, các trục phố mới, bố trí sắp xếp lại các khu dân cư ven đô, từng bước xây dựng nếp sống đô thị.

- Hướng Đông phát triển đô thị đến các phường Đông Lễ, kéo dài đến sông Thạch Hãn. Quy hoạch xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển mô hình nhà-vườn, trồng hoa, cây cảnh.

- Hướng Tây phát triển đến các phường Đông Lương, phường 3, phường 4. Cải thiện hạ tầng các khu dân cư, làng xóm cũ; xây dựng, hình thành quần thể làng sinh thái, làng nghề truyền thống.

Về lâu dài, khi kinh tế phát triển, sức chứa lãnh thổ trở nên chật hẹp, phải tạo khả năng giãn mở không gian kinh tế, tính đến quan hệ kết nối với các đô thị vệ tinh, với khu vực liền kề như Ngã tư Sông, thị trấn Gio Linh (phía Bắc) thị trấn Cửa Việt (phía Đông), thị trấn Cam Lộ, Krông Klang (phía Tây), thị trấn Ái Tử, thị xã Quảng Trị (phía Nam) và hướng tới mở rộng không gian đô thị.

2) Chia tách hành chính các phường.

Trong các giai đoạn 2011-2015, do xu thế phát triển chung của tỉnh và thành phố và yêu cầu tổ chức, quản lý kinh tế, xã hội, sẽ có những điều chỉnh địa giới hành chính các phường trên địa bàn thành phố cho phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Dự kiến sẽ chia tách 2 phường để thành lập một số phường mới:

- Phường 1 chia thành 2 phường.

- Phường 5 chia thành 2 phường.

Như vậy giai đoạn 2011-2015, thành phố Đông Hà được tổ chức thành 11 đơn vị hành chính cấp phường, bao gồm 9 phường hiện nay và 2 phường được thành lập mới.

2.2. Phân khu chức năng đô thị.

Dựa trên đặc điểm điều kiện tự nhiên, truyền thống văn hóa và yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn tới, định hướng phân bố không gian đô thị Đông Hà theo 5 phân khu chức năng cơ bản sau:

1) *Khu trung tâm hành chính.* Bố trí ở khu vực trung tâm thành phố, bao gồm các trục đường chính là đường Hùng Vương, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Lê Quý Đôn, đường Huyền Trân Công Chúa v.v. Đây là khu vực đặt các trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa của tỉnh và thành phố, mang ý nghĩa biểu trưng

cho bộ mặt, vị thế của chính quyền tỉnh và địa phương.

Trụ sở Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và một số Sở Ban ngành đặt trên đường Hùng Vương vẫn định vị tại khu vực trung tâm như hiện nay nhưng cần được cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa các trang thiết bị. Về lâu dài, quy hoạch xây dựng khu hành chính mới trên các tuyến trục đô thị quan trọng và các tuyến đường chính kéo dài, mở rộng. Bố trí xây dựng các cơ quan chức năng một cách liên hoàn để thuận tiện cho làm việc, giao dịch.

Các cơ quan hành chính, công quyền cần được xây dựng khang trang, có kiến trúc hiện đại, có khuôn viên cảnh quan, được trang bị tiện nghi, đầy đủ các phương tiện, thiết bị thông tin liên lạc, tạo thuận lợi cho bộ máy chính quyền giải quyết công việc nhanh, hoạt động hiệu quả v.v.

Khu trung tâm hành chính cũng là khu vực bố trí các công trình văn hóa, dịch vụ, phúc lợi công cộng như Trung tâm văn hóa tỉnh, Quảng Trường, Trung tâm hội nghị, Khu tổ hợp thể dục-thể thao, Công viên trung tâm v.v. Xen kẽ trong khu trung tâm hành chính là các khu biệt thự, nhà ở dân cư, tạo sự gần gũi giữa cơ quan công quyền và nhân dân, có thể hỗ trợ, phối hợp thuận lợi khi cần thiết; quy hoạch xây dựng mạng lưới các cơ sở thương mại, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, làm việc của cán bộ, nhân viên và nhân dân trên địa bàn.

2) *Khu thương mại- dịch vụ- du lịch.* Nằm ở khu vực trung tâm thành phố, chủ yếu trên địa bàn các phường 1, 5. Hiện tại đã phát triển một số công trình thương mại, dịch vụ cơ bản như Chợ trung tâm Đông Hà, một số trục phố kinh doanh, buôn bán. Định hướng quy hoạch trong thời gian tới xây dựng một số công trình có quy mô cấp vùng như Trung tâm thương mại Đông Hà, Trung tâm Hội chợ- Triển lãm, các siêu thị, cửa hàng bố trí lân cận khu vực chợ trung tâm Đông Hà hiện nay. Phát triển các tuyến phố chuyên doanh, kinh doanh tổng hợp, khu dịch vụ tổng hợp đa năng.

Xây dựng các khách sạn, nhà nghỉ tiện nghi đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên. Phát triển các trung tâm thương mại mới trên trục đường Lê Duẩn, đường Hùng Vương kéo dài, đường Lý Thường Kiệt, Phan Chu Trinh và trên địa bàn các khu đô thị mới. Cải tạo xây dựng các công viên, vườn hoa, khu du lịch, giải trí, tôn tạo các công trình văn hóa v.v. đáp ứng nhu cầu mua sắm, tham quan, nghỉ ngơi của dân cư và du khách thập phương.

3) *Khu tập trung công nghiệp, kho tàng.* Tập trung chủ yếu ở phía Đông Nam thành phố, thuộc các phường ven đô như phường Đông Lương, Đông Lễ. Khu vực này có lợi thế nằm trên trục đường Bắc-Nam, quốc lộ 9D, gần nhà ga, bến bãi, thuận lợi cho vận chuyển và lưu thông hàng hóa. Trong các thời kỳ tiếp theo, bố trí mở rộng các cụm, điểm công nghiệp hướng ra ngoài ô theo các trục đường vành đai, về vùng gò đồi phía Tây có không gian mở để giảm thiểu ô

nhiệm môi trường cho thành phố. Trên khu vực tập trung công nghiệp và kho tàng định hướng phát triển các công trình cơ bản như:

- Khu công nghiệp Nam Đông Hà là khu công nghiệp tổng hợp, thu hút đầu tư phát triển đa dạng các ngành công nghiệp-TTCN. Nên chú trọng thu hút các ngành công nghiệp sạch, công nghệ cao, ít gây ô nhiễm.

- Khu công nghiệp phía Tây thành phố chủ yếu phát triển các ngành công nghiệp sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng, chế biến phân bón v.v.

- Các cụm công nghiệp-TTCN: bố trí trên địa bàn các phường xen kẽ trên các địa bàn có điều kiện thuận lợi cho phát triển như các làng nghề truyền thống, có nguồn lao động tay nghề v.v.

- Quy hoạch xây dựng các kho tàng, bến bãi lưu giữ và trung chuyển hàng hóa và dịch vụ vận tải theo các trục đường vành đai như quốc lộ 9, 9D v.v.

- Quy hoạch phát triển các đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt.

Trong khu vực tập trung công nghiệp cần bố trí phù hợp các công trình cơ sở hạ tầng như mạng lưới giao thông, thông tin liên lạc, cơ sở thương mại dịch vụ, công trình tiện ích công cộng v.v. phục vụ nhu cầu đời sống, sinh hoạt của cán bộ, chuyên gia, công nhân các khu công nghiệp và dân cư trên địa bàn.

4) *Khu đô thị sinh thái, làng nghề.* Nằm ở phía Bắc và phía Tây thành phố, bao gồm các phường Đông Thanh, Đông Giang, có cảnh quan sông Hiếu thơ mộng, có các di tích lịch sử văn hóa, cách mạng, cần quy hoạch phát triển mô hình du lịch trên sông Hiếu, làng sinh thái hoa, cây cảnh, du lịch lịch sử, làng nghề. Trên địa bàn phường 3, phường 4 phía Tây có cảnh quan hồ nước tự nhiên như hồ Khe Mây, Khe Lấp, hồ Km 6, không gian dạng đồi bát úp đặc trưng, định hướng quy hoạch hình thành lâm viên cây xanh, làng sinh thái trồng hoa, cây cảnh, kết hợp với khai thác du lịch, cải tạo môi trường đô thị. Đây cũng là vùng có các làng nghề truyền thống mộc mỹ nghệ, rau cao cấp, hoa, cây cảnh, cần chú trọng khôi phục phát triển.

Từng bước đầu tư xây dựng hạ tầng cơ bản như đường đến hồ, đường liên thông ven hồ, các công trình văn hóa, thể thao, cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí đa dạng, hấp dẫn. Bố trí xây dựng các khách sạn, nhà nghỉ tiện nghi có thể lưu giữ dài ngày các du khách khi đến với Đông Hà; xây dựng các tượng đài lịch sử, một số biểu tượng về truyền thống văn hóa địa phương, tạo cho thành phố một không gian văn hóa tinh thần v.v.

5) *Vùng vành đai ngoại ô.* Cần chú trọng mối quan hệ không gian lãnh thổ giữa trung tâm đô thị và vùng ngoại vi, giữa khu vực nội thị và vùng nông nghiệp ven đô; mối quan hệ giữa quá trình phát triển đô thị hoá của thành phố và các thị trấn, thị tứ vệ tinh với mục đích tạo sự liên kết lãnh thổ, mở rộng không

gian kinh tế, tạo sự lan tỏa thúc đẩy các vùng lân cận phát triển.

3. Định hướng bố trí cảnh quan kiến trúc đô thị

3.1. Quan điểm chung.

- Định hướng bố trí cảnh quan kiến trúc chủ đạo của thành phố Đông Hà mang đậm nét mô hình "thành phố bên sông nước" và "đô thị nhà-vườn", phát triển theo hướng kiến trúc xanh và hiện đại. Các công trình quan trọng tạo cảnh quan đô thị cần được xây dựng theo định hướng chủ đạo này nhằm tạo cho Đông Hà những nét cá tính riêng về cảnh quan kiến trúc. Điểm đặc trưng nổi trội của địa thế tự nhiên Đông Hà là được bao bọc bởi các dòng sông và có nhiều không gian mặt nước các hồ. Cần tận dụng lợi thế này để tạo cho thành phố vẻ đẹp kiến trúc sông nước, vừa tôn được vẻ đẹp tự nhiên, vừa cải thiện môi trường đô thị.

- Đông Hà là đô thị trẻ, hiện tại mật độ tập trung dân cư chưa cao so với nhiều đô thị trong vùng và cả nước, có địa hình đa dạng, diện tích đất chưa sử dụng còn nhiều, cần phát huy lợi thế này để quy hoạch phát triển thành phố theo mô hình đô thị-vườn; xây dựng biệt thự, nhà ở có khuôn viên cây cảnh, cây ăn quả, đưa thiên nhiên vào bố cục cảnh quan đô thị, tạo sự hòa đồng giữa con người và thiên nhiên, phát triển theo xu hướng đô thị sinh thái, văn minh. Mô hình kiến trúc nhà-vườn có thể phát triển ở các khu vực có điều kiện về đất đai, cảnh quan tự nhiên, đặc biệt là trên các trục đường ven sông Hiếu, dọc đường 9D, khu vực gò đồi phía Tây thành phố.

- Đông Hà nằm trong khu vực khí hậu khô nóng khắc nghiệt, do đó kiến trúc các công trình đô thị cần được xây dựng hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và điều kiện khí hậu. Cần tạo được phong cảnh kiến trúc đa dạng, ấn tượng, thẩm mỹ làm tôn thêm vẻ đẹp, nét đặc trưng của đô thị.

- Chú trọng tạo lập diện mạo văn hóa kiến trúc cho đô thị Đông Hà: chính trang, làm tăng giá trị thẩm mỹ cho các đường phố, trục lộ chính; xây dựng quảng trường, nhà hát, vườn hoa, các tường đài lớn, các tác phẩm điêu khắc hoành tráng, đồng thời quảng bá những di tích lịch sử, văn hóa đặc trưng, di tích tâm linh truyền thống v.v.

3.2. Định hướng bố cục cảnh quan kiến trúc chủ đạo của một số khu vực trọng điểm của đô thị Đông Hà:

- *Cảnh quan kiến trúc đô thị khu vực phía Bắc.* Lấy trục sông Hiếu làm trung tâm, phát triển các khu đô thị mới về hai phía bờ Bắc và bờ Nam sông. Quy hoạch dành quỹ đất cho xây dựng các trục đường hai bên sông. Các công trình trọng điểm, tòa nhà cao tầng, khu đô thị mới cần được xây dựng với những kiến trúc đẹp, ấn tượng, hiện đại, làm tôn được nét nổi trội của sông Hiếu, hướng tới tạo dựng được hình ảnh tiêu biểu "thành phố bên sông Hiếu". Các

tuyến đường hai bờ sông nên lựa chọn trồng những loại cây xanh hè phố thích hợp với khí hậu địa phương, mang phong cách riêng cho thành phố Đông Hà; lựa chọn những kiểu đèn chiếu sáng đẹp, độc đáo, tạo sự lung linh, thơ mộng của dòng sông. Khu vực các phường Đông Thanh, Đông Giang quy hoạch phát triển các mô hình nhà-vườn, làng sinh thái hoa, cây cảnh, du lịch lịch sử, văn hóa tạo không gian trù phú, hiện đại của khu vực ven sông.

- *Cảnh quan kiến trúc đô thị khu vực trung tâm thành phố.* Cần thể hiện được diện mạo, bộ mặt của đô thị. Khu trung tâm bao gồm các trục phố chính, nơi tập trung các cơ quan đầu não của tỉnh, thành phố, các trung tâm thương mại, văn hóa-xã hội, tập trung đông dân cư. Cần xây dựng các công trình đô thị, nhà ở dân cư có kiến trúc đa dạng, hiện đại, mang tính thẩm mỹ cao, có tầm nhìn dài hạn. Đối với các khu phố cũ cần cải tạo, chỉnh trang nhà cửa, đường phố theo khuôn viên trật tự, nền nếp, văn minh đô thị.

Các trụ sở của các cơ quan Đảng, hành chính, công quyền cần được xây dựng khang trang, bề thế, tiện nghi, thoáng đạt, vừa thể hiện sự uy nghiêm của chính quyền, vừa gần gũi quần chúng.

Các công trình văn hóa, các trung tâm thương mại, khu du lịch, dịch vụ, khu thể thao v.v. cần có dáng kiến trúc đẹp, hấp dẫn, gợi nên sự mời gọi nhằm thu hút du khách.

Khu vực các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan nghiên cứu nên xây dựng theo kiến trúc thanh thoát, liên hoàn tạo sự nhẹ nhàng, phóng khoáng phù hợp với những suy ngẫm, nghiên cứu, ý tưởng sáng tạo v.v. Những trục đường chính nên lựa chọn trồng những loại cây bóng mát tiêu biểu, lấp đặt những kiểu dáng đèn chiếu sáng đặc trưng, tạo cho mỗi đường phố dáng vẻ riêng, tạo nên sự đa dạng, sinh động cho bộ mặt đô thị.

- *Cảnh quan kiến trúc đô thị khu vực phía Nam.* Cần thể hiện được sự phát triển, năng động và tiềm lực kinh tế của thành phố. Đây là khu vực có lợi thế về địa thế, mặt bằng, cơ sở hạ tầng giao thông thuận lợi. Định hướng cảnh quan kiến trúc theo hướng hình thành vùng công nghiệp tập trung, hệ thống các kho tàng bến bãi, xây dựng các khu đô thị mới hiện đại, văn minh. Quy hoạch các khu vực có quy mô, bài bản hướng tới sự phát triển mở rộng đô thị. Hạ tầng cần được xây dựng hoàn chỉnh cả về giao thông đối ngoại, giao thông nội thị, tạo sự liên thông thuận lợi, phát huy được hiệu quả hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Các kho tàng bến bãi cần được quy hoạch xây dựng hợp lý, phối hợp được giữa các phương thức vận tải, lưu thông hàng hóa, dịch vụ. Các khu đô thị mới cần được quy hoạch xây dựng tiện nghi, có đầy đủ các công trình dịch vụ, văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí thể hiện được nét kiến trúc hiện đại, tạo được nếp sống văn minh đô thị.

- *Cảnh quan kiến trúc đô thị khu vực phía Tây.* Khu vực phía Tây là vùng gò đồi cao thoáng, có các cánh rừng trồng sản xuất, rừng cảnh quan, có lợi thế về không gian mặt nước các hồ Khe Mây, Khe Lấp, hồ Km6 v.v; còn nhiều quỹ đất chưa sử dụng. Cần quy hoạch hình thành một số khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; quy hoạch trồng rừng cảnh quan, hình thành các công viên cây xanh, xây dựng mô hình nhà-vườn, khu biệt thự có khuôn viên cây cảnh, làng sinh thái trồng hoa, cây cảnh, tạo không gian thoáng mát "lá phổi" của thành phố, tạo cho đô thị một không gian thư thái, tĩnh tâm, con người được hòa đồng với thiên nhiên sau những ngày làm việc, lao động căng thẳng.

- *Cảnh quan kiến trúc vành đai ven đô.* Vùng này bao gồm các làng ven đô chuyên trồng rau thực phẩm, hoa cây cảnh, các làng nghề thủ công truyền thống (rèn, mộc, gốm v.v). Kiến trúc cảnh quan vùng ven đô có thể kết hợp cùng tồn tại các kiểu nhà truyền thống và kiến trúc nhà đô thị hiện đại, bảo tồn nhà thờ họ, đình chùa v.v. Cần chuyển đổi hợp lý, đô thị hóa nông thôn dưới dạng các làng đô thị hiện đại. Để đáp ứng yêu cầu của cuộc sống đô thị cần cải thiện cơ sở hạ tầng các phố-làng truyền thống, xây dựng nhà ở đầy đủ tiện nghi, các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- *Cảnh quan các công viên lâm sinh thái, vườn hoa, cây xanh.* Quy hoạch hình thành các công viên lâm sinh thái-du lịch xen kẽ trong các phân khu chức năng, tạo cảnh quan đẹp và không gian xanh thoáng đạt cho đô thị. Trong khuôn viên các công sở, công trình văn hóa, xã hội cần bố trí vườn hoa, trồng cây cảnh, cây bóng mát, góp phần cải thiện môi trường. Từng bước đầu tư tôn tạo, xây dựng hoàn chỉnh các công viên, vườn hoa, lắp đặt đèn trang trí chiếu sáng, trồng hoa, cây xanh; xây dựng các công trình văn hóa thể thao, vui chơi giải trí, nhà hàng, nhà nghỉ, cơ sở dịch vụ v.v.

Một số công viên trọng tâm trên địa bàn thành phố bao gồm:

- Công viên tượng đài Lê Duẩn. Được bố trí xây dựng trên đường Lê Duẩn, đặt tượng đài Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn, gần Chợ trung tâm Đông Hà, khu thương mại, dịch vụ. Cần thường xuyên tôn tạo, tu bổ tạo không gian kiến trúc thoáng, đẹp cho khu vực trung tâm thành phố.

- Công viên trung tâm Nguyễn Huệ. Được quy hoạch xây dựng trên đường Nguyễn Huệ, nằm ở khu trung tâm thành phố. Đây là công viên tổng hợp có hồ nước, cảnh quan sinh thái vườn hoa, cây xanh, có hệ thống các công trình vui chơi giải trí, nhà nghỉ phục vụ tham quan, thư giãn cho dân cư khu vực nội thị.

- Công viên cây xanh-du lịch-thể thao Cọ Dầu-hồ Trung Chi. Được xây dựng tại khu Cọ Dầu trên đường Hùng Vương kéo dài. Quy hoạch xây dựng thành Công viên lâm sinh thái-khu vui chơi giải trí tổng hợp: có hồ nước, lâm

viên cây xanh sinh thái, hệ thống công trình dịch vụ vui chơi giải trí, văn hóa thể thao v.v. phục vụ đại quần chúng nhân dân trong tỉnh và du khách.

- Khu vực các hồ Khe Mây, Khe Lấp, hồ Km 6, hồ Đại An, Khe Sắn v.v. từng bước quy hoạch, đầu tư trồng cây xanh, xây dựng hạ tầng giao thông, điện chiếu sáng, cấp nước, các cơ sở dịch vụ, hình thành các công viên lâm sinh thái để đưa vào khai thác du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng v.v.

D. CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN LỚN ƯU TIÊN TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2020

1. Các chương trình, dự án trọng điểm phát triển kinh tế, xã hội.

Trong giai đoạn tới đến năm 2010 - 2020, bên cạnh những dự án đầu tư lớn của Trung ương cùng với các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện trên địa bàn, thành phố Đông Hà cần xây dựng các chương trình trọng điểm phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; xác định các dự án ưu tiên đầu tư cho mỗi ngành, lĩnh vực nhằm tạo những chuyển biến mạnh mẽ về tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết các vấn đề về đời sống, xã hội v.v.

1) *Chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.* Tập trung nâng cấp, phát triển mạng lưới giao thông đô thị đạt các tiêu chí đô thị, theo hướng hiện đại, mở rộng hệ thống điện lưới, hiện đại hóa bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình; hoàn chỉnh hệ thống cấp-thoát nước, xử lý môi trường v.v.

2) *Chương trình phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp:* tập trung vào các dự án hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và đẩy mạnh thu hút các dự án phát triển công nghiệp; đầu tư chiều sâu, ứng dụng khoa học công nghệ cao; phát triển TTCN, các làng nghề v.v.

3) *Chương trình khai thác tiềm năng, lợi thế Hành lang kinh tế Đông-Tây,* đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng cao, mở cửa hướng tới xuất khẩu, hội nhập.

4) *Chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn:* tập trung vào các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; xây dựng vùng sản xuất chuyên canh cây trồng; phát triển kinh tế trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi đặc sản; nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nuôi tôm sú; trồng rừng kinh tế, rừng cảnh quan; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, sử dụng, du nhập giống mới; chương trình xây dựng nông thôn mới v.v.

5) *Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:* xây dựng các dự án đào tạo, đào tạo lại nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, quản lý cho đội ngũ cán bộ; chương trình đào tạo nghề, đội ngũ công nhân kỹ thuật; giải quyết việc làm; hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao v.v.

6) *Chương trình phát triển các lĩnh vực xã hội:* tập trung phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục-đào tạo, bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống; vệ sinh

an toàn thực phẩm v.v.

7) *Chương trình cải cách hành chính, tăng cường năng lực quản lý*: cải cách thủ tục hành chính, sắp xếp lại tổ chức, phân công chức năng; nâng cao năng lực quản lý, điều hành; tăng cường trang bị cơ sở vật chất, thực hiện Chính phủ điện tử v.v.

8) *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách*: khuyến khích ưu đãi đầu tư, quản lý đô thị, đất đai và các cơ chế đặc thù cho thành phố.

9) *Một số chương trình khác*: bảo vệ môi trường, phòng tránh tác động biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai v.v.

2. Xác định các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đến năm 2010 - 2020 (xem phần phụ biểu kèm theo).

Phần thứ ba

CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN THỰC HIỆN QUI HOẠCH. KẾT LUẬN VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ

I- CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUI HOẠCH

1. Giải pháp về vốn đầu tư

1.1. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư xã hội (Theo PAII- giá năm 2010).

Để đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế theo phương án II và thực hiện được các mục tiêu kinh tế-xã hội đề ra trong qui hoạch phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2020 của thành phố, tổng nhu cầu đầu tư trong cả giai đoạn 2011-2020 cần 36.959 tỷ đồng, trong đó thời kỳ 2011-2015 cần 11.437 tỷ đồng, thời kỳ 2016-2020 cần 25.522 tỷ đồng.

(Theo giá hiện hành-tính cả trượt giá, tổng nhu cầu đầu tư giai đoạn 2011-2020 cần 65.503 tỷ đồng, trong đó các thời kỳ tương ứng là 16.772 và 48.731 tỷ đồng).

Nhu cầu vốn đầu tư chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Trong cả giai đoạn 2011-2020, ngành công nghiệp-xây dựng cần khoảng 15.798 tỷ đồng, chiếm 42,7%, khu vực nông-lâm-ngư nghiệp cần 103 tỷ, chiếm 0,3%, khu vực dịch vụ 21.059 tỷ đồng, chiếm 57,0%.

Dự báo nhu cầu và cơ cấu vốn đầu tư xã hội (Theo giá năm 2010- Tỷ đồng)

Các chỉ tiêu	2011-2015	2016-2020	2011-2020
I. Tổng vốn đầu tư theo thời kỳ	11.437	25.522	36.959
- Công nghiệp- XD	4884	10914	15798
- Nông, lâm, ngư	44	59	103
- Dịch vụ	6509	14549	21059
II. Cơ cấu đầu tư theo ngành (%)	100,0	100,0	100,0
- Công nghiệp- XD	42,7	42,8	42,7
- Nông, lâm, ngư	0,4	0,2	0,3
- Dịch vụ	56,9	57,0	57,0

1.2. Sơ bộ cân đối các nguồn vốn

Vốn ngân sách Nhà nước. Bao gồm vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố. Nguồn vốn này có xu hướng giảm dần trong các thời kỳ sau: từ 38% hiện nay xuống còn 30% vào năm 2015, đến năm 2020 giảm còn 25%. Vốn ngân sách chủ yếu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các lĩnh

vực phúc lợi công cộng.

Nguồn vốn doanh nghiệp và vốn từ dân. Thu hút nguồn vốn của các doanh nghiệp trong tỉnh, từ các tỉnh/thành phố trong cả nước và vốn trong dân, đáp ứng khoảng 58-60% và có xu hướng tăng lên. Nguồn vốn này chủ yếu đầu tư cho phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng hạ tầng. Nguồn vốn huy động trong dân chiếm khoảng 18-20%.

Dự báo cân đối nguồn vốn (%)

Nguồn vốn	Các thời kỳ 5 năm	
	2011-2015	2016-2020
I. Vốn đầu tư theo các nguồn (Tỷ đồng)	11.437	25.522
II. Cơ cấu các nguồn vốn	100,0	100,0
- Vốn ngân sách (TW+Tỉnh+Thành phố)	30	25
- Vốn dân và doanh nghiệp	58	60
- Vốn nước ngoài	8	12
- Vốn khác (tín dụng v.v.	3	3

Vốn đầu tư nước ngoài. Bao gồm các nguồn ODA, FDI v.v. Tranh thủ nguồn vốn ODA tập trung đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng và một phần cho phát triển sản xuất. Tích cực thu hút nguồn vốn FDI cho đầu tư phát triển các ngành sản xuất, kinh doanh và một phần đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Cần đẩy mạnh thu hút nguồn vốn nước ngoài, tăng tiềm lực vốn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội.

1.3. Biện pháp huy động các nguồn vốn

a) Nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách địa phương. Cần đầu tư có trọng điểm, tránh dàn trải, tập trung đầu tư dứt điểm các công trình ưu tiên, các dự án có khả năng thu hồi vốn nhanh, phát huy được hiệu quả. Kiên quyết đình chỉ các công trình xét thấy không hiệu quả. Tăng cường quản lý, giám sát đầu tư, chống thất thoát vốn. Thực hành tiết kiệm trong sử dụng vốn ngân sách v.v.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu ngân sách, tăng thêm các nguồn thu trên cơ sở khuyến khích phát triển nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh. Phần đầu tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 20-22%. Có biện pháp quản lý chặt chẽ các nguồn thu, đấu tranh chống trốn lậu thuế, hạn chế thất thu ngân sách.

Huy động vốn hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu quốc gia: cần tranh thủ sự hỗ trợ các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng các làng nghề, chương trình 132, vốn vay từ các nguồn tài chính hợp pháp (ngân hàng phát triển, quỹ đầu tư phát triển địa phương v.v.)

b) Huy động các nguồn vốn nội lực.

- *Huy động vốn từ quỹ đất đai.* Có biện pháp quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả quỹ đất. thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án đã được quy hoạch để tạo vốn đầu tư cho xây dựng các công trình hạ tầng, phát triển các khu đô thị. Đẩy mạnh thực hiện việc cấp giấy quyền sử dụng đất cho các doanh nghiệp và dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các giao dịch liên quan đến đất nhằm huy động nguồn vốn từ đất (thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để vay vốn ngân hàng v.v.).

Huy động vốn từ khu vực các doanh nghiệp và dân cư. Xây dựng danh mục các công trình, dự án cần huy động vốn từ các doanh nghiệp và dân cư đầu tư vào phát triển sản xuất và trên các lĩnh vực xây dựng hạ tầng kinh tế, xã hội (giao thông, điện, y tế giáo dục v.v.). Kết hợp các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách với huy động sự đóng góp của nhân dân trong thực hiện các đề án, chương trình xây dựng, nâng cấp hệ thống đường liên thành phố với các huyện lân cận, đường liên phường, liên cụm, xây dựng trường học, điểm vui chơi, nhà văn hoá khu phố, cụm dân cư v.v.

c) Thu hút các nguồn vốn bên ngoài (trong nước và nước ngoài).

- Tranh thủ, huy động nguồn vốn thông qua các Bộ ngành, Trung ương. Nắm bắt thông tin về quy hoạch do các Bộ ngành, Trung ương xây dựng, thông qua để phối hợp cùng với Sở, Ban ngành của tỉnh kiến nghị các công trình, dự án quan trọng liên quan đến địa bàn Đông Hà (quốc lộ 1A, quốc lộ 9, cao tốc Bắc-Nam, đường sắt cao tốc, cầu lớn qua các sông, các công trình thương mại, du lịch (Trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm cấp khu vực), xây dựng hạ tầng đô thị, các công trình phát triển văn hóa, xã hội v.v. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ trong đền bù, giải phóng nhanh mặt bằng để thực hiện hiệu quả các dự án.

- Mời gọi, vận động các nhà đầu tư trong nước, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế mạnh, có tiềm lực vốn bỏ vốn đầu tư một số dự án lớn trên địa bàn Đông Hà, tạo trọng lực cho nền kinh tế, tạo điểm nhấn ấn tượng thu hút các dự án đầu tư khác. Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, đặc biệt là trong các lĩnh vực trọng điểm, có lợi thế như xây dựng hạ tầng đô thị, đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại, khu du lịch v.v. Khuyến khích đa dạng hóa các hình thức đầu tư: liên doanh, liên kết, đấu thầu, 100% vốn bên ngoài, hình thức BOT, BT... Tăng cường xúc tiến đầu tư dưới nhiều hình thức nhằm giới thiệu tiềm năng, cơ hội đầu tư vào địa bàn Đông Hà. Xây dựng các chương trình hợp tác, liên kết với các tỉnh trong vùng, nhất là với các thành phố lân cận Huế, Đà Nẵng, Đồng Hới và Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

- Tăng cường xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư nước

ngoài (*ODA, FDI v.v*), chú trọng thu hút nguồn vốn FDI, tăng tiềm lực vốn để đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh. Tranh thủ nguồn vốn ODA để đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị. Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài, các trang thông tin cụ thể về nội dung dự án, địa chỉ liên hệ, cán bộ phụ trách v.v để thông tin, giới thiệu các dự án phát triển. Phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban ngành trong tỉnh để tiếp cận, mời gọi các nhà đầu tư. Cải cách thủ tục cấp phép đầu tư, hỗ trợ đền bù, giải phóng nhanh mặt bằng, tạo các điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư sớm triển khai dự án.

- Có chính sách thù lao thích đáng cho những đơn vị, cá nhân giới thiệu, lôi kéo được các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn thành phố.

2. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị.

Đây là giải pháp quan trọng nhằm đẩy nhanh quá trình đô thị hoá, cải thiện môi trường đầu tư, tạo sức hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư. Tích cực huy động nguồn lực tại chỗ, kết hợp với mời gọi các đối tác trong và ngoài nước tham gia đầu tư chính trang, xây dựng hạ tầng đô thị. Tập trung ưu tiên đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án nâng cấp, xây dựng các công trình hạ tầng đô thị quan trọng: các tuyến trục phố chính, các tuyến đường vành đai (đường 9D, đường tránh Đông), một số cầu qua các sông, các nút giao thông, các khu đô thị mới, hệ thống cấp, thoát nước, xử lý môi trường v.v.

Phối hợp với các nhà đầu tư làm tốt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư sớm triển khai và hoàn thành các dự án đúng tiến độ. Đẩy mạnh áp dụng biện pháp sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng. Tích cực hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và hỗ trợ xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào các khu công nghiệp Nam Đông Hà, các cụm công nghiệp phường. Tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư trong và ngoài nước để lấp đầy các khu, cụm công nghiệp-TTCN.

- Tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng và các thủ tục liên quan để sớm triển khai các dự án xây dựng hạ tầng thương mại, du lịch như Trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm, hệ thống các siêu thị, các khách sạn cao cấp, các khu du lịch, dịch vụ; phát triển hệ thống các ngân hàng, trung tâm tài chính, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin v.v. tạo môi trường thu hút các hoạt động kinh doanh nội địa và đón đầu khai thác Hành lang kinh tế Đông-Tây v.v.

- Tập trung chỉnh trang đô thị, cải tạo đường phố, bo lát vỉa hè; xây dựng Công viên trung tâm Nguyễn Huệ, quần thể Nhà văn hóa-Quảng trường trung tâm, các khu sinh thái lâm viên, vườn hoa, cây xanh đường phố. Cải tạo, nâng cấp các trụ sở, công sở các cơ quan công quyền, nâng cấp xây dựng hạ tầng xã hội, tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế, giáo dục- đào tạo, môi sinh môi trường v.v. tạo bộ mặt đô thị khang trang, xanh-đẹp, đáp ứng được yêu cầu phát

triển đô thị văn minh, hiện đại.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đây là giải pháp trước mắt cũng như mang ý nghĩa chiến lược lâu dài, cần đặc biệt chú trọng quan tâm. Đông Hà là trung tâm tập trung nguồn lao động khoa học kỹ thuật, là địa bàn tập trung các cơ sở giáo dục-đào tạo, cơ quan của tỉnh, cần đặc biệt ưu tiên phát triển đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao. Đông Hà phải đi đầu trong quá trình phát triển nền kinh tế tri thức, xây dựng lực lượng lao động có trình độ khoa học, quản lý tốt, đội ngũ công nhân kỹ thuật để đón đầu cung cấp nhân lực cho các khu, cụm công nghiệp, nhà máy lớn, cho hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch theo yêu cầu ngày càng cao của xã hội và đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Để đáp ứng được nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong tình hình mới, cần tập trung vào một số nội dung:

- Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ theo nhiều trình độ khác nhau đáp ứng nhu cầu nhân lực đa dạng của xã hội. Mở rộng quy mô, đa dạng hóa ngành nghề và nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo. Sắp xếp lại, quy hoạch phát triển thêm mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các trường Đại học, các Viện nghiên cứu mở các phân hiệu, phân viện tại Đông Hà, tạo cơ hội, môi trường học tập, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh và thành phố. Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố và của tỉnh. Chú trọng phân luồng, định hướng nghề nghiệp trong các trường phổ thông để có kế hoạch đào tạo.

- Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ, công chức giữ vai trò chủ chốt, trọng yếu trong bộ máy, có năng lực quản lý, điều hành và hoạch định các quyết sách ngang tầm với yêu cầu phát triển mới. Ban hành chế độ ưu đãi, hấp dẫn để thu hút cán bộ giỏi ở tỉnh ngoài và một số sinh viên giỏi ra trường về công tác tại Đông Hà, trong các Sở, Ban ngành, các tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh và của thành phố. Tuyển chọn đào tạo bồi dưỡng để có được một đội ngũ cán bộ giỏi, chuyên sâu về chuyên môn trên các lĩnh vực mũi nhọn, trọng điểm của thành phố.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức các ngành, các cấp về trình độ chuyên môn, về pháp luật, năng lực quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tạo điều kiện thuận lợi để đổi mới, trẻ hóa nhằm nâng cao tính năng động, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới. Mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực về đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực ngoại ngữ, hợp tác đầu tư, quản lý kinh doanh v.v.

- Quan tâm đào tạo đội ngũ công nhân tay nghề cao, nhà quản trị kinh doanh giỏi, nguồn nhân lực chất lượng cao đủ sức để tiếp cận những tiến bộ mới về khoa học quản lý, công nghệ mới, có khả năng dự báo và tiếp cận thị trường để chủ động hội nhập toàn cầu.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục-đào tạo. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển giáo dục-đào tạo, thành lập các trường phổ thông dân lập, tư thục, các trường cao đẳng, trung cấp dạy nghề, tham gia hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm nhằm trang bị các kỹ năng lao động và cơ hội việc làm, tự thân lập nghiệp của cho người lao động, đặc biệt là lao động trẻ.

4. Cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản lý đô thị

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính công, nhất là các thủ tục liên quan đến công tác xúc tiến đầu tư, đăng ký thành lập doanh nghiệp, giao đất. Cải cách thủ tục hành chính trong cấp phép đầu tư, đăng ký kinh doanh. Cụ thể hóa, đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng, thuê đất, vay vốn, thế chấp tài sản nhằm giúp các nhà đầu tư có thể triển khai dự án trong thời gian ngắn nhất và tiết kiệm chi phí trong hoạt động kinh doanh.

Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư, hỗ trợ đền bù, giải phóng mặt bằng, cung ứng lao động, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư. Chủ động phối hợp với các sở, ban ngành chức năng của tỉnh trong việc hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp của mọi thành phần kinh tế.

- Cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị hành chính, sự nghiệp theo hướng tinh gọn, giảm khâu trung gian, khắc phục chồng chéo nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

Chú trọng cải cách phương thức quản lý và lề lối làm việc của các cơ quan hành chính các cấp theo hướng công khai, đơn giản, minh bạch. Từng bước ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước. Hoàn chỉnh nối mạng tin học, lập website của thành phố, thực hiện một số dịch vụ hành chính công qua mạng internet, tích cực tham gia quá trình thực hiện Chính phủ điện tử.

- Kiến nghị với tỉnh ban hành cơ chế riêng, tạo điều kiện cho thành phố chủ động trong xúc tiến thu hút đầu tư; phát huy tính chủ động, linh hoạt và chịu trách nhiệm trong điều hành tài chính, ngân sách địa phương; đảm bảo quyền tham gia, quyết định, xử lý các công việc liên quan đến địa bàn thành phố phù hợp với quy định của Nhà nước.

- Tiếp tục củng cố bộ máy làm công tác quản lý đô thị, thực hiện phân công, phân cấp phù hợp giữa các cấp chính quyền trong quản lý. Nghiên cứu hình thành tổ chức quản lý Nhà nước về kiến trúc - quy hoạch để tăng cường trách nhiệm, quyền hạn trong quản lý xây dựng phát triển thành phố theo quy

hoạch được duyệt; Soạn thảo, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thích hợp để tăng cường quản lý đô thị trong tình hình mới.

5. Giải pháp khoa học công nghệ

Đây là giải pháp quan trọng có thể tạo nên những bước đột phá về năng suất và chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất. Cần tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong mọi lĩnh vực sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường v.v.

Trước hết kiên quyết ngăn chặn việc nhập công nghệ lạc hậu đối với các dự án mới xây dựng. Không loại bỏ công nghệ trung bình và thấp nhưng phù hợp với điều kiện hiện nay và vẫn đem lại hiệu quả. Trên cơ sở đổi mới công nghệ, chuyển mạnh từ sản xuất và xuất khẩu sản phẩm thô sang chế biến và xuất khẩu sản phẩm tinh, sản xuất hàng thay thế nhập khẩu.

Nghiên cứu, lựa chọn tiếp nhận và phát triển các công nghệ mới trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn. Từng bước loại bỏ công nghệ lạc hậu, năng suất, hiệu quả thấp, sản phẩm cạnh tranh kém, gây ô nhiễm môi trường. Chú trọng đổi mới, sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch trong một số ngành công nghiệp mũi nhọn như chế biến nông, thủy sản, thực phẩm, chế biến gỗ và lâm sản, sản xuất vật liệu mới, sản xuất kim loại và cơ khí chế tạo v.v.

Tăng cường áp dụng công nghệ sinh học, quy trình kỹ thuật tiên tiến trong lựa chọn và sản xuất các giống cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chú trọng giống lúa, giống các loại rau, đậu thực phẩm, hoa quả, cây cảnh; giống bò, lợn, gia cầm và các giống thủy sản chất lượng cao; hình thành nền sản xuất nông nghiệp ven đô hiện đại. Chú trọng sử dụng công nghệ sau thu hoạch trong bảo quản, chế biến, vận chuyển sản phẩm v.v.

Ứng dụng công nghệ cao trong bảo vệ và cải tạo môi trường: xử lý rác thải, sản xuất phân vi sinh, phân hữu cơ, công nghệ tái chế các chất thải, xử lý nước thải v.v.

Từng bước hình thành và phát triển công nghệ phần mềm gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và thành phố.

6. Giải pháp tăng cường hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế.

Phối hợp chặt chẽ với các Sở ban ngành chức năng trong tỉnh để nắm bắt thông tin, chủ động đề xuất với tỉnh các chương trình, dự án kêu gọi hợp tác với bên ngoài; tăng cường tiếp xúc, mời gọi các đối tác, tìm kiếm thị trường v.v.

Có kế hoạch hợp tác với các địa phương trong tỉnh, đặc biệt với các khu vực trọng điểm của tỉnh như Khu KTTMĐB Lao Bảo, Cửa Việt, thị xã Quảng Trị, các khu vực lân cận sát với Đông Hà như Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong trong việc cung ứng lương thực, thực phẩm cho thành phố, đảm bảo nguồn

nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, cung cấp lao động, đào tạo nhân lực, cung cấp thông tin thị trường, chuyển giao công nghệ-kỹ thuật, khai thác quỹ đất, nguồn nước, sử dụng và xây dựng hạ tầng đô thị, giải quyết các vấn đề xã hội v.v.

Xây dựng các chương trình, dự án hợp tác cụ thể với các địa phương khác trong vùng, đặc biệt là với các thành phố lớn như Huế, Đà Nẵng, Đồng Hới, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh trong việc thu hút các đối tác đầu tư, phát triển thương mại, du lịch, xuất-nhập khẩu, đào tạo nhân lực, thu hút các chuyên gia, chuyển giao công nghệ-kỹ thuật v.v.

Duy trì các mối quan hệ thường xuyên với các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn thành phố, tạo điều kiện thuận lợi về hạ tầng, thủ tục hành chính, cung ứng, đào tạo lao động, giữ gìn an ninh, trật tự xã hội, tạo sự yên tâm, tin cậy của các nhà đầu tư.

Phát huy mối quan hệ hợp tác với các địa phương, đô thị trên tuyến Hành lang Đông- Tây. Đặc biệt tăng cường hợp tác với Lào trong lĩnh vực thương mại (trao đổi hàng hóa lương thực, thực phẩm, thủy sản, chăn nuôi), hợp tác phát triển giáo dục-đào tạo, chuyển giao công nghệ-kỹ thuật, y tế, liên kết phát triển du lịch v.v. Đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại, mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực như Lào, Thái Lan, Myanmar nhằm mở rộng thị trường xuất-nhập khẩu, thu hút tiềm lực nguồn vốn nước ngoài.

7. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch.

Sau khi dự án quy hoạch tổng thể kinh tế- xã hội thành phố Đông Hà đến năm 2020 được phê duyệt, cần công khai hóa, tuyên truyền, quảng cáo về các mục tiêu, định hướng, các chương trình, dự án đầu tư v.v. tới các thành phần kinh tế, toàn thể nhân dân trong tỉnh cũng như các đối tác đầu tư bên ngoài. Trên cơ sở đó huy động tối đa sức dân và các nguồn lực trong tỉnh, ngoài tỉnh, tiềm lực vốn, khoa học kỹ thuật nước ngoài để thực hiện quy hoạch trong mỗi thời kỳ cụ thể.

Theo định hướng phát triển cơ bản trong qui hoạch tổng thể, cần tiến hành rà soát qui hoạch đô thị, định hướng bố trí phát triển các ngành, lĩnh vực v.v; xác định các trọng điểm đầu tư, phân kỳ và xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm, từng bước đưa qui hoạch vào cuộc sống. Xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương, tạo sự đồng thuận, hợp tác cùng phát triển. Gắn kết chặt chẽ với định hướng quy hoạch tổng thể chung của tỉnh trong triển khai các chương trình, dự án, thực hiện các bước đi, lộ trình phát triển. Kiến nghị với các sở, ban ngành chức năng của tỉnh vận dụng tốt các nội dung qui hoạch của thành phố trong việc đưa các mục tiêu, dự án phát triển của thành phố vào các kế hoạch phát triển 5 năm, hàng năm của

tỉnh để đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội Đông Hà thực sự trở thành đầu tàu, địa bàn động lực năng động của toàn tỉnh. Tăng cường kiểm tra, giám sát của cộng đồng đối với việc thực hiện quy hoạch. Tổ chức đánh giá định kỳ thực hiện quy hoạch và thường xuyên nghiên cứu, cập nhật, bổ sung, điều chỉnh kịp thời quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế và đón bắt các cơ hội mới.

II. KẾT LUẬN VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội thành phố Đông Hà đến năm 2020 có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với thành phố mà đối với cả tỉnh Quảng Trị. Đây là bản luận chứng toàn diện về định hướng phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Đông Hà, thể hiện tầm nhìn tổng thể, dài hạn về sự tăng trưởng tiềm lực kinh tế và phát triển không gian đô thị. Nội dung quy hoạch đưa ra những định hướng cơ bản, định hướng mở cho phát triển các ngành, lĩnh vực; xác định các khâu đột phá, các địa bàn trọng điểm tập trung ưu tiên đầu tư; đề xuất những biện pháp, cơ chế chính sách chủ yếu, phù hợp nhằm phát huy tối đa tiềm năng thế mạnh nội tại, huy động nguồn lực trong tỉnh và thu hút nguồn đầu tư bên ngoài, tạo thêm động lực mới để đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội.

2. Kiến nghị

Để Đông Hà đạt được những bước phát triển nhanh, vươn tới tầm vóc mới, xứng đáng với vai trò chức năng của thành phố trung tâm tỉnh lỵ, trở thành một thành phố phát triển theo kịp các đô thị lớn trong khu vực miền Trung, UNBD thành phố Đông Hà có một số kiến nghị với Tỉnh và Trung ương như sau:

1. Ưu tiên nghiên cứu quy hoạch mở rộng không gian đô thị đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài để thành phố Đông Hà xứng tầm là một trung tâm tỉnh lỵ-đầu cầu phát triển trên tuyến Hành lang Đông-Tây và hướng tới các điều kiện nâng cấp lên đô thị loại II trước năm 2020.

2. Tăng cường đầu tư xây dựng các tuyến trục giao thông đối ngoại quan trọng như đường tránh phía Đông (QL 1A), đường 9D, đường cao tốc Bắc-Nam, đường sắt Bắc-Nam, đường sắt Đông Hà-Lao Bảo; xây dựng các cầu qua sông Hiếu, sông Vĩnh Phước, sông Thạch Hãn, nâng cấp cảng Đông Hà, nhà ga Đông Hà, xây dựng các khu đô thị mới, hoàn thiện hệ thống cấp-thoát nước, điện chiếu sáng, vỉa hè, công trình vệ sinh môi trường v.v.

3. Tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp Nam Đông Hà, Cụm công nghiệp đường 9, cụm CN Đông Lễ. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư, tìm đối tác, kêu gọi các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp lớn vào đầu tư các công trình, dự án quan trọng và xây dựng đô thị, tạo cho Đông Hà một trọng lực có sức thu hút kinh tế và tác động lan tỏa thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn

thành phố và cho toàn tỉnh.

4. Tạo điều kiện thuận lợi để thành phố huy động được các nguồn lực trong nước, nước ngoài sớm triển khai xây dựng các công trình quan trọng về thương mại, dịch vụ, du lịch như: Trung tâm thương mại, Trung tâm Hội chợ-Triển lãm, Trung tâm hội nghị; hệ thống các siêu thị, khách sạn cao cấp; các khu công viên du lịch-vui chơi giải trí; nâng cấp, hiện đại hóa các trung tâm dịch vụ bưu chính, viễn thông; hệ thống các ngân hàng, trung tâm tài chính v.v.

5. Hỗ trợ đầu tư và ban hành cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội. Đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh, thành phố, Nhà văn hóa-Quảng trường trung tâm, Khu công viên trung tâm Nguyễn Huệ, Khu liên hợp thể thao tỉnh, thành lập phân hiệu đại học Huế, trường đại học kỹ thuật, nâng cấp một số trường cao đẳng, trung tâm dạy nghề v.v. Xây dựng các khu nhà ở dân cư, các thiết chế văn hóa, các công trình phúc lợi xã hội v.v.

6. Tranh thủ thu hút về cho Đông Hà các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu, dự án quốc gia và các nguồn vốn viện trợ ODA v.v. để đầu tư bảo vệ môi sinh, môi trường như các công trình xử lý rác thải, nước thải, kè chống xói lở bờ sông, thủy lợi, xây dựng các trạm quan trắc về môi trường v.v.

7. Kiến nghị với Tỉnh xây dựng một chương trình phát triển riêng cho thành phố và ban hành một số cơ chế chính sách đặc thù, mở rộng phân cấp nhằm tạo điều kiện cho Đông Hà có thể chủ động trong xúc tiến đầu tư, trong quản lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến địa bàn thành phố. Phân cấp cho thành phố được quyết định một số nhóm dự án đầu tư phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội và xây dựng hạ tầng đô thị.

8. Kiến nghị với các cơ quan chức năng của tỉnh phối hợp chặt chẽ cùng UBND thành phố Đông Hà trong việc giải quyết các vấn đề mang tính liên ngành, liên lãnh thổ trong sử dụng đất đai, khai thác nguồn nước, khai thác hạ tầng giao thông, liên kết phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch v.v. tạo điều kiện cho các bên cùng hợp tác phát triển, đem lại hiệu quả chung./.

**Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH
thành phố Đông Hà đến năm 2020**

**PHẦN
PHỤ LỤC VÀ BIỂU BẢNG**

Tháng 8 năm 2011

Biểu 1: Kết quả phát triển KT-XH thành phố Đông Hà thời kỳ 2006-2010

Chỉ tiêu	Đơn vị	2006	2007	2008	2009	2010
1. Diện tích tự nhiên	km²	72,96	72,96	72,96	72,96	72,96
2. Dân số trung bình	người	82.331	83.202	84.416	82.739	83.191
. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,3	1,41	1,39	1,35	1,19
3. Tổng GDP (giá CĐ 1994)	tỉ đồng	763,3	879,3	1.003,7	1148,7	1323,0
- Công nghiệp-Xây dựng	„	244,3	286,4	334,5	408,0	510,1
- Nông, lâm, thủy sản	„	26,6	28,5	28,7	29,5	30,4
- Dịch vụ	„	492,6	564,4	640,6	711,1	782,5
4. Tốc độ tăng GDP⁽¹⁾	%	15,0	15,2	14,2	14,4	15,2
- Công nghiệp-Xây dựng	„	20,3	17,2	16,8	21,9	25,0
- Nông, lâm, thủy sản	„	10,8	10,7	0,6	3,0	3,06
- Dịch vụ	„	13,0	14,6	13,5	11,0	10,0
6. Cơ cấu GDP (giá HH)	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
- Công nghiệp-Xây dựng	„	28,0	27,1	27,9	29,1	30,5
- Nông nghiệp, thủy sản	„	3,5	3,9	3,6	3,1	2,9
- Dịch vụ	„	68,5	69,0	69,5	67,8	66,6
7- GDP/người (giá HH)	Triệu đ	18,2	20,3	22,7	27,6	32,3
9.Vốn đầu tư PT (giá HH)	Tỉ đ	257	301	401	669	872
10- Một số chỉ tiêu xã hội						
. Tỷ lệ hộ nghèo ⁽²⁾	%	8,5	6,5	6,48	5,37	4,2
. Tỷ lệ LĐ thất nghiệp thành thị	%	4,5	4,2	4,0	4,0	4,0
. Tỷ lệ LĐ được đào tạo nghề	%	-	-	40	40	40,8
. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%	-	15,0	13,2	13,0	11,5
. Số bác sĩ/1 vạn dân	bác sĩ	-	19,8	18	18	27,4
. Số giường bệnh/1 vạn dân	giường	-	61	72	72	77
. Số máy điện thoại/100 dân	Máy	-	25	27	30	60

(1) Tính theo các năm: 2006/2005; 2007/2006, 2008/2007, 2009/2008, 2010/2009

(2) Theo chuẩn 2006-2010

Biểu 2: Dự kiến một số chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội thành phố Đông Hà đến năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
1. Diện tích tự nhiên	km²	72,96	72,96	72,96
2. Dân số trung bình	người	83,2	105	135
. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,19	1,1	<1,0
3. Tổng GTSX (GO) giá CĐ 1994)	tỉ đồng	2952	6068	13022
- Công nghiệp-Xây dựng	„	1250	3110	7268
- Nông, lâm, thủy sản	„	48	55	66
- Dịch vụ	„	1655	2902	5688
4. Tốc độ tăng GTSX (GO)⁽¹⁾	%	14,7	15,5	16,5
- Công nghiệp-Xây dựng	„	18,8	20,0	18,5
- Nông, lâm, thủy sản	„	4,0	3,0	3,5
- Dịch vụ	„	12,5	11,9	14,4
6. Cơ cấu GTSX (GO) (giá HH)	%	100,0	100,0	100,0
- Công nghiệp-Xây dựng	„	32,5	41,0	43,2
- Nông nghiệp, thủy sản	„	2,2	1,5	1,0
- Dịch vụ	„	65,3	57,5	55,8
7- VA/người (giá HH)	Triệu đ	32,3	63,0	133,2
9. Đầu tư XH 5 năm (giá 2010)	Tỉ đg	872	11437	25522
10- Một số chỉ tiêu xã hội				
. Tỷ lệ hộ nghèo (TC 2006-2010)	%	4,2	<3	-
. Tỷ lệ lao động được đào tạo	%	40,8	55-60	>65
. Tỷ lệ LĐ thất nghiệp	%	5,4	4,2	3,3
. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%	11,5	8,5	4-5
. Số bác sĩ/1 vạn dân	bác sĩ	27,4	30	35
. Số giường bệnh/1 vạn dân	giường	72	72	75
. Số máy điện thoại/100 dân	Máy	60	65	70-75

(1) Tính bình quân/năm thời kỳ 2006-2010, 2011-2015, 2016-2020;

**Biểu 3: Dự báo tăng trưởng và cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp
Thành phố Đông Hà đến năm 2020**

Chỉ tiêu	TH 2010	2015	2020	Tốc độ tăng (%/năm)	
				2011-2015	2016-2020
1-GTSX nông lâm ngư (Ti đ- Giá SS 1994)	47,7	55	66	3,0	3,5
- Nông nghiệp	35,0	40	45	2,8	2,5
- Lâm nghiệp	2,7	3	3	2,4	2,0
- Ngư nghiệp	10,0	12	17	3,8	6,9
2-GTSX nông lâm ngư (Ti đ- Giá HH)	159	267	443		
- Nông nghiệp	117	188	297		
- Lâm nghiệp	8	12	13		
- Ngư nghiệp	34	67	133		
3-Cơ cấu N-L-N nghiệp (Ti đ- Giá HH)	100,0	100,0	100,0		
- Nông nghiệp	73,6	70,3	67,0		
- Lâm nghiệp	5,0	4,5	3,0		
- Ngư nghiệp	21,4	25,2	30,0		

Biểu 4: Dự báo tăng trưởng và cơ cấu ngành nông nghiệp

Chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tăng trưởng (%/năm)	
				2011-2015	2016-2020
1-GTSX nông nghiệp (Tỷ đồng- Giá SS 1994)	35,0	41	46	2,8	2,5
- Trồng trọt	22,4	24	26	2,2	1,8
- Chăn nuôi	8,4	12	14	4,2	4,0
- Dịch vụ	4,2	5	5	2,5	2,1
1- GTSX nông nghiệp (Tỷ đồng- Giá HH)	116,7	183	292		
- Trồng trọt	91,8	116	163		
- Chăn nuôi	24,9	59	117		
- Dịch vụ	-	8	12		
2- Cơ cấu GTSX nông nghiệp (%- giá HH)	100,0	100,0	100,0		
- Trồng trọt	78,7	63,4	56,2		
- Chăn nuôi	21,3	32,2	40,0		
- Dịch vụ	-	4,4	3,8		

Biểu 5: Dự báo nhu cầu sử dụng đất thành phố Đông Hà đến năm 2020*

Đơn vị: ha

	2008	2020	DT tăng, giảm so 2008
Tổng diện tích tự nhiên	7.296	7.296	-
I. Đất nông nghiệp	3986	4050	64
- Đất sản xuất nông nghiệp	1559	1380	-179
- Đất lâm nghiệp	2240	2370	130
- Đất nuôi trồng thủy sản	187	300	113
II. Đất phi nông nghiệp	2492	3082	590
1. Đất ở	782	980	198
2. Đất chuyên dùng	962	1338	376
3. Đất phi nông nghiệp khác	279	295	16
5. Sông suối, mặt nước CD	469	469	0
III. Đất chưa sử dụng	818	164	- 654

*

Biểu 6: DS-ĐH:

DỰ BÁO DÂN SỐ THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020

Đơn vị: Nghìn người

Chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tăng trưởng bình quân (%/năm)	
				2011-2015	2016-2020
I-Dân số trung bình/năm	83,2	105,0	135,0	4,8	5,2
1- Nội thị	60,0	75,6	98,5	4,7	5,4
% so tổng số	72,1	72,0	73,0		
2 - Ngoại đô	23,2	29,4	36,5	4,9	4,4
% so tổng số	27,9	28,0	27,0		
-NK Nông nghiệp	14,0	16,2	18,3	2,9	2,4
% so DS Nông thôn	60,3	55,0	50,0		
II- Dân số trong độ tuổi LĐ	51,8	65,1	83,7	4,7	5,2
% so dân số chung	62,3	62,0	62,0		
- Lao động cần bố trí việc làm	37,0	47,5	62,8	5,1	5,7
% so dân số trong độ tuổi LĐ	71,4	73,0	75,0		

Biểu 07: SDLĐ- ĐH DỰ BÁO SỬ DỤNG LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020

Phương án II

Đơn vị: Nghìn người

Chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tốc độ tăng bình quân (%/năm)	
				2011-2015	2016-2020
I- Lao động có nhu cầu VL	37,0	47,5	62,8	5,1	5,7
<i>a) Lao động có việc làm</i>	35,0	45,5	60,7	5,4	5,9
1-Công nghiệp-Xây dựng	8,8	12,0	16,7	6,5	6,8
% so tổng số	25,0	26,4	27,5		
3- Nông,lâm nghiệp	5,1	5,5	5,8	1,5	1,0
% so tổng số	14,6	12,1	9,5		
4. Khu vực dịch vụ	21,1	28,0	38,3	5,8	6,4
% so tổng số	60,4	61,5	63,0		
<i>b) Lao động chưa có việc</i>	2,0	2,0	2,1		
% so tổng số	5,4	4,2	3,3		

**Biểu 8: GTSX I- ĐH: DỰ BÁO NHỊP ĐỘ TĂNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT (GO) TP.ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020
Phương án II**

Chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tốc độ tăng trưởng (%)	
				2011-2015	2016-2020
1-Tổng GTSX (giá 1994)	2952	6068	13022	15,5	16,5
- Công nghiệp+XD	1250	3110	7268	20,0	18,5
- Nông, lâm nghiệp	48	55	66	3,0	3,5
- Khối dịch vụ	1655	2902	5688	11,9	14,4
2-Tổng GTSX (giá HH)	6750	16399	44190		
- Công nghiệp+XD	2196	6732	19092		
- Nông, lâm nghiệp	148	241	420		
- Khối dịch vụ	4406	9427	24679		
3- Cơ cấu theo GTSX (giá HH)	100,0	100,0	100,0		
- Công nghiệp	32,5	41,0	43,2		
- Nông, lâm nghiệp	2,2	1,5	1,0		
- Khối dịch vụ	65,3	57,5	55,8		

Biểu 10: GTSX III- ĐH: DỰ BÁO NHỊP ĐỘ TĂNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT (GO) TP. ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020

Phương án III

Chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tốc độ tăng trưởng (%)	
				2011-2015	2016-2020
1-Tổng GTSX (giá 1994)	2952	6335	14493	16,5	18,0
- Công nghiệp+XD	1250	2983	6970	19,0	18,5
- Nông, lâm nghiệp	48	55	66	3,0	3,5
- Khối dịch vụ	1655	3297	7458	14,8	17,7
2-Tổng GTSX (giá HH)	6750	17406	51085		
- Công nghiệp+XD	2196	6456	18309		
- Nông, lâm nghiệp	148	241	420		
- Khối dịch vụ	4406	10709	32356		
3- Cơ cấu theo GTSX (giá HH)	100,0	100,0	100,0		
- Công nghiệp	32,5	37,1	35,8		
- Nông, lâm nghiệp	2,2	1,4	0,8		
- Khối dịch vụ	65,3	61,5	63,3		

Biểu 11: GDP- ĐH: DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VA) TP.ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020

Phương án I

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tốc độ tăng trưởng (%)		
				2010/2009	2011-2015	2016-2020
1-Tổng giá trị gia tăng (VA-GDP) (giá SS 1994)	1323	2661	5470	15,2	15,0	15,5
- Công nghiệp+XD	510	1323	3157	25,0	21,0	19,0
- Nông, lâm nghiệp	30	35	41	3,1	3,0	3,0
- Khối dịch vụ	782	1303	2272	10,0	10,7	11,8
1-Tổng GDP (giá HH)	2688	6453	16500			
- Công nghiệp+XD	820	2626	7651			
- Nông, lâm nghiệp	78	127	217			
- Khối dịch vụ	1790	3700	8633			
3- Cơ cấu GDP (giá HH-%)	100,0	100,0	100,0			
- Công nghiệp	30,5	40,7	46,4			
- Nông, lâm nghiệp	2,9	2,0	1,3			
- Khối dịch vụ	66,6	57,3	52,3			
4-Dân số	83,2	105,0	135,0	0,6	4,8	5,2
5- GDP/ng. Giá SS 1994 (Tr.đ)	15,9	25,3	40,5	-	9,8	9,8
+ Giá HH -Triệu đồng	32,3	61,5	122,2			
6-GDP/ng. so tỉnh	239	205	191			

Biểu 12: GDP- ĐH: DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VA) TP.ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020

Phương án II

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tốc độ tăng trưởng (%)		
				2010/2009	2011-2015	2016-2020
1-Tổng giá trị gia tăng (VA-GDP) (giá SS 1994)	1323	2719	5836	15,2	15,5	16,5
- Công nghiệp+XD	510	1269	2966	25,0	20,0	18,5
- Nông, lâm nghiệp	30	35	42	3,1	3,0	3,5
- Khối dịch vụ	782	1415	2828	10,0	12,6	14,9
1-Tổng GDP (giá HH)	2688	6616	17983			
- Công nghiệp+XD	820	2524	7176			
- Nông, lâm nghiệp	78	127	222			
- Khối dịch vụ	1790	3964	10585			
3- Cơ cấu GDP (giá HH-%)	100,0	100,0	100,0			
- Công nghiệp	30,5	38,2	39,9			
- Nông, lâm nghiệp	2,9	1,9	1,2			
- Khối dịch vụ	66,6	59,9	58,9			
4-Dân số	83,2	105,0	135,0	0,6	4,8	5,2
5- GDP/ng. Giá SS 1994 (Tr.đ)	15,9	25,9	43,2		10,2	10,8
+ Giá HH -Triệu đồng	32,3	63,0	133,2			
6-GDP/ng. so tỉnh	239	210	208			

Biểu 13: GDP- ĐH: DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VA) TP.ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020

Phương án III

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tốc độ tăng trưởng (%)		
				2010/2009	2011-2015	2016-2020
1-Tổng giá trị gia tăng (VA-GDP) (giá SS 1994)	1323	2839	6495	15,2	16,5	18,0
- Công nghiệp+XD	510	1217	2844	25,0	19,0	18,5
- Nông, lâm nghiệp	30	35	42	3,1	3,0	3,5
- Khối dịch vụ	782	1587	3609	10,0	15,2	17,9
1-Tổng GDP (giá HH)	2688	6984	20563			
- Công nghiệp+XD	820	2412	6840			
- Nông, lâm nghiệp	78	127	222			
- Khối dịch vụ	1790	4446	13501			
3- Cơ cấu GDP (giá HH-%)	100,0	100,0	100,0			
- Công nghiệp	30,5	34,5	33,3			
- Nông, lâm nghiệp	2,9	1,8	1,1			
- Khối dịch vụ	66,6	63,7	65,7			
4-Dân số	83,2	105,0	135,0	0,6	4,8	5,2
5- GDP/ng. Giá SS 1994 (Tr.đ)	15,9	27,0	48,1	-	11,2	12,2
+ Giá HH -Triệu đồng	32,3	66,5	152,3			
6-GDP/ng. so tỉnh	239	222	238			

Biểu 14: NCDT I- ĐH:

DỰ BÁO NHU CẦU ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020

Phương án I

Chỉ tiêu	2011-2015				2016-2020			
	Gia tăng GDP	Hệ số ICOR	Nhu cầu vốn		Gia tăng GDP	Hệ số ICOR	Nhu cầu vốn	
			Tỷ VNĐ	Tr. USD			Tỷ VNĐ	Tr. USD
Giá năm 2010								
Tổng số	2510	4,2	10623	571	5181	4,2	21816	1064
- Công nghiệp + XD	1307	4,0	5230	317	2950	4,0	11799	576
- Nông, lâm, ngư	12	3,0	37	2	14	3,0	43	2
- Dịch vụ	1190	4,5	5356	325	2216	4,5	9974	487
Giá hiện hành								
Tổng số	3764	4,2	15964	858	10048	4,2	42567	2076
- Công nghiệp + XD	1806	4,0	7224	438	5024	4,0	20098	980
- Nông, lâm, ngư	49	3,0	147	9	90	3,0	269	13
- Dịch vụ	1910	4,5	8593	521	4933	4,5	22200	1083

Biểu 15: NCDT II- ĐH:

DỰ BÁO NHU CẦU ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020

Phương án II

Chỉ tiêu	2011-2015				2016-2020			
	Gia tăng GDP	Hệ số ICOR	Nhu cầu vốn		Gia tăng GDP	Hệ số ICOR	Nhu cầu vốn	
			Tỷ VNĐ	Tr. USD			Tỷ VNĐ	Tr. USD
Giá năm 2010								
Tổng số	2680	4,3	11437	615	5978	4,3	25522	1245
- Công nghiệp + XD	1221	4,0	4884	263	2728	4,0	10914	532
- Nông, lâm, ngư	12	3,5	44	2	17	3,5	59	3
- Dịch vụ	1447	4,5	6510	350	3233	4,5	14549	710
Giá hiện hành								
Tổng số	3927	4,3	16772	902	11367	4,3	48731	2377
- Công nghiệp + XD	1704	4,0	6816	366	4652	4,0	18608	908
- Nông, lâm, ngư	49	3,5	171	9	95	3,5	331	16
- Dịch vụ	2174	4,5	9785	526	6620	4,5	29791	1453

Biểu 16: NCĐT III ĐH:

DỰ BÁO NHU CẦU ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020

Phương án III

Chỉ tiêu	2011-2015				2016-2020			
	Gia tăng GDP	Hệ số ICOR	Nhu cầu vốn		Gia tăng GDP	Hệ số ICOR	Nhu cầu vốn	
			Tỷ VNĐ	Tr. USD			Tỷ VNĐ	Tr. USD
Giá năm 2010								
Tổng số	2989	4,3	12865	692	7260	4,3	31338	1529
- Công nghiệp + XD	1137	4,0	4549	245	2617	4,0	10466	511
- Nông, lâm, ngư	12	3,0	37	2	17	3,0	51	2
- Dịch vụ	1840	4,5	8278	445	4627	4,5	20820	1016
Giá hiện hành								
Tổng số	4296	4,3	18463	993	13578	4,3	58746	2866
- Công nghiệp + XD	1591	4,0	6365	342	4428	4,0	17712	864
- Nông, lâm, ngư	49	3,0	147	8	95	3,0	284	14
- Dịch vụ	2656	4,5	11951	643	9056	4,5	40751	1988

Biểu 17. Danh mục các dự án lớn ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2011-2020

TT	Tên chương trình, dự án	Quy mô	Dự kiến Vốn đầu tư (tỉ đồng)	Nguồn vốn
I	Công nghiệp và xây dựng			
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và Thu hút các dự án vào KCN Nam Đông Hà	Diện tích 99 ha. Thu hút các ngành công nghiệp: sản xuất VLXD (gạch men, đá trang trí nội thất); chế biến gỗ mỹ nghệ xuất khẩu cấp; luyện cán thép, cơ khí (lắp ráp ô tô, máy móc, SX phụ tùng v.v.); may xuất khẩu; chế biến cà phê cao cấp, dầu thực vật, thực phẩm ăn sẵn, đồ uống bia, nước giải khát); công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch: điện tử, tin học, gia công, sản xuất phần mềm v.v.		Vốn NS, vốn vay, thu hút đầu tư
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và Thu hút các dự án vào cụm công nghiệp Đông Lễ	Diện tích 10ha. Tập trung hoàn thiện CSHT, thu hút các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm; cơ khí gia công, sửa chữa; sản xuất nhựa bao bì, giấy; may mặc, mộc mỹ nghệ và dân dụng, SX hàng tiêu dùng, TTCN v.v.	70	Vốn NS, vốn vay, thu hút đầu tư
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và Thu hút các dự án vào cụm CN đường 9D	Diện tích QH 45 ha. Thu hút các ngành công nghiệp cơ khí sửa chữa; chế biến nông sản, gỗ, đồ mộc, nhựa gia dụng, chất dẻo tổng hợp, VLXD, lắp ráp linh kiện, dịch vụ kho tàng trung chuyển hàng hóa v.v.	100	Vốn NS, vay, thu hút đầu tư

TT	Tên chương trình, dự án	Quy mô	Dự kiến Vốn đầu tư (tỉ đồng)	Nguồn vốn
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và Thu hút các dự án vào các cụm CN phường	Thu hút các ngành công nghiệp cơ khí sửa chữa; chế biến nông, lâm, hải sản; thực phẩm truyền thống, VLXD, TTCN, sản phẩm mỹ nghệ làng nghề v.v.	30	Vốn NS, vay, thu hút đầu tư
5	Các nhà máy sản xuất đồ gỗ xuất khẩu		50	DN
6	Các nhà máy may xuất khẩu		50	DN
*	Xây dựng:			
7	Khu đô thị Bắc Sông Hiếu:	128 ha	300	Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
8	Khu đô thị phía Đông (Trần Bình Trọng) - phường 5:	40 ha	30	Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
9	Khu đô thị Đông Khe Mây		40	Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
10	Khu đô thị Bắc Quốc lộ 9 – Đông Thành Cổ	20 ha	70	Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
11	Khu đô thị Phường 5 - Đông Lễ (GD2)	15ha		Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
12	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1, 2, 3,4	> 300 ha		Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
13	Dự án khu đô thị trên tuyến hành lang Đông – Tây (tiểu vùng sông MêKông)		750	ADB, đối ứng
II	Thương mại, du lịch			
1	Trung tâm Hội nghị, hội chợ, triển lãm tỉnh		70	Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
2	Trung tâm thương mại và văn phòng		25	Ngân sách, DN, thu hút đầu tư

TT	Tên chương trình, dự án	Quy mô	Dự kiến Vốn đầu tư (tỉ đồng)	Nguồn vốn
3	Khách sạn Bưu điện		30	Vốn DN, thu hút ĐT
4	Khách sạn Bắc Sông Hiếu		30	Vốn DN, thu hút ĐT
5	Khách sạn Viettel		70	Vốn DN, thu hút ĐT
6	Hệ thống siêu thị, TT thương mại tại Đông Hà		50	Vốn DN, thu hút ĐT
7	Chợ Hàm Nghi (P5)		30	Vốn NS, DN, dân
8	Mạng lưới các chợ khác			Vốn NS, DN, dân
9	Lâm viên hồ Khe Mây		30	Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
10	Công viên hồ Trung Chi		50	Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
11	Công viên Nguyễn Huệ		40	Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
12	Hồ Khe Sắn		15	Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
13	Hồ Km 6-phường 4		10	Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
14	Nạo vét các hồ hiện có (Hói Sòng...)			Ngân sách, DN, thu hút đầu tư
III	Nông nghiệp- Thủy lợi			
1	Vùng chuyên canh lúa cao sản, chất lượng cao			Vốn dân, DN
2	Vùng chuyên canh cây thực phẩm, rau an toàn			Vốn dân, DN
3	XD các trang trại chăn nuôi			Vốn dân, DN
4	DA nuôi tôm nước lợ			Vốn dân, DN
5	DA nuôi trồng thủy sản nước ngọt			Vốn dân, DN
6	Đập Đông Thanh		8	Vốn NS, thu hút ĐT
7	Đập Đại Độ 1		5	Vốn NS, thu hút ĐT

TT	Tên chương trình, dự án	Quy mô	Dự kiến Vốn đầu tư (tỉ đồng)	Nguồn vốn
8	Kè bờ sông Hiếu, sông Vĩnh Phước	8 km	170	Vốn NS, thu hút ĐT
9	Kè Sông Thạch Hãn	4km	80	Vốn NS, thu hút ĐT
10	CSHT phục vụ nông nghiệp			NS, ODA
IV	Hạ tầng đô thị			
*	Giao thông			
1	Cải tạo, xây dựng các nút cổ chai	17	47	
2	Quốc lộ 1A tránh Đông Hà về phía Đông	14 km	60	Vốn TW
3	Mở rộng QL9 tránh Đông Hà về phía Nam (đường 9D); XD cầu vượt đường sắt, quốc lộ 1A (trên đường 9D).			Vốn TW
4	Mở rộng quốc lộ 9 đoạn ngã tư Sông – Cửa Việt			Vốn TW
5	Đường sắt cao tốc Bắc-Nam qua thành phố			Vốn TW
6	XD các nút giao thông	3 nút	50	Ngân sách
7	Đường từ P2 đến Đông Lương, Đông Lễ	5km	120	
8	Đường Trần Nguyên Hãn	1,8km	61	Ngân sách
9	Đường Hoàng Diệu	3,5km	60	Ngân sách
10	Đường Bà Triệu	3km	50	Ngân sách
11	Đường Lý Thường Kiệt nối dài	3km	45	Ngân sách
12	Đường Lê Thánh Tông	1,25 km	12	Ngân sách
13	Đường Trần Bình Trọng	3 km	30	Ngân sách
14	Đường từ QL1 đến Cầu Đại Lộc	250m	100	Ngân sách
15	Đường Nguyễn Trãi nối dài	2 km	30	Ngân sách
16	Đường Thạch Hãn	3 km	20	Ngân sách
17	Đường quanh hồ Khe Mây	5 km	20	Ngân sách
18	Đường Trần Phú	3,5 km	40	Ngân sách
19	Đường Nguyễn Du	1,5 km	15	Ngân sách

TT	Tên chương trình, dự án	Quy mô	Dự kiến Vốn đầu tư (tỉ đồng)	Nguồn vốn
20	Bến xe liên tỉnh		10	Vốn NS, thu hút ĐT
21	Cảng Đông Hà	30.000 tấn/năm	20	Vốn NS, DN, thu hút ĐT
*	Cấp điện, bưu chính, viễn thông			
22	Bưu điện tỉnh, thành phố			Ngân sách
23	Trung tâm công nghệ thông tin			Ngân sách, DN
*	Cấp- thoát nước-VSMT			
24	XD nhà máy nước về Đông Hà và Dự án hợp tác mở rộng cấp nước TP.Đông Hà và vùng lân cận	20.000m ³ /ngày đêm	100	NS, ODA, DN
25	Dự án thu gom và xử lý nước thải (WB)		450	NS đối ứng, WB
26	N/m xử lý rác và sản xuất phân hữu cơ từ rác		165	NS, ODA, DN
27	Cấp nước và vệ sinh môi trường Đông Hà (DA vùng Mêkông cho 4 đô thị)			
28	Xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị			
V	Lĩnh vực văn hóa-xã hội-thể thao			
1)	Giáo dục đào tạo			
1	Phân hiệu Đại học Huế		310	Ngân sách
2	Trường Cao đẳng Y -Dược		30	Ngân sách
3	Trường Cao đẳng dạy nghề		90	Ngân sách
4	Trường Đại học kỹ thuật - thuộc đại học Huế		150	Ngân sách
5	Nâng cấp trường CĐSP thành trường Đại học		100	Ngân sách
6	Trường Trung học CNKT- nghiệp vụ GTVT		40	Ngân sách, DN
7	Nâng cấp trường trung học Y tế thành trường Cao đẳng		50	Ngân sách
8	Nâng cấp trường trung học dạy nghề tổng hợp thành trường Cao đẳng		50	Ngân sách
9	Trung tâm sát hạch lái xe		20	Ngân sách, DN

TT	Tên chương trình, dự án	Quy mô	Dự kiến Vốn đầu tư (tỉ đồng)	Nguồn vốn
2)	Y tế - Văn hoá- TDTT			
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh (500 giường)		700	Ngân sách
2	Bệnh viện Lao		60	Ngân sách
3	Nâng cấp bệnh viện đa khoa thành phố Đông Hà		30	Ngân sách
4	XD các bệnh viện tư thực		50	Vốn DN, dân
5	Nhà văn hóa trung tâm thành phố		40	Ngân sách
6	Nhà văn hóa Thanh thiếu niên		30	Ngân sách
7	Thiết chế văn hóa -thể thao các phường		20	Ngân sách
8	Khu liên hợp thể dục thể thao Đông Hà		50	Ngân sách
9	Nhà thi đấu đa năng tỉnh		60	Ngân sách
10	Thư viện tỉnh		70	Ngân sách

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ.

MỤC LỤC

STT		Trang
	MỞ ĐẦU	1
	Phần thứ nhất	
	ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ NGUỒN LỰC VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI	3
I	ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VỊ VÀ CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN	3
1	Đặc điểm tự nhiên: địa hình, khí hậu, thủy văn	3
2	Các tài nguyên thiên nhiên: đất, nước, khoáng sản, du lịch v.v.	6
II	ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI	10
1	Đánh giá tổng quát về quá trình phát triển	10
	Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu, đầu tư xã hội, thu- chi ngân sách; vị trí Đông Hà trong nền kinh tế tỉnh Quảng Trị.	
2	Hiện trạng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu	14
2.1	Lĩnh vực dịch vụ	14
2.2	Công nghiệp-TTCN	15
2.3	Nông, lâm, ngư nghiệp	16
2.4	Cơ sở hạ tầng	17
2.5	Dân số và các vấn đề xã hội	20
2.6	Quốc phòng-an ninh và trật tự an toàn xã hội	23
2.7	Nhận định chung về những thành tựu đạt được. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm	23
III	ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ TIỀM NĂNG LỢI THẾ VÀ HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN	24
IV	CÁC YẾU TỐ BÊN NGOÀI TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KT-XH THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ	26
1	Bối cảnh quốc tế và khu vực	26
2	Định hướng phát triển trong nước và khu vực miền Trung	30
3	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Quảng Trị đến năm 2020	31
	Phần thứ hai	
	ĐỊNH HƯỚNG QUI HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ ĐẾN NĂM 2020	33
A	QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU	33
II	Chức năng của thành phố Đông Hà	33
II	Quan điểm phát triển	34
III	Các mục tiêu chủ yếu	35
IV	Các phương án tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	37

V	Một số trọng điểm phát triển mang tính đột phá	44
B	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CHỦ YẾU	46
I	Lĩnh vực dịch vụ (Thương mại, dịch vụ, du lịch)	46
II	Công nghiệp, tiểu thủ CN	59
III	Nông, lâm, ngư nghiệp	66
IV	Kết cấu hạ tầng (giao thông, điện, nước và quản lý đô thị v.v.)	72
V	Dân số, lao động và các lĩnh vực xã hội (giáo dục-đào tạo, y tế, văn hóa-thể thao...)	82
VI	Khoa học công nghệ	91
VII	Bảo vệ tài nguyên, môi trường, phát triển bền vững	92
VIII	Quốc phòng-an ninh	93
C	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THEO KHÔNG GIAN LÃNH THỔ	94
1	Định hướng sử dụng đất đến năm 2020	94
2	Định hướng phát triển không gian đô thị	95
3	Định hướng bố trí cảnh quan kiến trúc đô thị	99
D	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN LỚN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	102
	Phần thứ ba	
	CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH	104
	KẾT LUẬN VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ	
I	Các giải pháp chủ yếu	104
II	Kết luận và những kiến nghị	112
	PHẦN PHỤ LỤC VÀ BIỂU BẢNG	114